BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

NGỮ VĂN 10

TẬP HAI



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

BÙI MẠNH HÙNG (Tổng Chủ biên)
PHAN HUY DŨNG (Chủ biên)
TRẦN NGỌC HIẾU – NGUYỄN THỊ DIỆU LINH – ĐẶNG LƯU – HÀ VĂN MINH
NGUYỄN THỊ NGỌC MINH – NGUYỄN THỊ NƯƠNG – ĐỖ HẢI PHONG

NGỮ VĂN

TẬP HAI

(Tái bản lần thứ tư)

10

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

MỤC LỤC

BÀI	NỘI DUNG		TRANG
6	**NGUYỄN TRÃI – "DÀNH CÒN ĐỂ TRỢ DÂN NÀY"**		**4**
	ĐỌC	Tác gia Nguyễn Trãi	**6**
		Bình Ngô đại cáo (*Đại cáo bình Ngô* – Nguyễn Trãi)	**11**
		Bảo kính cảnh giới (*Gương báu răn mình*), bài 43 – Nguyễn Trãi	**22**
		Dục Thuý sơn (*Núi Dục Thuý* – Nguyễn Trãi)	**24**
		Thực hành tiếng Việt: Sử dụng từ Hán Việt (tiếp theo)	**26**
	VIẾT	Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội	**27**
	NÓI VÀ NGHE	Thảo luận về một vấn đề xã hội có ý kiến khác nhau	**31**
	Củng cố, mở rộng		**33**
	Thực hành đọc	*Ngôn chí*, bài 3 (Nguyễn Trãi)	**34**
		Bạch Đằng hải khẩu (*Cửa biển Bạch Đằng* – Nguyễn Trãi)	**35**
7	**QUYỀN NĂNG CỦA NGƯỜI KỂ CHUYỆN**		**37**
	ĐỌC	*Người cầm quyền khôi phục uy quyền* (Trích *Những người khốn khổ*, Vích-to Huy-gô – Victor Hugo)	**39**
		Dưới bóng hoàng lan (Thạch Lam)	**46**
		Một chuyện đùa nho nhỏ (An-tôn Sê-khốp – Anton Chekhov)	**53**
		Thực hành tiếng Việt: Biện pháp chêm xen, biện pháp liệt kê	**59**
	VIẾT	Viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học (Chủ đề và nhân vật trong tác phẩm truyện)	**61**
	NÓI VÀ NGHE	Thảo luận về một vấn đề văn học có ý kiến khác nhau	**66**
	Củng cố, mở rộng		**68**
	Thực hành đọc	*Con khướu sổ lồng* (Trích – Nguyễn Quang Sáng)	**70**

Hãy bảo quản, giữ gìn sách giáo khoa để dành tặng các em học sinh lớp sau.

8	**THẾ GIỚI ĐA DẠNG CỦA THÔNG TIN**		**73**
	ĐỌC	*Sự sống và cái chết* (Trích *Từ điển yêu thích bầu trời và các vì sao* – Trịnh Xuân Thuận)	**75**
		Nghệ thuật truyền thống của người Việt (Trích *Văn minh Việt Nam* – Nguyễn Văn Huyên)	**78**
		Phục hồi tầng ozone: Thành công hiếm hoi của nỗ lực toàn cầu (Lê My)	**84**
		Thực hành tiếng Việt: Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ	**89**
	VIẾT	Viết một văn bản nội quy hoặc văn bản hướng dẫn nơi công cộng	**90**
	NÓI VÀ NGHE	Thảo luận về văn bản nội quy hoặc văn bản hướng dẫn nơi công cộng	**93**
	Củng cố, mở rộng		**95**
	Thực hành đọc	*Tính cách của cây* (Trích *Đời sống bí ẩn của cây*, Pê-tơ Vô-lơ-lê-ben – Peter Wohlleben)	**96**
9	**HÀNH TRANG CUỘC SỐNG**		**99**
	ĐỌC	*Về chính chúng ta* (Trích *7 bài học hay nhất về vật lí*, Các-lô Rô-ve-li – Carlo Rovelli)	**100**
		Con đường không chọn (Rô-bớt Phờ-rốt – Robert Frost)	**104**
		Một đời như kẻ tìm đường (Trích – Phan Văn Trường)	**107**
		Thực hành tiếng Việt: Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ (tiếp theo)	**111**
	VIẾT	Viết bài luận về bản thân	**113**
	NÓI VÀ NGHE	Thuyết trình về một vấn đề xã hội có sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ	**118**
	Củng cố, mở rộng		**120**
	Thực hành đọc	*Mãi mãi tuổi hai mươi* (Trích – Nguyễn Văn Thạc)	**121**
	ÔN TẬP HỌC KÌ II		**124**
	Bảng tra cứu thuật ngữ		**128**
	Bảng giải thích một số thuật ngữ		**130**
	Bảng tra cứu một số yếu tố Hán Việt		**132**
	Bảng tra cứu tên riêng nước ngoài		**134**

Bài 6

NGUYỄN TRÃI
"DÀNH CÒN ĐỂ TRỢ DÂN NÀY"(*)

Yêu cầu cần đạt

- Vận dụng được những hiểu biết về Nguyễn Trãi để đọc hiểu một số tác phẩm của tác gia này.
- Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong văn bản văn học.
- Nhận biết và phân tích được cách sắp xếp, trình bày luận điểm, lí lẽ, bằng chứng và vai trò của yếu tố biểu cảm trong văn bản nghị luận.
- Viết được văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội: trình bày rõ quan điểm và hệ thống luận điểm, bài viết có cấu trúc chặt chẽ, sử dụng các bằng chứng thuyết phục.
- Biết thảo luận về một vấn đề có những ý kiến khác nhau; đưa ra được những căn cứ thuyết phục; tôn trọng người đối thoại.
- Kính trọng, biết ơn và học tập những nhân vật kiệt xuất đã có đóng góp lớn lao cho lịch sử, văn hoá dân tộc.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

ĐỌC

TRI THỨC NGỮ VĂN

Văn học trung đại Việt Nam

Văn học trung đại Việt Nam hình thành, phát triển trong khoảng thời gian từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX, trong thời kì phong kiến. Văn học trung đại Việt Nam gồm hai bộ phận: văn học viết bằng chữ Hán và văn học viết bằng chữ Nôm. Văn học trung đại Việt Nam có liên hệ mật thiết với nguồn mạch văn học dân gian; đồng thời tiếp thu một cách chọn lọc, sáng tạo tinh hoa của nhiều nền văn học trong khu vực, đặc biệt là văn học cổ điển Trung Hoa.

(*) Câu thơ trích trong bài *Tùng*, thuộc *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi.

Văn học trung đại Việt Nam luôn gắn bó sâu sắc với vận mệnh của quốc gia, dân tộc, thể hiện rõ tinh thần yêu nước và đề cao các giá trị nhân văn, nhân đạo. Tính quy phạm được xem là đặc trưng nổi bật nhất trong văn học trung đại, theo đó, sáng tác văn học phải tuân theo những quy định chặt chẽ có tính khuôn mẫu, từ quan điểm sáng tác, kiểu tư duy nghệ thuật, hình thức thể loại đến hệ thống thi liệu và các thủ pháp ngôn ngữ,... Tuy nhiên, trong quá trình phát triển của văn học trung đại Việt Nam và ở sáng tác của nhiều tác giả, một số đặc điểm quy phạm đã bị phá vỡ, thể hiện tính dân tộc và ý thức cá tính trong cả nội dung và hình thức nghệ thuật.

Tác giả văn học trung đại Việt Nam

Nền văn học trung đại Việt Nam được tạo dựng bởi các thế hệ trí thức giàu ý thức tự tôn dân tộc. **Tác giả văn học trung đại Việt Nam** hấp thụ tinh hoa văn hoá dân gian của người Việt và tiếp nhận ảnh hưởng của các hệ tư tưởng Nho, Phật, Đạo theo xu hướng dân tộc hoá. Nhiều tác giả là anh hùng dân tộc có đóng góp to lớn cho sự nghiệp dựng nước và giữ nước.

Văn nghị luận Việt Nam thời trung đại

Văn nghị luận Việt Nam thời trung đại có thành tựu rất phong phú, được viết theo nhiều thể văn khác nhau như hịch, cáo, chiếu, biểu, thư, trát, luận thuyết, tự, bạt,... Văn nghị luận thời trung đại thường có bố cục mang tính quy phạm với các phần đảm nhiệm những chức năng cụ thể, lời văn chứa nhiều điển tích, điển cố, lập luận chặt chẽ,... Trong đó, hịch, cáo, chiếu, thư là những thể văn tiêu biểu nhất.

Yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận

Văn nghị luận không chỉ thuyết phục người đọc bằng lí lẽ sắc bén, bằng chứng xác thực mà còn bằng các yếu tố biểu cảm. **Yếu tố biểu cảm** trong văn nghị luận thể hiện nhiệt huyết của người viết trong việc bày tỏ và bảo vệ quan điểm. Nhờ các yếu tố biểu cảm như cảm xúc, hình ảnh, giọng điệu, không chỉ chủ kiến của người viết được bộc lộ rõ ràng mà khả năng tác động đến người đọc của văn bản nghị luận cũng được gia tăng.

VĂN BẢN 1

Tác gia Nguyễn Trãi

- *Bạn hãy kể tên một số tác giả văn học trung đại Việt Nam có đóng góp quan trọng trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc.*
- *Hãy chia sẻ một vài thông tin về tác giả mà bạn ngưỡng mộ.*

I. TIỂU SỬ

Nguyễn Trãi (1380 – 1442) hiệu Ức Trai, quê gốc ở làng Chi Ngại, tỉnh Hải Dương (nay thuộc thành phố Hải Phòng), nhưng lớn lên cùng gia đình ở làng Nhị Khê (nay thuộc thành phố Hà Nội). Thân phụ Nguyễn Trãi là Nguyễn Phi Khanh, đỗ Thái học sinh[1] dưới triều Trần; thân mẫu là Trần Thị Thái – con quan Tư đồ[2] Trần Nguyên Đán.



Nguyễn Trãi

Chú ý vai trò của Nguyễn Trãi trong cuộc kháng chiến chống quân Minh.

Năm 1400, Nguyễn Trãi thi đỗ Thái học sinh và làm quan cùng cha dưới triều Hồ. Năm 1407, triều Hồ sụp đổ, giặc Minh bắt Nguyễn Phi Khanh đưa về Trung Quốc và giam lỏng Nguyễn Trãi ở thành Đông Quan[3]. Một thời gian sau (khoảng năm 1423), Nguyễn Trãi tìm vào Lam Sơn (Thanh Hoá) theo giúp Lê Lợi, dâng *Bình Ngô sách* (Sách lược đánh dẹp giặc Minh). Ông được Lê Lợi tin dùng và đã có đóng góp đặc biệt quan trọng trong cuộc kháng chiến chống quân Minh. Năm 1427, cuộc kháng chiến kết thúc thắng lợi, Lê Lợi lên ngôi Hoàng đế và giao cho Nguyễn Trãi viết *Bình Ngô đại cáo*.

Trong thời gian Lê Thái Tổ trị vì cũng như đầu triều Lê Thái Tông, nội bộ triều đình nảy sinh xung đột, nhiều bậc công thần bị sát hại, Nguyễn Trãi cũng bị nghi kị.

---

(1) *Thái học sinh*: học vị của người đỗ kì thi Hội thời Trần – Hồ, tương đương với học vị Tiến sĩ của các triều đại sau.

(2) *Tư đồ*: một chức hàm trong Tam Tư (gồm Tư đồ, Tư mã, Tư không), là chức hàm gia phong cho các vị đại thần thuộc hoàng tộc, quyền ngang Tể tướng.

(3) *Đông Quan*: tên gọi Thăng Long thời thuộc Minh.

Năm 1437, ông xin về ở ẩn tại Côn Sơn, tỉnh Hải Dương (nay thuộc thành phố Hải Phòng). Năm 1440, vua Lê Thái Tông mời Nguyễn Trãi ra giúp nước. Ông cảm kích nhận ơn tri ngộ[1]: "Thương thần như con ngựa già còn ham rong ruổi; xem thần như thông qua năm rét càng dạn tuyết sương" (*Biểu tạ ơn*). Năm 1442, Nguyễn Trãi bị bọn gian thần vu cho tội giết vua và phải chịu án "tru di tam tộc"[2], thơ văn bị tiêu huỷ, cấm đoán. Đến tận năm 1464, vua Lê Thánh Tông mới minh oan cho Nguyễn Trãi và năm 1467 ban lệnh tìm kiếm, cho khắc in di cảo[3] của ông.

Năm 1980, Nguyễn Trãi được tổ chức UNESCO vinh danh là Danh nhân văn hoá của nhân loại.

II. SỰ NGHIỆP SÁNG TÁC

Nguyễn Trãi để lại cho hậu thế một di sản văn hoá quý giá, trong đó nổi bật là những sáng tác được viết bằng chữ Hán hoặc chữ Nôm, thuộc nhiều lĩnh vực: quân sự, chính trị, lịch sử, địa lí, văn học. Tác phẩm chữ Hán gồm: *Ức Trai thi tập, Quân trung từ mệnh tập, Bình Ngô đại cáo, Lam Sơn thực lục, Dư địa chí, Chí Linh sơn phú* và *Băng Hồ di sự lục*; sáng tác chữ Nôm có: *Quốc âm thi tập*.

1. Nội dung thơ văn

Thơ văn Nguyễn Trãi phong phú, đa dạng về đề tài, cảm hứng; giàu giá trị tư tưởng và đậm tính trữ tình. Nổi bật trong các tác phẩm của ông là *tư tưởng nhân nghĩa*[4], *tình yêu thiên nhiên* và những *ưu tư về thế sự*.

Chú ý nội dung cơ bản của tư tưởng nhân nghĩa trong thơ văn Nguyễn Trãi.

Tư tưởng nhân nghĩa có nguồn gốc từ Nho giáo nhưng đã được Nguyễn Trãi tiếp thu một cách chọn lọc, sáng tạo. Với Nguyễn Trãi, nhân nghĩa trước hết là thương dân; lấy cuộc sống bình yên, no ấm của nhân dân làm mục tiêu cao nhất: *Vì dân lo trước, dạ khôn nguôi* (*Mạn hứng*, bài 2). Nguyễn Trãi luôn khẳng định vai trò và sức mạnh của nhân dân: *Lật thuyền mới biết dân như nước* (*Quan hải – Ức Trai thi tập*). Đặc biệt, ông không chỉ thương dân mà còn biết tôn trọng dân, biết ơn dân. Tư tưởng trọng dân, ơn dân bao trùm, xuyên suốt sáng tác của Nguyễn Trãi:

Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân,
Quân điếu phạt trước lo trừ bạo.

(*Bình Ngô đại cáo*)

---

(1) *Tri ngộ*: gặp gỡ nhau, biết rõ, thấu hiểu tấm lòng.

(2) *Tru di tam tộc*: hình phạt thảm khốc thời phong kiến, xử tử nhiều người; tuỳ từng trường hợp, "tam tộc" có thể gồm ba họ (họ cha, họ mẹ, họ vợ) hoặc ba đời (đời mình, đời con, đời cháu).

(3) *Di cảo*: bản thảo tác phẩm của người chết để lại.

(4) *Tư tưởng nhân nghĩa*: tư tưởng Nho học, có nội dung chính là thương yêu con người, coi trọng dân chúng, xây dựng nền chính trị ổn định dựa trên cơ sở lấy "tam cương, ngũ thường" làm gốc. Trong các sáng tác của mình, Nguyễn Trãi nhấn mạnh mục đích, hành động thực tiễn của lí tưởng nhân nghĩa là *yên dân* và *trừ bạo*. Tư tưởng nhân nghĩa đã được Nguyễn Trãi phát triển sâu sắc ở nhiều phương diện.

Ăn lộc đều ơn kẻ cấy cày.

(*Bảo kính cảnh giới*, bài 19 – *Quốc âm thi tập*)

Là một nhà Nho, lí tưởng yêu nước của Nguyễn Trãi đĩ nhiên gắn liền với tư tưởng trung quân: *Quân thân chưa báo lòng canh cánh* (*Ngôn chí*, bài 7 – *Quốc âm thi tập*); với giấc mơ về một triều đại vua sáng, tôi hiền. Nhưng xét đến cùng, nội dung cốt lõi trong tư tưởng yêu nước của Nguyễn Trãi là tình yêu dành cho nhân dân, là khát vọng xây dựng một đất nước độc lập, thái bình, hưng thịnh.

Tình yêu thiên nhiên là nguồn cảm hứng lớn trong thơ văn Nguyễn Trãi (đặc biệt là thơ). *Ức Trai thi tập* và *Quốc âm thi tập* chứa đựng cả một thế giới thiên nhiên đa dạng, vừa mĩ lệ vừa bình dị, gần gũi. Có thể tìm thấy trong kho báu thiên nhiên "đầy qua nóc" ấy khung cảnh tráng lệ của cửa biển Bạch Đằng, Vân Đồn, Thần Phù, Vọng Doanh; vẻ hùng vĩ, nguyên sơ của Yên Tử, Côn Sơn; chốn thôn quê bình dị, dân dã, thân thuộc với những *đất cày ngõ ải, giậu mùng tơi, lảnh mùng, bè muống,...* Tâm hồn Nguyễn Trãi rộng mở, tinh tế, lãng mạn – nâng niu từng vẻ đẹp, từng khoảnh khắc giao hoà cùng thiên nhiên:

Cây rợp tán che am mát;
Hồ thanh nguyệt hiện bóng tròn.
Rùa nằm hạc lẩn nên bầy bạn;
Ủ ấp cùng ta làm cái con.

(*Ngôn chí*, bài 20 – *Quốc âm thi tập*)

Biểu hiện của tình yêu thiên nhiên và nỗi niềm thế sự.

Một đời ôm mối "ưu dân, ái quốc" nên hồn thơ Ức Trai trĩu nặng suy tư trước thế sự đen bạc. Thơ ông có nhiều chiêm nghiệm buồn về nhân tình thế thái; có cả những cay đắng, thất vọng, đau đớn trước một thực tại hỗn độn, bất công, ngang trái:

Phượng những tiếc cao, diều hãy liệng;
Hoa thì hay héo, cỏ thường tươi.

(*Tự thuật*, bài 9 – *Quốc âm thi tập*)

Nguyễn Trãi đã đối diện với thực tại ấy bằng tâm thế, tư thế của cây tùng, cây bách: *Một mình lạt thuở ba đông* (*Tùng – Quốc âm thi tập*), bằng cốt cách của hoa cúc, hoa sen: *Sen nào có bén trong lầm* (*Thuật hứng*, bài 25 – *Quốc âm thi tập*). Ông lựa chọn quan niệm sống, triết lí sống thanh cao, cứng cỏi, kiêu hãnh và lí tưởng cao cả:

– *Chớ cậy sang mà ép nề.*
Lời chăng phải vuỗn[1] *khôn nghe.*

(*Trần tình*, bài 8 – *Quốc âm thi tập*)

– *Trừ độc, trừ tham, trừ bạo ngược;*
Có nhân, có trí, có anh hùng.

(*Bảo kính cảnh giới*, bài 5 – *Quốc âm thi tập*)

---

[1] *Vuỗn*: âm cổ của *vẫn*, chỉ tình trạng hay sự thể nào đó cứ tiếp diễn như trước.

2. Đặc điểm nghệ thuật

Thơ văn Nguyễn Trãi kết tinh nhiều thành tựu nghệ thuật đặc sắc; góp phần quan trọng vào sự phát triển, hoàn thiện một số thể loại văn học trung đại Việt Nam: văn chính luận, thơ chữ Hán và thơ chữ Nôm.

Đóng góp quan trọng của Nguyễn Trãi ở từng thể loại: văn chính luận, thơ chữ Hán, thơ chữ Nôm.

Văn chính luận của Nguyễn Trãi, đặc biệt là những thư từ bút chiến, văn kiện ngoại giao với nhà Minh luôn đạt đến trình độ mẫu mực. Nguyễn Trãi đã vận dụng một cách triệt để và sắc sảo các mệnh đề tư tưởng, đạo đức của Nho giáo và chân lí khách quan của đời sống để tạo dựng nền tảng chính nghĩa vững chắc cho những luận điểm lớn được nêu lên. Nhiều văn bản được mở đầu bằng triết lí nhân nghĩa: "Mưu tính việc lớn phải lấy nhân nghĩa làm gốc, hoàn thành công to phải lấy nhân nghĩa làm đầu." (*Lại thư trả lời Phương Chính – Quân trung từ mệnh tập*) hoặc bằng những quy luật tất yếu: "Tôi nghe: Trời không che riêng ai, đất không chở riêng ai, mặt trời mặt trăng không chiếu riêng ai." (*Lại thư cho Vương Thông – Quân trung từ mệnh tập*).

Sức thuyết phục của văn chính luận Nguyễn Trãi còn được tạo nên nhờ khả năng bám sát từng đối tượng và tình hình thời sự, chiến sự; sự kết hợp giữa lí lẽ sắc bén với dẫn chứng xác đáng; cách lập luận và bố cục chặt chẽ; ngôn ngữ hàm súc, kết hợp nhiều phong cách ngôn ngữ và nhiều phương thức biểu đạt, giọng điệu truyền cảm. Lê Quý Đôn từng ca ngợi Nguyễn Trãi là cây bút viết thư, thảo hịch tài giỏi hơn hết mọi thời.

Thơ chữ Hán của Nguyễn Trãi hầu hết được sáng tác bằng các thể thơ Đường luật, đạt tới sự nhuần nhuyễn, điêu luyện; ngôn ngữ cô đúc; nghệ thuật tả cảnh, tả tình tinh tế, tài hoa. Nghệ thuật trữ tình vẫn mang nét trang nhã, hàm súc "ý tại ngôn ngoại" của thơ cổ phương Đông nhưng không theo hướng cầu kì, khuôn thước. Ý tình trong nhiều bài thơ vừa in đậm dấu ấn cá nhân vừa có giá trị tư tưởng sâu sắc (*Loạn hậu đáo Côn Sơn cảm tác, Chu trung ngẫu thành, Tự thán, Thanh minh,…*). Hình tượng thiên nhiên trong *Ức Trai thi tập* khi thì phóng khoáng, hùng vĩ, diễm lệ, khi thì thanh sơ, thơ mộng (*Thần Phù hải khẩu, Đề Yên Tử sơn Hoa Yên tự, Vân Đồn, Tức hứng, Mộ xuân tức sự, Trại đầu xuân độ,…*).

Thơ chữ Nôm của Nguyễn Trãi được đánh giá là đỉnh cao của dòng thơ quốc âm (tiếng Việt) thời trung đại. Trong *Quốc âm thi tập*, ông dường như đã có ý thức sáng tạo một thể thơ riêng khi đưa câu thơ lục ngôn[1] xen vào bài thơ thất ngôn ở các vị trí đa dạng, linh hoạt, đồng thời rất chú ý Việt hoá nhiều đề tài, thi liệu mượn từ văn học Trung Quốc.

[1] *Lục ngôn*: sáu tiếng.

Ngôn ngữ thơ Nôm Nguyễn Trãi giản dị, đậm đà tính dân tộc; sử dụng nhiều từ láy, thành ngữ, tục ngữ và lời ăn tiếng nói của dân chúng:

Tay ai thì lại làm nuôi miệng.
Làm biếng ngồi ăn lở núi non.

(*Bảo kính cảnh giới*, bài 22 – *Quốc âm thi tập*)

Thơ văn Nguyễn Trãi xứng đáng là tập đại thành[1] của năm thế kỉ văn học trung đại Việt Nam tính đến mốc thế kỉ XV. Ông là tác gia có đóng góp đặc biệt quan trọng trong việc xây dựng nền văn học Đại Việt sau thời gian nước ta bị quân xâm lược nhà Minh đô hộ và thi hành chính sách huỷ diệt văn hoá.

Vị trí của Nguyễn Trãi trong nền văn học trung đại Việt Nam.

Trả lời câu hỏi

1. Dựa vào những thông tin trong văn bản, hãy nêu ấn tượng sâu sắc nhất của bạn về cuộc đời và con người Nguyễn Trãi.
2. Điều gì đã tạo nên giá trị đặc sắc trong tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi?
3. Nêu cảm nhận của bạn về tâm hồn Nguyễn Trãi qua những bài thơ viết về thiên nhiên.
4. Đọc những vần thơ Nguyễn Trãi viết về nỗi niềm thế sự, bạn hình dung như thế nào về con người tác giả?
5. Văn chính luận của Nguyễn Trãi đã từng thể hiện sức tác động mạnh mẽ như thế nào? Những yếu tố nào đã làm nên sức mạnh đó?
6. Hãy kể tên những tác phẩm văn học, nghệ thuật mà bạn biết nói về cuộc đời và sự nghiệp của danh nhân Nguyễn Trãi.

Kết nối đọc – viết

Sưu tầm một bài thơ chữ Hán hoặc chữ Nôm của Nguyễn Trãi và viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) giới thiệu bài thơ đó.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

[1] *Tập đại thành*: thành tựu lớn, có ý nghĩa tổng hợp, kết tinh nhiều phương diện giá trị.

VĂN BẢN 2

Bình Ngô đại cáo

(Đại cáo bình Ngô(*))

Nguyễn Trãi

- *Bạn đã từng học, từng đọc những áng văn cổ Việt Nam nào được mệnh danh là "hùng văn"? Hãy chia sẻ thông tin khái quát về một trong số các tác phẩm ấy.*
- *Theo bạn, một tác phẩm được nhìn nhận là bản tuyên ngôn độc lập của một dân tộc thường ra đời trong hoàn cảnh nào và có những đặc điểm gì?*

1 Từng nghe:

Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân,
Quân điếu phạt[1] trước lo trừ bạo.
Như nước Đại Việt ta từ trước,
Vốn xưng nền văn hiến[2] đã lâu.
Núi sông bờ cõi đã chia,
Phong tục Bắc Nam cũng khác.
Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần[3] bao đời gây nền độc lập,
Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên[4] mỗi bên xưng đế[5] một phương.

Chú ý tư tưởng thực thi nhân nghĩa xuyên suốt tác phẩm.

Chủ quyền quốc gia được thể hiện ở những phương diện cơ bản nào?

(*) *Bình Ngô*: dẹp tan giặc Ngô (*bình*: dẹp bằng, phá tan, làm cho yên ổn; *Ngô*: chỉ giặc Minh, từng sang xâm lược và cai trị nước ta). Người sáng lập nhà Minh (Trung Quốc) là Chu Nguyên Chương (1328 – 1398), tức Minh Thái Tổ, lúc dấy nghiệp ở đất Ngô, tự xưng là Ngô vương. Do đó, sách lịch sử cũng thường gọi nhà Minh là Ngô.

(1) *Điếu phạt*: rút gọn cụm từ "điếu dân phạt tội" trong *Kinh thư* (tức *Thượng thư*), nói việc vua Thang, vua Vũ vì thương xót (*điếu*) nhân dân mà trừng trị (*phạt*) kẻ có tội là vua Kiệt, vua Trụ.

(2) *Văn hiến*: ở đây chỉ chung nền văn hoá lâu đời, có nhân vật anh hùng, có sử sách ghi chép lại quá trình hình thành và phát triển của dân tộc (*văn*: tư liệu lịch sử, văn hoá thành văn; *hiến*: hiền tài).

(3) *Triệu, Đinh, Lý, Trần*: các thời kì, triều đại nối tiếp nhau xây dựng nền tự chủ Đại Việt: Triệu (207 – 111 trước Công nguyên), Đinh (968 – 979), Lý (1010 – 1224), Trần (1125 – 1399). Một số bộ sử cũ đã xem nhà Triệu là một triều đại của lịch sử Việt Nam và xếp triều đại này vào thời kì tự chủ.

(4) *Hán, Đường, Tống, Nguyên*: các triều đại trong lịch sử Trung Quốc, gần tương ứng với các thời kì, triều đại trong lịch sử Việt Nam ở trên: Hán (204 trước Công nguyên – 220), Đường (618 – 907), Tống (960 – 1279), Nguyên (1280 – 1378).

(5) *Đế*: quốc gia độc lập, tự chủ, vua xưng là *đế* hay *hoàng đế*. Từ sau khi nhà Tần (Trung Quốc) thống nhất Trung Quốc và xưng Tần Thuỷ hoàng đế, chữ *đế* dần có hàm nghĩa phân biệt với *vương*, chỉ vua chư hầu. Trong nguyên văn, chữ *đế* được sử dụng như động từ, thể hiện tư tưởng xác lập thể chế nhà nước tự chủ.

Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau,

Song hào kiệt[1] đời nào cũng có.

Vậy nên:

Lưu Cung[2] tham công nên thất bại,

Triệu Tiết[3] thích lớn phải tiêu vong.

Cửa Hàm Tử[4] bắt sống Toa Đô[5],

Sông Bạch Đằng[6] giết tươi Ô Mã[7].

Việc xưa xem xét,

Chứng cớ còn ghi.

2 Vừa rồi:

Nhân họ Hồ[8] chính sự[9] phiền hà,

Để trong nước lòng dân oán hận.

Quân cuồng Minh thừa cơ gây hoạ,

Bọn gian tà bán nước cầu vinh.

Nướng dân đen[10] trên ngọn lửa hung tàn,

Vùi con đỏ[11] xuống dưới hầm tai vạ.

Dối trời lừa dân đủ muôn nghìn kế,

Gây binh kết oán trải hai mươi năm.

Tâm trạng phẫn uất của tác giả trước tội ác của kẻ thù đã được thể hiện như thế nào?

---

(1) *Hào kiệt*: chỉ chung những bậc anh hùng xuất chúng, có công trạng lớn đối với quốc gia (*hào*: tài trí hơn người; *kiệt*: giỏi giang, kiệt xuất).

(2) *Lưu Cung*: vua Nam Hán, sai con là Lưu Hoằng Thao đem quân sang xâm lược nước ta, bị Ngô Quyền đánh bại và giết chết ở sông Bạch Đằng.

(3) *Triệu Tiết*: tướng nhà Tống, từng mang quân xâm lược nước ta, bị Lý Thường Kiệt đánh bại.

(4) *Hàm Tử*: một địa điểm trên sông Hồng, thuộc tỉnh Hưng Yên. Trần Nhật Duật phối hợp cùng Trần Quốc Toản đã đại phá quân Toa Đô ở đây.

(5) *Toa Đô*: tướng nhà Nguyên, mang quân xâm lược nước ta, bị quân dân nhà Trần đánh bại. Theo nhiều tài liệu sử học thì Toa Đô bị giết chết ở trận Tây Kết (Hưng Yên) chứ không phải ở Hàm Tử.

(6) *Bạch Đằng*: sông chảy giữa Quảng Ninh và Hải Phòng. Sông Bạch Đằng gắn liền với nhiều chiến công của quân dân Đại Việt chống kẻ thù xâm lược phương Bắc trong lịch sử.

(7) *Ô Mã*: tức Ô Mã Nhi, tướng nhà Nguyên, bị quân dân nhà Trần đánh bại ở trận Bạch Đằng.

(8) *Hồ*: tên một triều đại trong lịch sử Việt Nam (1400 – 1407). Sau khi giành được quyền lực từ tay nhà Trần, Hồ Quý Ly lên ngôi, lập ra triều Hồ và đổi quốc hiệu Đại Việt thành Đại Ngu. Năm 1406, nhà Minh mượn cớ "phù Trần diệt Hồ" kéo quân sang xâm lược nước ta.

(9) *Chính sự*: việc chính trị, các chính sách và chế độ quản lí đất nước của một quốc gia.

(10) *Dân đen*: dịch chữ *thương sinh* (dân sống dưới bầu trời xanh), chỉ người dân bình thường.

(11) *Con đỏ*: dịch chữ *xích tử*, ý nói con mới đẻ ra còn đỏ, cần nâng niu, nuôi nấng. Lấy ý câu trong sách *Thượng thư*: "Người làm vua phải bảo vệ nhân dân như bảo vệ con đỏ của mình".

Bại nhân nghĩa nát cả đất trời,

Nặng thuế khoá sạch không đầm núi.

Người bị ép xuống biển dòng lưng mò ngọc, ngán thay cá mập, thuồng luồng.

Kẻ bị đem vào núi đãi cát tìm vàng, khốn nỗi rừng sâu, nước độc.

Vét sản vật, bắt chim trả[1], chốn chốn lưới chăng,

Nhiễu nhân dân, bẫy hươu đen[2], nơi nơi cạm đặt.

Tàn hại cả giống côn trùng cây cỏ,

Nheo nhóc thay kẻ goá bụa khốn cùng.

Chú ý giọng văn đầy cảm xúc của tác giả khi nói về những nỗi cực khổ mà nhân dân ta phải chịu đựng.

Thằng há miệng, đứa nhe răng, máu mỡ bấy no nê chưa chán;

Nay xây nhà, mai đắp đất, chân tay nào phục dịch cho vừa.

Nặng nề những nỗi phu phen,

Tan tác cả nghề canh cửi.

Độc ác thay, trúc Nam Sơn[3] không ghi hết tội,

Dơ bẩn thay, nước Đông Hải[4] không rửa sạch mùi.

Lẽ nào trời đất dung tha,

Ai bảo thần nhân chịu được?

3 Ta đây:

Núi Lam Sơn[5] dấy nghĩa,

Chốn hoang dã nương mình.

Ngẫm thù lớn há đội trời chung,

Căm giặc nước thề không cùng sống.

Chủ tướng Lê Lợi và nghĩa quân Lam Sơn đã có suy nghĩ và hành động gì trước tội ác của giặc Minh?

Đau lòng nhức óc[6], chốc đà mười mấy năm trời;

Nếm mật nằm gai[7], há phải một hai sớm tối.

---

(1), (2) *Chim trả, hươu đen*: các loài vật quý hiếm.

(3), (4) *Nam Sơn, Đông Hải*: *Nam Sơn* là một ngọn núi cao, *Kinh thi* có câu: *Tiết bỉ Nam Sơn* (núi Nam kia cao vòi vọi). *Đông Hải*: biển ở phía đông. Cả hai câu trên mượn chữ và ý trong bài hịch của Ngỗi Hưu và Lương Nguyên kể tội Tuỳ Dượng đế: *Khánh Nam Sơn chi trúc thư tội vô cùng, quyết Đông Hải chi ba lưu ác nan tận* (Chặt hết trúc Nam Sơn, chép không hết tội; vét cạn nước Đông Hải, rửa chẳng sạch ác).

(5) *Lam Sơn*: tên một vùng núi của tỉnh Thanh Hoá; là vùng rừng núi nơi Lê Lợi dấy quân khởi nghĩa, lịch sử vẫn gọi là khởi nghĩa Lam Sơn.

(6) *Đau lòng nhức óc* (nguyên văn: *thống tâm tật thủ*): chữ mượn từ sách *Tả truyện*, ý nói căm giận vô cùng.

(7) *Nếm mật nằm gai* (nguyên văn: *thường đảm ngoạ tân*): nếm mật đắng, nằm trên gai, dẫn điển vua nước Việt đời Đông Chu là Câu Tiễn bị vua nước Ngô là Phù Sai cướp nước, bèn nuôi chí phục thù, trước khi ăn thì nếm mật đắng, khi ngủ thì nằm trên gai để không quên mối thù cũ.

Quên ăn[1] vì giận, sách lược thao[2] suy xét đã tinh;

Ngẫm trước đến nay, lẽ hưng phế[3] đắn đo càng kĩ.

Những trằn trọc trong cơn mộng mị,

Chỉ băn khoăn một nỗi đồ hồi[4].

Vừa khi cờ nghĩa dấy lên[5],

Chính lúc quân thù đương mạnh.

Lại ngặt vì:

Tuấn kiệt[6] như sao buổi sớm,

Nhân tài như lá mùa thu.

Việc bôn tẩu[7] thiếu kẻ đỡ đần,

Nơi duy ác[8] hiếm người bàn bạc.

Tấm lòng cứu nước, vẫn đăm đăm muốn tiến về đông[9],

Cỗ xe cầu hiền, thường chăm chăm còn dành phía tả[10].

Thế mà:

Trông người người càng vắng bóng, mịt mù như nhìn chốn bể khơi,

Tự ta, ta phải dốc lòng[11], vội vã hơn cứu người chết đuối.

Phần thì giận hung đồ ngang dọc,

Những khó khăn gì của nghĩa quân Lam Sơn buổi đầu dấy binh được chú ý nhấn mạnh?

---

(1) *Quên ăn* (nguyên văn: *phát phẫn vong thực*): mượn chữ trong sách *Luận ngữ*, nói về việc khi chí ham học nổi lên thì quên cả ăn. Cả câu này ý nói về chí miệt mài nghiền ngẫm binh thư để tìm kế sách đánh giặc cứu nước.

(2) *Lược thao*: phép tắc và mưu chước dụng binh, đây là cách gọi ghép hai từ *lục thao* và *tam lược*. *Lục thao* là tên một cuốn sách dạy về quân sự tương truyền do Lã Vọng đời Chu soạn, gồm sáu thiên; *Tam lược* là tên một cuốn sách do Hoàng Thạch Công soạn, gồm ba phần.

(3) *Hưng phế*: sự nổi lên (*hưng*) và mất đi (*vong, phế*) của các triều đại.

(4) *Đồ hồi*: mưu tính khôi phục lại cơ đồ cũ (*đồ*: mưu tính; *hồi*: quay trở lại).

(5) *Cờ nghĩa dấy lên*: phất cờ hiệu triệu nhân dân đứng lên đấu tranh bảo vệ chính nghĩa.

(6) *Tuấn kiệt*: nhân tài, hào kiệt, chỉ các bậc anh hùng tài giỏi. Ý cả hai câu này: bậc anh hùng xuất hiện ít (như sao buổi sớm), người tài giỏi hiếm hoi (như lá trên cành vào mùa thu).

(7) *Bôn tẩu*: bôn ba, chạy vạy lo toan công việc (*bôn*: đi vội vã; *tẩu*: chạy).

(8) *Duy ác*: ngày xưa, tướng chỉ huy ra trận thường quây màn làm nơi bàn luận và quyết định chiến sự, do đó *duy ác* được dùng để chỉ bộ chỉ huy.

(9) *Tiến về đông*: mượn chữ từ một câu nói của Lưu Bang (Hán Cao tổ) với Tiêu Hà khi bị Hạng Vũ ép dồn về phía Tây: "Dư diệc dục đông hĩ, an năng uất uất cửu cư ư thử" (Ta cũng muốn tiến về phía đông chứ sao có thể rầu rĩ ở mãi chốn này được). Ở đây, tác giả dùng chữ trên tỏ ý muốn (từ phía tây – Lam Sơn) tiến về Đông Đô – Thăng Long, lúc này đang bị giặc Minh chiếm đóng.

(10) *Dành phía tả*: dẫn điển Tín Lăng Quân nước Ngụy thời Đông Chu, nghe tiếng Hầu Doanh là hiền sĩ liền đem xe đi đón, tự ngồi bên phải giữ cương ngựa, dành chỗ bên trái là chỗ tôn quý để Hầu Doanh ngồi.

(11) *Tự ta, ta phải dốc lòng*: dịch cụm từ *do kỉ chi thành* (do lòng thành thực của mình), ý nói lòng thành thực muốn làm điều nhân, dẫn ý câu trong *Luận ngữ*: "vi nhân do kỉ nhi do nhân hồ tai" (làm điều nhân phải do mình chứ đâu phải do người khác).

Phần thì lo vận nước khó khăn.
Khi Linh Sơn[1] lương hết mấy tuần,
Khi Khôi Huyện[2] quân không một đội.
Trời thử lòng trao cho mệnh lớn,
Ta gắng chí khắc phục gian nan.
Nhân dân[3] bốn cõi một nhà, dựng cần trúc[4] ngọn cờ phấp phới;
Tướng sĩ một lòng phụ tử, hoà nước sông chén rượu ngọt ngào[5].
Thế trận xuất kì[6], lấy yếu chống mạnh;
Dùng quân mai phục, lấy ít địch nhiều.

Tinh thần đồng cam cộng khổ của tướng sĩ được thể hiện qua những chi tiết, hình ảnh nào?

4 Trọn hay:
Đem đại nghĩa[7] để thắng hung tàn,
Lấy chí nhân[8] để thay cường bạo.
Trận Bồ Đằng[9] sấm vang chớp giật,
Miền Trà Lân[10] trúc chẻ tro bay[11].
Sĩ khí[12] đã hăng,
Quân thanh[13] càng mạnh.

Ý câu văn "Đem đại nghĩa... thay cường bạo" có mối liên hệ như thế nào với chủ trương "mưu phạt tâm công" và tư tưởng nhân nghĩa?

---

(1) *Linh Sơn*: tức núi Chí Linh, thuộc tỉnh Thanh Hoá.

(2) *Khôi Huyện*: tên một huyện ở đầu thế kỉ XV (huyện Khôi), nay thuộc vùng giáp ranh của ba tỉnh Thanh Hoá, Ninh Bình và Phú Thọ.

(3) *Nhân dân* (nguyên văn: *manh lệ*): chỉ chung dân chúng khốn cùng tụ họp dưới ngọn cờ nghĩa, (*manh*: dân nghèo bị tước mất ruộng đất phải tha phương cầu thực; *lệ*: nô lệ). Ý văn thể hiện sâu sắc quan niệm về "dân" của Nguyễn Trãi.

(4) *Dựng cần trúc*: dịch cụm từ *yết can vi kì* (giơ gậy lên làm cờ), mượn tích Hoàng Sào lúc mới dấy binh khởi nghĩa không kịp làm cờ phải giơ sào lên thay; bài *Quá Tần luận* của Giả Nghị đời Hán cũng có câu: "trảm mộc vi binh, yết can vi kì" (chặt gỗ làm khí giới, giơ sào lên làm cờ).

(5) *Hoà nước sông chén rượu ngọt ngào*: dịch cụm từ *đầu giao hưởng sĩ* (đổ rượu ngọt xuống sông để khao quân). Dẫn điển xưa nói việc nước Tấn và nước Sở đánh nhau, có người dâng vua Sở một bình rượu ngon, vua Sở sai đổ rượu xuống sông để quân sĩ đón dòng mà uống, sau Sở đánh thắng Tấn. Câu này ý tác giả muốn nói, tướng lĩnh và nghĩa binh Lam Sơn có lòng thương yêu nhau như cha với con (*tướng sĩ một lòng phụ tử*).

(6) *Xuất kì*: bất thình lình, bất ngờ, chỉ việc bày quân mai phục để bất ngờ tiến đánh.

(7), (8) *Đại nghĩa*: nghĩa lớn. *Chí nhân*: lòng nhân ái tột bậc. Ý hai câu này thể hiện tư tưởng nhân nghĩa của một đội quân chính nghĩa.

(9) *Bồ Đằng*: tên một ngọn núi, còn gọi là Bồ Liệp hay Bồ Cứ, thuộc tỉnh Nghệ An. Năm 1425, Lê Lợi đánh thắng quân Minh ở đây.

(10) *Trà Lân*: còn có tên là Trà Long, thuộc tỉnh Nghệ An. Năm 1424, nghĩa quân Lam Sơn tiến vào Nghệ An và cuối năm ấy hạ thành Trà Long, đây là chiến thắng lớn đầu tiên.

(11) *Trúc chẻ tro bay*: dịch cụm từ *trúc phá hôi phi*, ý nói bị tơi bời, tan tác một cách dễ dàng. Thành ngữ thường nói "thế như chẻ tre", ý nói tre bị chẻ ở một đầu rồi thì cả cây sẽ bị chẻ ra dễ dàng. Trong thơ văn cổ, *hôi phi* hay *phi hôi* (tro bay) thường có nghĩa là dễ dàng, đơn giản, nhanh chóng.

(12) *Sĩ khí*: khí thế của binh sĩ, quân đội.

(13) *Quân thanh*: thanh thế của quân đội.

Trần Trí[1], Sơn Thọ[2] nghe hơi mà mất vía,

Lý An[3], Phương Chính[4] nín thở cầu thoát thân.

Thừa thắng ruổi dài, Tây Kinh[5] quân ta chiếm lại;

Tuyển binh tiến đánh, Đông Đô[6] đất cũ thu về.

Ninh Kiều[7] máu chảy thành sông, tanh trôi vạn dặm;

Tốt Động[8] thây chất đầy nội, nhơ để ngàn năm.

Phúc tâm[9] quân giặc, Trần Hiệp[10] đã phải bêu đầu;

Mọt gian kẻ thù, Lý Lượng[11] cũng đành bỏ mạng.

Vương Thông[12] gỡ thế nguy, mà đám lửa cháy lại càng cháy;

Mã Anh[13] cứu trận đánh, mà quân ta hăng lại càng hăng.

Bó tay để đợi bại vong, giặc đã trí cùng lực kiệt;

Chẳng đánh mà người chịu khuất, ta đây mưu phạt, tâm công[14].

Tưởng chúng biết lẽ ăn năn, nên đã thay lòng đổi dạ;

Ngờ đâu vẫn đương mưu tính, lại còn chuốc tội gây oan.

Giữ ý kiến một người, gieo vạ cho bao nhiêu kẻ khác;

Tham công danh một lúc, để cười cho tất cả thế gian.

Hành động lật lọng, bội ước của kẻ thù sẽ dẫn đến kết cục như thế nào?

---

(1), (2) *Trần Trí, Sơn Thọ*: Trần Trí là một viên tổng binh của quân Minh; Sơn Thọ là nội quan của nhà Minh, được Minh Nhân Tông lệnh mang sắc sang phong Lê Lợi làm Tri phủ Thanh Hoá để hòng mua chuộc.

(3), (4) *Lý An, Phương Chính*: Lý An là tướng giặc Minh, được giao đóng giữ thành Nghệ An; Phương Chính là Đô đốc của nhà Minh, đóng quân ở Thanh Hoá. Cả hai viên tướng này đều bị quân ta đánh bại nhiều lần.

(5) *Tây Kinh*: chỉ thành nhà Hồ, còn gọi là thành Tây Giai, thuộc tỉnh Thanh Hoá.

(6) *Đông Đô*: tên gọi của thành Thăng Long từ năm 1397 (thời Trần Phế Đế) tới năm 1430 (thời Lê Thái Tổ), để phân biệt với kinh đô mới ở Thanh Hoá (gọi là Tây Đô). Thời thuộc Minh, Đông Đô còn gọi là Đông Quan.

(7) *Ninh Kiều*: một địa điểm có sông Ninh Giang chảy qua, nay thuộc thành phố Hà Nội. Năm 1429, nghĩa quân Lam Sơn tiến ra Đông Đô, đặt phục binh ở Chúc Động, Tốt Động tiêu diệt phần lớn sinh lực trong đạo viện binh của Vương Thông đóng ở Ninh Kiều, giết được Thượng thư Trần Hiệp và Nội quan Lý Lượng, bắt sống hơn một vạn quân giặc.

(8) *Tốt Động*: có sách chép là Tuy Động, thuộc huyện Mỹ Lương, tỉnh Hà Đông cũ (nay thuộc thành phố Hà Nội). Tháng Mười năm Bính Ngọ (1426), giặc Minh thua to ở đây.

(9) *Phúc tâm*: kẻ thân tín (*phúc*: bụng; *tâm*: tim, lòng).

(10), (11) *Trần Hiệp, Lý Lượng*: Trần Hiệp là Thượng thư nhà Minh; Lý Lượng là Nội quan nhà Minh.

(12), (13) *Vương Thông, Mã Anh*: các viên tướng nhà Minh. Vương Thông được giao chức Tổng binh, cùng Tham tướng Mã Anh đem năm vạn quân sang Đại Việt cứu viện để thay Tham tướng Trần Trí và Đô đốc Phương Chính chỉ huy quân Minh đánh nước ta.

(14) *Mưu phạt, tâm công*: đánh bằng mưu lược, đánh bằng tấm lòng nhân nghĩa.

Bởi thế:

Thằng nhãi con Tuyên Đức[1], động binh không ngừng;

Đồ nhút nhát Thạnh, Thăng[2], đem dầu chữa cháy.

Đinh Mùi tháng Chín, Liễu Thăng đem binh từ Khâu Ôn[3] tiến lại;

Năm ấy tháng Mười, Mộc Thạnh chia đường từ Vân Nam[4] tiến sang.

Ta trước đã điều binh thủ hiểm[5], chặt mũi tiên phong[6];

Ta sau lại sai tướng chẹn đường, tuyệt nguồn lương thực.

Ngày mười tám, trận Chi Lăng[7], Liễu Thăng thất thế,

Ngày hai mươi, trận Mã An[8], Liễu Thăng cụt đầu,

Ngày hăm lăm, Bá tước Lương Minh[9] bại trận tử vong,

Ngày hăm tám, Thượng thư Lý Khánh[10] cùng kế tự vẫn.

Thuận đà ta đưa lưỡi dao tung phá[11],

Bí nước giặc quay mũi giáo đánh nhau[12].

Lại thêm quân bốn mặt vây thành,

Hẹn đến giữa tháng Mười diệt giặc.

Sĩ tốt[13] kén người hùng hổ,

Bề tôi chọn kẻ vuốt nanh[14].

Chú ý các chi tiết, hình ảnh thể hiện tinh thần và khí thế chiến thắng hào hùng của nghĩa quân.

---

(1) *Tuyên Đức*: tức vua Tuyên Tông nhà Minh, lên ngôi năm 1425, lấy hiệu là Tuyên Đức.

(2) *Thạnh, Thăng*: Mộc Thạnh và Liễu Thăng. Mộc Thạnh là đại thần của nhà Minh, cai quản vùng Vân Nam, được giữ chức Chinh Nam tướng quân, đem năm vạn quân sang nước ta cứu viện Vương Thông theo ngả Lào Cai. Liễu Thăng tước An viễn hầu, được giao làm Tổng binh chỉ huy đạo viện binh mười vạn quân sang nước ta theo đường Lạng Sơn, bị nghĩa quân Lam Sơn giết ở núi Đảo Mã, nay thuộc tỉnh Lạng Sơn.

(3) *Khâu Ôn*: một địa danh nay thuộc phía bắc tỉnh Lạng Sơn, giáp biên giới Việt Nam – Trung Quốc.

(4) *Vân Nam*: một tỉnh của Trung Quốc, giáp với tỉnh Lào Cai của Việt Nam.

(5) *Thủ hiểm*: trấn giữ nơi hiểm trở.

(6) *Tiên phong*: đội quân đi trước, có nhiệm vụ vừa đánh vừa thăm dò lực lượng đối phương.

(7) *Chi Lăng*: tên một cửa ải hiểm trở thuộc tỉnh Lạng Sơn, nơi từng ghi dấu nhiều chiến công hiển hách của quân dân Đại Việt chống kẻ thù xâm lược phương Bắc.

(8) *Mã An*: tức núi Đảo Mã, thuộc tỉnh Lạng Sơn.

(9) *Lương Minh*: tướng giặc, được phong tước Bảo Định bá, giữ chức Tả phó Tổng binh của Liễu Thăng.

(10) *Lý Khánh*: giữ chức Binh bộ Thượng thư của nhà Minh, sang nước ta đảm nhiệm phụ trách quân vụ và kiêm chức ngự sử.

(11) *Lưỡi dao tung phá*: dịch cụm từ *nghênh nhận nhi giải* (đón lưỡi dao mà tự vỡ ra). Truyện *Đỗ Dự* trong sách *Tấn thư* có câu: "nay binh uy đã vang dậy, thế như chẻ tre, đã chẻ được mấy đốt thì cứ đưa dao đi đến đâu là tre vỡ đến đấy". Ý muốn nói quân ta thừa cơ tiến đánh làm cho giặc tan rã như tre bị chẻ.

(12) *Quay mũi giáo đánh nhau*: dịch cụm từ *đảo qua tương công* (quay ngược ngọn giáo lại đâm nhau). Thiên *Vũ Thành* sách *Thượng thư* có câu: "... quân trước quay giáo lại đâm quân sau mà thua", tả việc tiền quân của Trụ quay giáo tự đánh lẫn nhau mà thua Chu Vũ Vương.

(13) *Sĩ tốt*: binh lính nói chung.

(14) *Vuốt nanh*: chỉ người giỏi chiến đấu được tập hợp quanh thủ lĩnh để tạo thêm sức mạnh.

Gươm mài đá, đá núi cũng mòn,
Voi uống nước, nước sông phải cạn.
Đánh một trận, sạch không kình ngạc,
Đánh hai trận, tan tác chim muông[1].
Nổi gió to trút sạch lá khô,
Thông tổ kiến phá toang đê vỡ[2].
Đô đốc Thôi Tụ[3] lê gối dâng tờ tạ tội,
Thượng thư Hoàng Phúc[4] trói tay để tự xin hàng.
Lạng Giang[5], Lạng Sơn, thây chất đầy đường;
Xương Giang, Bình Than[6], máu trôi đỏ nước.
Ghê gớm thay sắc phong vân[7] phải đổi,
Thảm đạm thay ánh nhật nguyệt[8] phải mờ.
Bị ta chẹn ở Lê Hoa[9], quân Vân Nam nghi ngờ khiếp vía mà vỡ mật;
Thua quân ta ở Cần Trạm[10], quân Mộc Thạnh xéo lên nhau chạy để thoát thân.
Suối Lãnh Câu máu chảy trôi chày[11], nước sông nghẹn ngào tiếng khóc;
Thành Đan Xá[12] thây chất thành núi, cỏ nội đẫm đìa máu đen.

Sự hèn nhát và cảnh thảm bại của kẻ thù được thể hiện qua các chi tiết cụ thể nào?

---

(1) *Đánh một trận, sạch không kình ngạc! Đánh hai trận, tan tác chim muông*: nội dung hai câu diễn tả sức mạnh bão táp của quân khởi nghĩa (*kình*: cá voi, *ngạc*: cá sấu).

(2) *Thông tổ kiến phá toang đê vỡ* (nguyên văn: *quyết hội nghĩ ư băng đê*): tổ kiến hễ bị cuốn trôi lúc con đê đã vỡ. Câu này đối với câu trên, ý nói tình thế giặc như lá khô trước cơn gió mạnh, như tổ kiến bị quét đi khi đê vỡ.

(3), (4) *Thôi Tụ, Hoàng Phúc*: Đô đốc Thôi Tụ làm Hữu tham tướng của Liễu Thăng, cùng với Công bộ Thượng thư Hoàng Phúc đều bị bắt sống. Sau khi thua ở Chi Lăng, bọn Hoàng Phúc, Thôi Tụ phải thu quân về Xương Giang nhưng thành này đã bị hạ, chúng phải đóng quân ở giữa cánh đồng, đắp luỹ tự vệ, nhưng rốt cục đại bại.

(5) *Lạng Giang*: tên một vùng đất thuộc tỉnh Bắc Ninh, tiếp giáp với tỉnh Lạng Sơn.

(6) *Xương Giang, Bình Than*: Xương Giang nay thuộc tỉnh Bắc Ninh; Bình Than là tên một bãi sông lớn thuộc thành phố Hải Phòng ngày nay.

(7) *Phong vân*: gió (*phong*) và mây (*vân*).

(8) *Nhật nguyệt*: mặt trời (*nhật*) và mặt trăng (*nguyệt*).

(9) *Lê Hoa*: một cửa ải xưa nằm giữa tỉnh Lào Cai (Việt Nam) và tỉnh Vân Nam (Trung Quốc).

(10) *Cần Trạm*: vùng ở gần Kép – Bắc Ninh, nằm giữa ải Chi Lăng và thành Xương Giang. Mộc Thạnh đóng ở Lê Hoa cho Liễu Thăng đánh vào Chi Lăng. Thăng chết trận, phó tướng là Lương Minh đưa tàn binh tiến vào Cần Trạm rồi chết ở đây.

(11) *Máu chảy trôi chày* (nguyên văn: *huyết chử phiêu*): rút ý từ thành ngữ *huyết lưu phiêu chử*, có xuất xứ từ *Kinh thư*, diễn đạt sự thảm khốc của chiến tranh. *Chử* trong nguyên văn bài cáo thường được giải thích có hai nghĩa: (1) cái chày để giã gạo hoặc chày để đập giặt quần áo; (2) một loại vũ khí thời xưa hoặc cái mộc, cái khiên của binh lính. Trong trường hợp này, nghĩa thứ hai phù hợp với văn bản hơn.

(12) *Lãnh Câu, Đan Xá*: những địa điểm gần Lê Hoa, Cao Trại, Thuỷ Vĩ xưa, đều thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai, giáp ranh giữa tỉnh Vân Nam và nước ta. Lãnh Câu, Đan Xá là nơi từng xảy ra những cuộc huyết chiến giữa nghĩa quân Lam Sơn (do các tướng Phạm Văn Xảo, Trịnh Khả,... lãnh đạo) và giặc Minh (do Mộc Thạnh chỉ huy).

Cứu binh hai đạo tan tành, quay gót chẳng kịp;

Quân giặc các thành khốn đốn, cởi giáp ra hàng.

Tướng giặc bị cầm tù, như hổ đói vẫy đuôi xin cứu mạng;

Thần vũ chẳng giết hại[1], thể lòng trời ta mở đường hiếu sinh[2].

Mã Kỳ[3], Phương Chính, cấp cho năm trăm chiếc thuyền, ra đến bể mà vẫn hồn bay phách lạc;

Vương Thông, Mã Anh[4], phát cho vài nghìn cỗ ngựa, về đến nước mà vẫn tim đập chân run.

Họ đã tham sống sợ chết, mà hoà hiếu thực lòng;

Ta lấy toàn quân là hơn[5], để nhân dân nghỉ sức.

Chẳng những mưu kế kì diệu,

Cũng là chưa thấy xưa nay.

5 Xã tắc[6] từ đây vững bền,

Giang sơn từ đây đổi mới.

Kiền khôn bĩ rồi lại thái[7],

Nhật nguyệt hối rồi lại minh[8].

Muôn thuở nền thái bình vững chắc,

Ngàn thu vết nhục nhã sạch làu.

Âu cũng nhờ trời đất tổ tông khôn thiêng ngầm giúp đỡ mới được như vậy[9].

Chú ý tư thế của người phát ngôn khi tuyên bố về thắng lợi của cuộc kháng chiến và về sự bắt đầu một thời kì mới của đất nước.

(1) *Thần vũ chẳng giết hại*: uy vũ như thánh như thần mà không chém giết, mượn chữ từ câu trong *Kinh dịch*: "Cổ chi thông minh duệ trí thần vũ nhi bất sát giả phủ" (Các bậc anh hùng thông minh sáng suốt đời xưa có uy võ như thần mà chẳng giết hại người vậy).

(2) *Hiếu sinh*: thương yêu con người và loài vật. *Kinh thư* có câu: "Hiếu sinh chi đức hiệp vu dân tâm" (Đức hiếu sinh của trời hợp với lòng dân).

(3), (4) *Mã Kỳ, Mã Anh*: các tướng lĩnh của nhà Minh, chịu đầu hàng Lê Lợi. Sau chiến thắng Chi Lăng, quân giặc các nơi khiếp sợ đầu hàng, Vương Thông xin hẹn ngày rút quân. Thuỷ binh do Phương Chính, Mã Kỳ thống lĩnh được Lê Lợi cấp 500 chiến thuyền để về nước, bộ binh do Vương Thông, Mã Anh, Sơn Thọ, Hoàng Phúc thống lĩnh cũng được Lê Lợi cấp lương thực và ngựa.

(5) *Toàn quân là hơn* (dịch cụm từ *toàn quân vi thượng*): bảo toàn quân đội địch mà bắt chúng thua là thượng sách. Tư tưởng này được Nguyễn Trãi tiếp thu từ sách *Tôn Tử* (thiên *Mưu công*).

(6) *Xã tắc*: chỉ quốc gia, đất nước (*xã*: nơi tế thần đất; *tắc*: vốn là tên Thần Nông (Hậu Tắc), sau dùng chỉ nơi tế Thần Nông để cầu cho mùa màng tươi tốt). Nước nhà muốn thịnh vượng phải làm cho dân an cư lạc nghiệp, vì vậy khi dựng nước trước hết phải lập xã tắc, cũng vì thế mà xã tắc tượng trưng cho quốc gia.

(7) *Kiền (càn), khôn, bĩ, thái*: tên các quẻ trong *Kinh dịch*. Quẻ *kiền* chỉ trời, khí dương; quẻ *khôn* chỉ đất, khí âm. *Kiền* và *khôn* ghép với nhau để chỉ chung trời đất. Quẻ *bĩ* có hình tượng khí dương đè nén khí âm, biểu thị ý nghĩa không được tự do phát triển, bế tắc, không thông thuận; quẻ *thái* có hình tượng khí âm trỗi vượt lên trên khí dương, biểu thị ý nghĩa không bị đè nén, được tự do phát triển, thông thuận. Ý cả câu: trời đất đang tắc nghẽn lại được hanh thông.

(8) *Hối, minh*: tối tăm (*hối*) và sáng sủa (*minh*).

(9) Ý câu này trong nguyên văn như sau: có được thắng lợi này cũng là nhờ khí thiêng trời đất âm thầm giúp đỡ, anh linh tổ tông ngầm phù trợ.

Than ôi!

Một cỗ nhung y[1] chiến thắng, nên công oanh liệt ngàn năm;

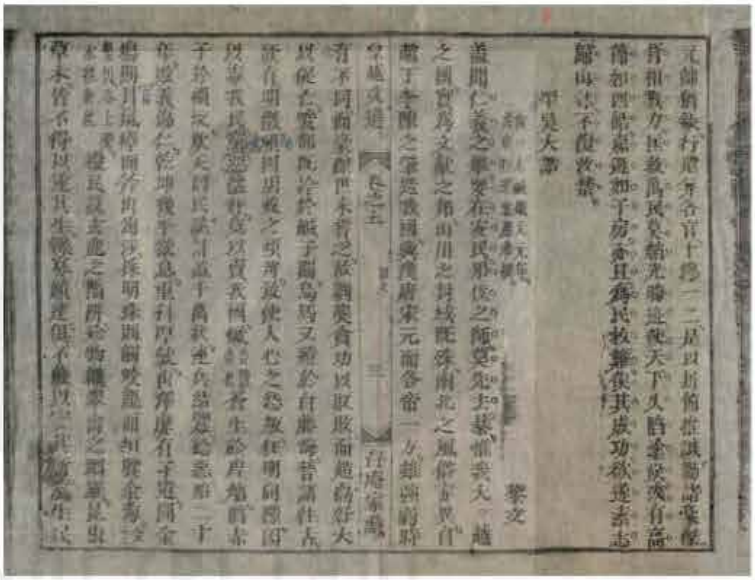
Bốn phương biển cả thanh bình, ban chiếu duy tân[2] khắp chốn.

Xa gần bá cáo

Ai nấy đều hay.

(Bản dịch của Bùi Kỷ, Bùi Văn Nguyên chỉnh lí, in trong *Ngữ văn 10*, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2021, tr. 17 – 22)

Cuối năm 1427, cuộc kháng chiến chống giặc Minh của nhân dân ta kết thúc thắng lợi, Nguyễn Trãi thừa lệnh Lê Lợi viết *Bình Ngô đại cáo*. Tác phẩm được ban bố vào tháng Chạp năm Đinh Mùi (đầu năm 1428 dương lịch). Có thể xem đây là văn kiện chính trị tổng kết đầy đủ nhất về quá trình kháng chiến oanh liệt chống giặc Minh và toàn bộ tư tưởng về chủ quyền đất nước, về nền độc lập dân tộc. Vì thế, tác phẩm mang tính chất của một bản tuyên ngôn mở đầu cho một triều đại mới, một kỉ nguyên mới của đất nước.



Phần đầu văn bản *Bình Ngô đại cáo* trong *Hoàng Việt văn tuyển*

Cáo là một thể văn hành chính cổ, có nguồn gốc từ *Thượng thư* (Trung Quốc), do nhà vua hoặc chủ tướng ban bố một mệnh lệnh, chủ trương, chính sách,... cho toàn dân chúng được biết. Căn cứ vào nội dung, mục đích, phạm vi ban bố, thể văn cáo có thể phân thành nhiều loại, nhưng nhìn chung, đều có ý nghĩa tuyên bố về một sự kiện trọng đại của quốc gia. Cáo có thể viết bằng văn xuôi, văn vần, biền văn (văn biền ngẫu). Tác phẩm cáo nói chung thường có lập luận chặt chẽ, bố cục rõ ràng, ý tứ hùng hồn, hàm ý mệnh lệnh.

Bình Ngô đại cáo là tác phẩm chính luận quan trọng, có giá trị lớn về văn hoá, lịch sử, chính trị, quân sự, văn học, ngôn ngữ,... được mệnh danh là áng "thiên cổ hùng văn". Tác phẩm đạt đến trình độ mẫu mực của nghệ thuật ngôn từ, với lập luận chặt chẽ, âm hưởng hào hùng, ý tứ

---

(1) *Nhung y*: áo giáp, áo mặc khi ra trận. Một cỗ nhung y chiến thắng (*nhất nhung đại định*) xuất xứ từ câu trong thiên *Vũ Thành*, sách *Thượng thư*: *nhất nhung y nhi thiên hạ đại định* (chỉ một chiếc áo giáp mà bình định được cả thiên hạ).

(2) *Duy tân*: theo cái mới. Thiên *Văn Vương* trong *Kinh thi* có câu: "Chu tuy cựu bang, kì mệnh duy tân" (nhà Chu tuy là nước cũ (*nhưng đến Văn Vương*) mệnh trời mới thật là mới).

biện luận sâu xa,... Sự kết hợp nhuần nhuyễn nhiều bút pháp – phong cách ngôn ngữ như chính luận, tự sự, biểu cảm; sự hoà quyện giữa tính chân thực lịch sử với chất sử thi anh hùng ca,... đã làm nên tính hấp dẫn vượt thời đại của tác phẩm.

Bình Ngô đại cáo được viết theo thể biền văn, theo kiểu văn tứ lục biến cách (thể văn tứ lục: dùng các câu ngắt quãng 4/6 chữ để nối nhau; văn tứ lục có thể biến cách thành các kiểu đối 4/4 – 4/4 hoặc 6/6 – 6/6;...). Tác phẩm được viết với bút pháp đa dạng, sử dụng nhiều biện pháp tu từ, ngôn ngữ giàu hình ảnh, có tính biểu cảm cao. Vì vậy, *Bình Ngô đại cáo* không chỉ ảnh hưởng sâu xa đến tư tưởng, ý thức mà còn tác động mạnh mẽ đến tình cảm, cảm xúc của người tiếp nhận.

Văn bản *Bình Ngô đại cáo* được truyền chép trong nhiều tư liệu. Tuy giữa các bản chép có những sai biệt nhất định về câu chữ, nhưng tính chân thực, sự trọn vẹn về nội dung của văn bản vẫn được thể hiện rõ.

Trả lời câu hỏi

1. Căn cứ vào nội dung bài học và hiểu biết của mình, hãy cho biết: tư cách phát ngôn của Nguyễn Trãi khi viết *Bình Ngô đại cáo*, sự kiện lịch sử được tái hiện và bàn luận trong tác phẩm, mục đích viết và đối tượng tác động của bài cáo.
2. Xác định luận đề của văn bản và nêu lí do vì sao bạn xác định như vậy.
3. Theo bạn, trong đoạn 1 của văn bản, câu văn nào thể hiện rõ nhất mục đích của việc thực thi lí tưởng nhân nghĩa?
4. Hãy khái quát nội dung của các đoạn từ 2 đến 5 và cho biết chức năng của mỗi đoạn trong mạch lập luận.
5. Nêu nhận xét chung về nghệ thuật lập luận của tác giả trong toàn tác phẩm.
6. Hãy chỉ ra yếu tố biểu cảm trong văn bản. Theo bạn, yếu tố này có thể đem lại hiệu quả gì trong việc thuyết phục người đọc, người nghe?
7. *Bình Ngô đại cáo* được đánh giá là một áng hùng văn. Theo bạn, những căn cứ chính của đánh giá đó là gì?
8. Nêu khái quát ý nghĩa của *Bình Ngô đại cáo* đặt trong bối cảnh lịch sử – văn hoá cụ thể của nước ta ở đầu thế kỉ XV.

Kết nối đọc – viết

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) về một trong hai vấn đề sau:

– Mối quan hệ giữa tư tưởng nhân nghĩa và luận đề chính nghĩa thể hiện trong đoạn 1 của văn bản.

– Tinh thần độc lập, ý thức về chủ quyền dân tộc được thể hiện trong *Bình Ngô đại cáo*.

VĂN BẢN 3

Bảo kính cảnh giới

(Gương báu răn mình)

(Bài 43)

Nguyễn Trãi

- *Hãy kể tên một vài bài thơ viết theo thể Đường luật mà bạn đã học hoặc đã đọc.*
- *Chỉ ra một số đặc điểm hình thức giúp bạn nhận diện được thể loại của các bài thơ đó.*

Rồi[1] hóng mát thuở ngày trường[2].
Hoè[3] lục[4] đùn đùn tán rợp trương.
Thạch lựu[5] hiên còn phun thức[6] đỏ.
Hồng liên[7] trì đã tịn[8] mùi hương.
Lao xao chợ cá làng ngư phủ;
Dắng dỏi[9] cầm ve[10] lầu tịch dương[11].
Lẽ có[12] Ngu cầm[13] đàn một tiếng,
Dân giàu đủ khắp đòi phương[14].

Chú ý các động từ, tính từ, các từ láy và câu thơ sáu tiếng.

Hình dung về bức tranh cuộc sống.

(Viện Sử học, *Nguyễn Trãi toàn tập*,
NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1976, tr. 453)

(1) *Rồi*: rỗi rãi, thư nhàn.
(2) *Trường*: dài.
(3) *Hoè*: loại cây thân gỗ, hoa màu vàng, nở vào mùa hè.
(4) *Lục*: màu xanh lá cây.
(5) *Thạch lựu*: cây lựu, hoa màu đỏ, nở vào mùa hè.
(6) *Thức*: màu, dáng vẻ.
(7) *Hồng liên*: sen hồng.
(8) *Tịn* (từ cổ, có bản chép *tiễn, tạn*): hết, đến hết.
(9) *Dắng dỏi*: từ láy tượng thanh, tả âm thanh trong, cao, rộn rã.
(10) *Cầm ve*: tiếng ve kêu như tiếng đàn.
(11) *Tịch dương*: bóng chiều, ánh hoàng hôn.
(12) *Lẽ có* (có bản phiên *dễ có*): mong được có, lẽ nên có.
(13) *Ngu cầm*: đàn của vua Ngu Thuấn. Tương truyền vua Thuấn được vua Nghiêu ban cho cây đàn, khi rỗi rãi thường gảy khúc *Nam phong*: "Gió Nam mát mẻ/ Làm cho dân ta bớt ưu phiền/ Gió Nam thổi đúng lúc/ Làm cho dân ta ngày thêm nhiều của cải".
(14) *Đòi phương*: nhiều nơi, khắp nơi.

Bảo kính cảnh giới là chùm thơ gồm 61 bài trong tổng số 254 bài của *Quốc âm thi tập*. Hầu hết các bài trong chùm thơ này đều mang nội dung giáo huấn và chứa đựng nhiều trăn trở, suy tư về thế sự. Chùm thơ cũng ghi lại những khoảnh khắc thư nhàn khi tác giả lánh xa chốn quan trường, hoà mình với thiên nhiên và nhịp sống bình dị, bình yên nơi thôn dã: *Chân mềm ngại bước dặm mây xanh*[1]*/ Quê cũ tìm về cảnh cũ thanh* (bài 31); *Đìa thanh, cá lội, in vầng nguyệt/ Cây tĩnh, chim về, rợp bóng xuân* (bài 38);...

Chùm thơ *Bảo kính cảnh giới* không chỉ thể hiện tư tưởng, nhân cách của một bậc lương thần chưa bao giờ nguôi nỗi lo dân, nước mà còn phản chiếu những vẻ đẹp phong phú của một tâm hồn nghệ sĩ.

Thơ Nôm Đường luật là loại thơ được sáng tác theo thể Đường luật, viết bằng chữ Nôm, hình thành vào khoảng thế kỉ XIII. Có thể xem đây là một "lối thơ riêng" do các tác giả trung đại Việt Nam sáng tạo dựa trên mô hình của thơ Đường luật, trong đó có nhiều cách tân về đề tài, thi liệu, cảm hứng, bút pháp, ngôn ngữ thơ.

Qua các chặng đường phát triển, thơ Nôm Đường luật đã đạt được những thành tựu lớn, góp phần quan trọng vào việc tạo nên diện mạo của nền thơ trung đại Việt Nam. *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi là một đỉnh cao của thơ Nôm Đường luật, đánh dấu bước khởi đầu đẹp đẽ của nền thơ tiếng Việt thời trung đại.

Trả lời câu hỏi

1. Xác định thể loại và nêu bố cục của bài thơ.
2. Câu thơ mở đầu cho biết điều gì về cuộc sống và tâm trạng của nhân vật trữ tình?
3. Phân tích một số từ ngữ, hình ảnh được tác giả sử dụng để miêu tả cảnh sắc mùa hè. Từ đó, chỉ ra những nét đặc sắc trong cách cảm nhận thiên nhiên và bút pháp tả cảnh của tác giả.
4. Cuộc sống của con người được nhà thơ tái hiện qua những âm thanh, hình ảnh nào? Phân tích mối liên hệ giữa khung cảnh ấy với ước nguyện của nhân vật trữ tình trong hai câu thơ cuối.
5. Nhận xét về vị trí và giá trị của các câu lục ngôn trong bài thơ.
6. Đọc bài thơ, bạn cảm nhận được điều gì về vẻ đẹp tâm hồn, tư tưởng của tác giả?

Kết nối đọc – viết

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích một yếu tố "phá cách" trong *Bảo kính cảnh giới*, bài 43.

[1] *Mây xanh*: ẩn dụ chỉ chốn công danh, chốn quan trường (từ Hán Việt là *thanh vân*).

VĂN BẢN 4

Dục Thuý sơn

(Núi Dục Thuý[*])

Nguyễn Trãi

- *Hãy kể một vài địa danh của đất nước từng khơi nguồn cảm hứng cho thơ ca.*
- *Chia sẻ ngắn gọn ấn tượng của bạn về một bài thơ thể hiện cảm hứng ấy.*

Phiên âm

Hải khẩu hữu tiên san;
Tiền niên lũ vãng hoàn.
Liên hoa phù thuỷ thượng;
Tiên cảnh truỵ trần gian.
Tháp ảnh trâm thanh ngọc;
Ba quang kính thuý hoàn.
Hữu hoài Trương Thiếu bảo;
Bi khắc tiển hoa ban.

Dịch nghĩa

Cửa biển có ngọn núi tiên;
Năm xưa ta đã nhiều lần qua lại nơi này.
Dáng núi như đoá hoa sen nổi trên mặt nước;
Tưởng như là cõi tiên rơi xuống trần gian.
Bóng tháp trên núi soi xuống mặt nước giống như cái trâm ngọc xanh;
Ánh sáng của sóng nước phản chiếu ngọn núi như đang soi mái tóc biếc.
Chạnh nhớ Trương Thiếu bảo[1];
Bia đá khắc thơ văn của ông nay đã lốm đốm rêu.

(*) *Núi Dục Thuý*: còn có tên gọi là núi Non Nước ở tỉnh Ninh Bình; tên Dục Thuý là do Trương Hán Siêu đặt, dựa trên liên tưởng dáng núi trong khung cảnh sông nước giống như con chim trả (bói cá) đang tắm (*dục*: tắm; *thuý*: chim trả; *thuý* còn có nghĩa khác là màu xanh biếc). Núi Dục Thuý từng được mệnh danh là "núi thơ" vì đã khơi nguồn cảm hứng cho nhiều thi nhân: Trương Hán Siêu, Phạm Sư Mạnh, Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông, Nguyễn Du, Thiệu Trị, Tự Đức, Cao Bá Quát, Tản Đà,...

(1) *Trương Thiếu bảo*: tức Trương Hán Siêu (? – 1354), tự Thăng Phủ, người tỉnh Ninh Bình; là danh sĩ đời Trần, được nhiều đời vua Trần trọng dụng; làm quan trải nhiều chức vụ, khi mất, được truy tặng chức Thái bảo và được thờ ở Văn Miếu (Hà Nội); tác giả của bài *Bạch Đằng giang phú* (Bài phú sông Bạch Đằng) nổi tiếng.

Dịch thơ

Cửa biển có non tiên;
Từng qua lại mấy phen.
Cảnh tiên rơi cõi tục;
Mặt nước nổi hoa sen.
Bóng tháp hình trâm ngọc;
Gương sông ánh tóc huyền.
Nhớ xưa Trương Thiếu bảo;
Bia khắc dấu rêu hoen.

(Khương Hữu Dụng dịch, in trong *Văn học 10*, tập một, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2001, tr. 131)

Lưu ý các yếu tố cơ bản của thể loại.

Chú ý các chi tiết miêu tả, các hình ảnh so sánh, ẩn dụ.

Nguyễn Trãi có nhiều bài thơ viết về các danh lam thắng cảnh của đất nước như Yên Tử, Côn Sơn, Bạch Đằng, Thần Phù, Vân Đồn,... Trong những tác phẩm này, nhà thơ không chỉ khám phá, ngợi ca vẻ đẹp của núi sông nước Việt, tự bộc lộ tâm hồn phóng khoáng, lãng mạn của mình mà còn gửi gắm nhiều suy tư, triết lí về lịch sử, về thế sự.

Dục Thuý sơn có thể được sáng tác vào thời điểm sau cuộc kháng chiến chống giặc Minh và trước khi Nguyễn Trãi lui về ở ẩn tại Côn Sơn. Bài thơ được sưu tầm và xếp vào *Ức Trai thi tập*.

Dục Thuý sơn được viết theo thể ngũ ngôn luật thi, gọi tắt là ngũ luật – một thể của thơ Đường luật.

Trả lời câu hỏi

1. Nêu một vài điểm khác biệt đáng chú ý giữa bản dịch nghĩa và bản dịch thơ.
2. Xác định đặc điểm kết cấu của *Dục Thuý sơn*.
3. Bức tranh toàn cảnh về vẻ đẹp của núi Dục Thuý được miêu tả như thế nào?
4. Nêu những chi tiết miêu tả cận cảnh núi Dục Thuý. Những liên tưởng xuất hiện khi say ngắm thiên nhiên cho thấy nét đẹp nào của tâm hồn Nguyễn Trãi?
5. Trong phần kết của những bài thơ viết về đề tài "đăng cao", "đăng sơn", thi nhân xưa thường thể hiện chí khí hào hùng, khát vọng lớn lao, hoặc nhấn mạnh sự nhỏ bé, cô đơn của con người trước núi sông kì vĩ. Theo bạn, trong hai câu kết của *Dục Thuý sơn*, Nguyễn Trãi muốn gửi gắm những nỗi niềm chung ấy hay muốn bày tỏ suy ngẫm riêng của mình?

Kết nối đọc – viết

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích một nét đẹp của tâm hồn Nguyễn Trãi thể hiện trong bài thơ *Dục Thuý sơn*.

Thực hành tiếng Việt

Sử dụng từ Hán Việt (tiếp theo)

1. Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân,
Quân điếu phạt trước lo trừ bạo.
Như nước Đại Việt ta từ trước,
Vốn xưng nền văn hiến đã lâu.
Núi sông bờ cõi đã chia,
Phong tục Bắc Nam cũng khác.
Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời gây nền độc lập,
Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương.
Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau,
Song hào kiệt đời nào cũng có.

(Nguyễn Trãi, *Bình Ngô đại cáo*)

a. Tìm và giải nghĩa một số từ Hán Việt có trong đoạn trích chưa được chú thích ở văn bản *Bình Ngô đại cáo*.

b. Nêu tác dụng biểu đạt của hệ thống từ Hán Việt trong đoạn trích.

c. Đặt câu với các từ: *nhân nghĩa*, *văn hiến*, *hào kiệt*.

2. Đọc lại đoạn 3 của văn bản *Bình Ngô đại cáo* (từ "Ta đây:" đến "Dùng quân mai phục, lấy ít địch nhiều."), lập bảng hoặc vẽ sơ đồ liệt kê các điển tích và nêu tác dụng biểu đạt của chúng theo gợi ý sau:

STT	Điển tích	Tác dụng biểu đạt
1		

3. Hầu hết các từ có yếu tố "nghĩa" trong nguyên tác *Bình Ngô đại cáo* đã được dùng lại nguyên vẹn, không dịch ra tiếng Việt (ví dụ: *nhân nghĩa*). Hãy liệt kê và giải thích ý nghĩa của các từ đó.

4. Tìm một số từ Hán Việt có yếu tố "nhân" được dùng với nghĩa như trong từ *nhân nghĩa*. Giải nghĩa các từ đó.

VIẾT

Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội

Bàn luận về các vấn đề xã hội đã trở thành một nhu cầu phổ biến, tất yếu của con người hiện đại. Khi bàn luận, chúng ta không chỉ thể hiện ý kiến cá nhân mà còn muốn thuyết phục người khác đồng tình với quan điểm của mình; qua đó, góp phần tạo nên những thay đổi tích cực trong cộng đồng và đóng góp cho sự phát triển của xã hội.

Yêu cầu

- Giới thiệu được vấn đề xã hội cần bàn luận.
- Nêu rõ lí do lựa chọn và quan điểm cá nhân về vấn đề xã hội cần bàn luận.
- Chứng minh quan điểm của mình bằng hệ thống luận điểm chặt chẽ, hợp lí; sử dụng các lí lẽ thuyết phục và bằng chứng chính xác, đầy đủ.
- Biết sử dụng yếu tố biểu cảm để tăng sức thuyết phục của văn bản.
- Khẳng định ý nghĩa của vấn đề cần bàn luận.

Bài viết tham khảo

Sống đơn giản – xu thế của thế kỉ XXI

Chương Thâu

Vài năm lại đây, ở phương Tây xuất hiện một trào lưu sống mới gọi là sống đơn giản: mọi người tự nguyện đơn giản hoá cuộc sống của mình.

Giới thiệu vấn đề cần bàn luận.

Như thế nào gọi là sống đơn giản? Theo quan niệm của những người đề xướng ra trào lưu này, sống đơn giản không đồng nghĩa với cuộc sống khổ hạnh và nghèo đói, mà là một cuộc sống được lựa chọn sau một quá trình nghiên cứu kĩ lưỡng; một cuộc sống hoà đồng với thiên nhiên, tìm kiếm sự cân bằng trong mối quan hệ động – tĩnh; một cuộc sống hồn nhiên, vô tư, không lo lắng, siêu phàm và thoát tục,... Sống đơn giản chính là tự mình lắng nghe tiếng nói của lòng mình, xem rõ điều mình thật sự cần thiết là cái gì? Là sống một cuộc sống thực sự là của bản thân mình chứ không phải là bắt chước theo lối sống của người khác hoặc sống theo yêu cầu của người khác.

Nêu quan điểm của người viết về vấn đề.

Để có thể sống đơn giản cần phải có sức sáng tạo và lòng quyết tâm lớn, phải thực sự hoà mình vào cuộc sống để cảm nhận. Nếu như bạn muốn mua một căn nhà, bạn cần phải nghĩ đến cả cái lợi và cái hại của nó, có lợi ắt cũng sẽ có hại, cái được và mất luôn đi liền với nhau, bất cứ lựa chọn nào cũng đều có mặt trái của nó. Một căn nhà rộng rãi đẹp đẽ tất sẽ đem đến sự thoải mái dễ chịu cho người ở và cả những lời khen ngợi của những người khác; nhưng, để có tiền chi trả cho nó, bạn buộc phải làm việc cật lực và có thể còn phải từ bỏ một số thứ khác trong cuộc sống của bạn nữa. Sau khi mua nhà vài tháng hoặc vài năm, có thể sẽ có lúc bạn nghĩ rằng không hiểu vì sao bạn phải sống một cuộc sống khổ sở vất vả, một cuộc sống hết sức đơn điệu nhàm chán chỉ để có tiền trả cho một căn nhà như thế này nhỉ?

Triển khai vấn đề thành các luận điểm.

Muốn có được một cuộc sống thoải mái, sung sướng là một nhu cầu hoàn toàn chính đáng của con người. Chúng ta cần phải ăn, ở, đi lại,... chúng ta cũng cần phải có những công việc có thù lao và cả những công việc không có thù lao. Là con người, chúng ta không thể không có thứ gì, chúng ta có nhu cầu theo đuổi cái hay cái đẹp ở mức độ nhất định. Nhưng, chúng ta lại thường không biết dừng lại đúng lúc vì lòng tham của con người là vô đáy. Lòng tham đó sẽ đẩy chúng ta vào cảnh nợ nần, mệt mỏi và cùng quẫn, từ đó tâm hồn chúng ta sẽ trở thành chai sạn, trơ lì.

Kết hợp các yếu tố nghị luận, biểu cảm,...

Sống đơn giản là sống sâu sắc hơn, quan tâm đến nhau hơn, thân thiết với nhau hơn. Cần phải thiết lập một mối quan hệ thân mật gần gũi với con người và cảnh vật trong môi trường sống của chúng ta hơn. Trong cuộc sống hãy dành một khoảng thời gian và không gian sống của mình để tìm hiểu, gần gũi và yêu quý những con người sống xung quanh chúng ta. Hãy tự mình sống một cuộc sống chân thực và tạo dựng xung quanh mình một cuộc sống hoàn toàn chân thực đối với mình. Chỉ có khi nào bạn thực sự cảm thấy nhẹ nhàng, bắt đầu sống an nhàn, có ý nghĩa thì bạn mới có thể phát hiện ra tinh hoa của cuộc sống này,...

Dựa vào nguyên tắc của cuộc sống đơn giản, tiêu chuẩn tối thiểu của cuộc sống là: đáp ứng đầy đủ những nhu cầu thiết yếu của cuộc sống như ăn, mặc, ở, đi lại. Tất nhiên, để đạt được điều đó, bạn phải bỏ ra một số công sức và thời gian nhất định. Nhưng, điều quan trọng ở đây là, ngoài tất cả những thứ đó, trong thời gian còn lại, việc mà bạn cần làm là biến mình thành một con người nhàn nhã và bình yên, không hao phí thời gian và công sức vào những việc làm vô bổ. Hiện nay, xu thế sống đơn giản vẫn chưa được thực sự chú ý ở Việt Nam chúng ta. Nhưng thực ra, lối sống này đã được cha ông chúng ta rất coi trọng từ xưa và đã trở thành một trong những giá trị văn hoá truyền thống của người Việt. Không chỉ do người Việt Nam chúng ta chịu ảnh hưởng của các tư tưởng triết học, tôn giáo phương Đông như Nho, Phật, Đạo nên có xu hướng về một cuộc sống an nhàn

tự do tự tại mà ở thời đại nào chúng ta cũng có những con người biết cách sống nhàn nhưng không phải là lẩn tránh cuộc sống thực tế mà là sống một cách có ích cho đời. Có thể kể ra ở đây rất nhiều danh nhân của đất Việt đã từng có cuộc sống như vậy: Nguyễn Trãi, Nguyễn Bỉnh Khiêm, Hồ Chí Minh,...

Khẳng định ý nghĩa của vấn đề cần bàn luận.

Trong cuộc sống hiện đại ngày nay, con người luôn trong trạng thái phải chịu đựng một áp lực quá tải do cuộc sống mang lại. Ngay từ khi đang còn là một đứa trẻ, người ta đã bị cuốn theo một nhịp sống gấp gáp của thời đại. Chính vì vậy, đã nảy sinh những căn bệnh mang tính thời đại như bệnh stress, làm tổn thương đến cuộc sống của biết bao con người. Trong một hoàn cảnh như vậy, việc xây dựng cho mình một cuộc sống đơn giản – một cuộc sống nhàn nhã theo đúng nghĩa: nhàn tâm, làm việc có khoa học, biết dừng lại ở mức đủ, biết mình biết người, có thái độ ứng xử đúng đắn, văn hoá – là việc làm có ích cho mỗi người. Điều này không những phù hợp với xu thế văn minh của thời đại mà cũng rất phù hợp với truyền thống văn hoá của dân tộc Việt Nam chúng ta.

(Chương Thâu, báo *Văn nghệ*, số Tết 2002, in trong *Ngữ văn 11*, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2018, tr. 15 – 17)

1. Nhận xét về cách đặt nhan đề bài viết.
2. Vấn đề đã được người viết triển khai bằng những luận điểm nào?
3. Chỉ ra các yếu tố làm nên sức thuyết phục của văn bản.

Thực hành viết

Chuẩn bị viết

– Đề tài cho bài nghị luận về một vấn đề xã hội rất phong phú, đa dạng. Có thể lựa chọn những vấn đề mang tính thời sự đang được nhiều người bàn luận; cũng có thể lựa chọn những vấn đề mình từng có quá trình suy ngẫm lâu dài.

– Gợi ý: Bạn có thể viết về tình yêu tuổi học trò, sự lựa chọn thần tượng của giới trẻ, cách sử dụng thời gian rảnh rỗi, tinh thần trách nhiệm và thái độ hợp tác trong công việc, hiện tượng biến đổi khí hậu, ảnh hưởng của đại dịch đối với đời sống xã hội,...

Tìm ý, lập dàn ý

Tìm ý

Để tìm ý, bạn có thể dựa vào các câu hỏi gợi ý như:

– Vì sao bạn muốn bàn luận về vấn đề này? Vấn đề đó có ý nghĩa như thế nào với cá nhân và cộng đồng?

– Bạn có quan điểm như thế nào về vấn đề? Nếu có quan điểm nào khác thì bạn đồng tình hay phản đối?

– Bạn cần đưa ra những lí lẽ, bằng chứng gì để chứng minh quan điểm của mình là đúng đắn và thuyết phục người khác đồng tình với mình?

Lập dàn ý

Để lập dàn ý, bạn sử dụng kết quả của phần Tìm ý nhằm tổ chức, sắp xếp các ý theo trật tự hợp lí. Dàn ý cần thể hiện được những nội dung cơ bản mà bài viết phải triển khai:

Mở bài: Có thể theo lối trực tiếp như trong bài viết tham khảo *Sống đơn giản – xu thế của thế kỉ XXI* (Chương Thâu) hoặc theo lối gián tiếp như trong văn bản *Yêu và đồng cảm* của Phong Tử Khải (Bài 3: *Nghệ thuật thuyết phục trong văn nghị luận*), nhưng phải giới thiệu được vấn đề xã hội cần bàn luận và gây được ấn tượng với người đọc.

Thân bài:

– Nêu ý nghĩa của vấn đề đối với đời sống xã hội.

– Trình bày quan điểm cá nhân: Bạn lựa chọn góc nhìn nào? Cách nhìn nhận, đánh giá vấn đề của bạn là gì? Vấn đề xã hội tác động như thế nào đối với cá nhân và cộng đồng?...

– Trình bày những cơ sở về nhận thức và thực tiễn cho phép người viết đề xuất quan điểm nhìn nhận, đánh giá về vấn đề xã hội như vậy.

– Nêu lí lẽ, phân tích bằng chứng để chứng minh quan điểm của bạn và thuyết phục người đọc đồng tình.

Kết bài:

– Khẳng định ý nghĩa của vấn đề xã hội vừa bàn luận.

– Nhấn mạnh vai trò, trách nhiệm của cá nhân, cộng đồng trong việc giải quyết vấn đề đó.

Viết

Khi viết bài, cần bám sát dàn ý đã lập; đảm bảo trật tự của các ý lớn, ý nhỏ (tuy vậy, đôi khi, chính quá trình viết khiến ta thấy cần phải thay đổi dàn ý cho hợp lí hơn); kết hợp lí lẽ và bằng chứng; có thể soi chiếu vấn đề từ những góc nhìn khác nhau. Chú ý trọng tâm của bài viết: thuyết phục người đọc đồng tình với cách nhìn nhận, đánh giá vấn đề của bạn. Văn phong cần mạch lạc, sáng rõ, phù hợp với đối tượng tiếp nhận và nội dung vấn đề.

Chỉnh sửa, hoàn thiện

Đọc lại bài viết, đối chiếu với các yêu cầu của kiểu bài và dàn ý đã lập để phát hiện các nội dung cần bổ sung, các lỗi cần chỉnh sửa nhằm hoàn thiện bài viết.

Lưu ý mức độ đạt yêu cầu của bài viết trên các mặt:

– Vấn đề cần bàn luận đã được triển khai thành các luận điểm rành mạch, thể hiện rõ quan điểm cá nhân của người viết.

– Các luận điểm được sắp xếp hợp lí; các lí lẽ, bằng chứng được sử dụng một cách hiệu quả.

– Văn phong, giọng điệu được lựa chọn phù hợp với mục đích viết và đối tượng cần thuyết phục.

– Bài viết đảm bảo tuân thủ các quy định về chính tả, không mắc lỗi dùng từ và đặt câu.

NÓI VÀ NGHE

Thảo luận về một vấn đề xã hội có ý kiến khác nhau

Yêu cầu

- Xác định rõ vấn đề xã hội được thảo luận.
- Nêu được nhận xét, đánh giá về ý kiến của những người khác.
- Trình bày được ý kiến của bản thân về vấn đề (góc nhìn riêng và những phân tích, đánh giá cụ thể).
- Tôn trọng người đối thoại để cùng tìm tiếng nói chung về vấn đề.

Chuẩn bị thảo luận

Chuẩn bị nói

Lựa chọn đề tài

– Đề tài thảo luận có thể được khai thác từ đề tài của các bài viết đã thực hiện; cũng có thể là một đề tài mới.

– Thực tế luôn có những vấn đề xã hội thu hút sự quan tâm của nhiều người; được nhìn nhận, đánh giá từ những quan điểm khác nhau. Song, nên lựa chọn vấn đề gần gũi, có ý nghĩa thiết thực, phù hợp với môi trường học đường. Ví dụ: tình yêu tuổi học trò; xu hướng sống đơn giản; việc dùng xen tiếng nước ngoài trong giao tiếp thông thường;...

Tìm ý và sắp xếp ý

– Đề tài thảo luận là một vấn đề xã hội có ý kiến khác nhau nên người nói không chỉ bày tỏ quan điểm cá nhân mà còn phải nắm được một số cách nhìn nhận, đánh giá khác. Việc nắm bắt đúng những ý kiến, quan điểm khác nhau là cơ sở để thúc đẩy cuộc trao đổi, thảo luận, đối thoại thành công.

– Có thể trả lời một số câu hỏi gợi ý sau để hình thành nội dung của ý kiến thảo luận: Vì sao bạn quan tâm đến vấn đề xã hội này? Vấn đề đã được nhìn nhận, đánh giá từ những góc nhìn, những quan điểm khác nhau như thế nào? Quan điểm của bạn đối với vấn đề xã hội này là gì? Vì sao bạn có quan điểm như vậy? Bạn muốn trao đổi, thảo luận gì với những người có ý kiến khác?...

Xác định từ ngữ then chốt

Để thảo luận về một vấn đề xã hội có ý kiến khác nhau, cần chú ý sử dụng các từ ngữ then chốt như: theo quan điểm của tôi, cách tiếp cận vấn đề, góc nhìn khác biệt, quan điểm chung,...

Phương tiện hỗ trợ

Có thể chuẩn bị một số phương tiện hỗ trợ cho việc trình bày ý kiến như: tranh ảnh, trích đoạn ngắn từ phim tài liệu, biểu đồ,... có liên quan trực tiếp và có tác dụng minh hoạ cho vấn đề cần thảo luận.

Chuẩn bị nghe

– Tìm hiểu đề tài, nội dung của vấn đề xã hội được đưa ra thảo luận; xác định quan điểm cá nhân trong cách nhìn nhận, đánh giá vấn đề.

– Suy đoán về ý kiến có thể có liên quan đến vấn đề xã hội được thảo luận; hình dung xem các ý kiến đó dựa trên những lí lẽ gì.

Thảo luận

Người nói	Người nghe
– Giới thiệu được vấn đề cần thảo luận. – Tóm lược những ý kiến khác nhau về vấn đề; trình bày ý kiến cá nhân, sử dụng lí lẽ và bằng chứng để chứng minh cho quan điểm của mình; trao đổi, thảo luận với những người có ý kiến khác,... – Khái quát những điểm chung có thể thống nhất; nhấn mạnh tác dụng của cuộc thảo luận đối với cách nhìn nhận, đánh giá vấn đề xã hội.	– Lắng nghe, ghi chép lại những ý kiến muốn trao đổi với người nói. – Chuẩn bị nội dung trao đổi.

Để việc thảo luận có hiệu quả, người nói, người nghe cần tự đánh giá và đánh giá về ý kiến trao đổi theo các nội dung trong bảng sau:

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Bám sát vấn đề xã hội được thảo luận và nêu được ý kiến xác đáng.		
2	Có nhận xét, đánh giá thoả đáng về các ý kiến khác.		
3	Hướng về người cùng thảo luận để trao đổi ý kiến; thể hiện thái độ tôn trọng, tinh thần cầu thị.		
4	Biết sử dụng hiệu quả các phương tiện phi ngôn ngữ; biết điều chỉnh nội dung, giọng điệu cho phù hợp với không khí thảo luận.		

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG

1. Từ những hiểu biết về tác phẩm *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi, hãy nêu các yếu tố cơ bản làm nên sức thuyết phục của một văn bản chính luận.
2. Các văn bản đọc (*Tác gia Nguyễn Trãi*, *Bình Ngô đại cáo*, *Bảo kính cảnh giới* – bài 43, *Dục Thuý sơn*) đã giúp bạn có thêm hiểu biết gì về đóng góp của Nguyễn Trãi cho nền văn học, văn hoá dân tộc?
3. Tìm đọc một số tác phẩm của Nguyễn Trãi thuộc các mảng sáng tác khác nhau: văn chính luận, thơ chữ Hán và thơ chữ Nôm. Chỉ ra đặc điểm cơ bản về thể loại của một tác phẩm tự chọn.
4. Học thuộc lòng một số đoạn trong bản dịch *Bình Ngô đại cáo* và các bài thơ của Nguyễn Trãi có trong bài học này (*Bảo kính cảnh giới* – bài 43, *Dục Thuý sơn*).
5. Hãy chọn viết về một đề tài xã hội mà bạn quan tâm. Dựa vào bài viết này để lập dàn ý cho một bài thuyết trình và tập thuyết trình trên cơ sở dàn ý đó.

THỰC HÀNH ĐỌC

Một số điều cần lưu ý khi đọc văn bản:

- Đề tài, thi liệu, thể loại của văn bản.
- Hình tượng thiên nhiên và tâm trạng của nhân vật trữ tình.
- Các yếu tố nghệ thuật đặc sắc.
- Vẻ đẹp tư tưởng, tâm hồn của tác giả.

Ngôn chí (*)

(Bài 3)

Nguyễn Trãi

Am trúc hiên mai[1] ngày tháng qua.
Thị phi[2] nào đến cõi yên hà[3].
Cơm ăn dầu có dưa muối;
Áo mặc nài chi gấm là[4].
Nước dưỡng[5] cho thanh, trì[6] thưởng nguyệt;
Đất cày ngõ ải[7], lảnh ương hoa.
Trong khi hứng động[8] vừa đêm tuyết,
Ngâm được câu thần dặng dặng[9] ca.

(Viện Sử học, *Nguyễn Trãi toàn tập*, Sđd, tr. 396)

(*) *Ngôn chí*: chùm thơ gồm 21 bài trong *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi. Ở đây, nhan đề *Ngôn chí* không giới hạn "nói chí" trong phạm vi hẹp (ý chí, chí khí, chí nam nhi) mà hàm chứa cả chí lẫn tình của nhà thơ.

(1) *Hiên mai*: chỉ nơi ở yên tĩnh của người ẩn dật (*hiên*: mái hiên; *mai*: hoa mai, cây mai).

(2) *Thị phi*: điều phải và điều trái, ý nói dư luận của người đời.

(3) *Yên hà*: chỉ chốn thiên nhiên thanh tĩnh, cách xa cuộc sống xô bồ (*yên*: khói sương, khói sóng; *hà*: ráng trời, ánh rực rỡ của bầu trời lúc bình minh hoặc hoàng hôn).

(4) *Là*: một loại vải the mỏng.

(5) *Dưỡng*: nuôi dưỡng, giữ gìn.

(6) *Trì*: ao.

(7) *Ngõ ải*: gần được ải (*ải*: đất trồng trọt sau khi đã được cày cuốc, được phơi nắng thành khô và tơi, bở).

(8) *Hứng động*: cảm hứng, thi hứng được khơi dậy.

(9) *Dặng dặng*: cất tiếng mà ngâm, ca.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Một số điều cần lưu ý khi đọc văn bản:

- Đề tài, thi liệu, thể loại của văn bản.
- Cảm hứng lịch sử và cảm hứng thế sự trong văn bản.
- Niềm tự hào về mảnh đất chiến địa, từng lưu dấu nhiều chiến công hiển hách của cha ông.
- Sự suy ngẫm sâu sắc của tác giả về lịch sử.

Bạch Đằng hải khẩu

(Cửa biển Bạch Đằng)

Nguyễn Trãi

Phiên âm

Sóc phong xuy hải khí lăng lăng,
Khinh khởi ngâm phàm quá Bạch Đằng.
Ngạc đoạn kình khoa sơn khúc khúc,
Qua trầm kích chiết ngạn tằng tằng.
Quan hà bách nhị do thiên thiết,
Hào kiệt công danh thử địa tằng.
Vãng sự hồi đầu ta dĩ hĩ,
Lâm lưu phủ cảnh ý nan thăng.

Dịch nghĩa

Gió bấc thổi trên biển, khí nổi cuồn cuộn,
Nhẹ giương cánh buồm thơ lướt qua cửa biển Bạch Đằng.
Như cá sấu bị chặt, cá kình bị mổ, núi uốn lượn quanh co,
Như cây giáo bị chìm, như chiếc kích bị gãy, bờ xếp chồng lởm chởm.
Hình thế núi sông hiểm yếu[1] do trời bày đặt,
Đây từng là nơi các bậc anh hùng hào kiệt lập công danh[2].
Việc cũ ngoái đầu nhìn lại, ôi đã qua rồi,
Tới bên dòng ngắm cảnh, ý khôn nói xiết.

(1) *Núi sông hiểm yếu*: nguyên văn là: "quan hà bách nhị", dẫn chữ trong *Sử kí* của Tư Mã Thiên, ý nói dựa vào địa hình núi sông hiểm trở nên hai người có thể địch nổi trăm người.

(2) Câu thơ muốn nhắc đến các anh hùng dân tộc từng lập nên kì tích trên sông Bạch Đằng: Ngô Quyền với chiến công đánh đuổi quân Nam Hán năm 938, Trần Hưng Đạo với cuộc đại phá quân Nguyên năm 1288,...

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Dịch thơ

Biển rung gió bấc thế bừng bừng,

Nhẹ cất buồm thơ lướt Bạch Đằng.

Kình ngạc băm vằm non mấy khúc,

Giáo gươm chìm gãy bãi bao tầng.

Quan hà hiểm yếu trời kia đặt,

Hào kiệt công danh đất ấy từng.

Việc trước quay đầu ôi đã vắng,

Tới dòng ngắm cảnh dạ bâng khuâng.

(Nguyễn Đình Hổ dịch, *Thơ chữ* ***Hán Nguyễn Trãi***,
NXB Văn hoá – Viện Văn học, Hà Nội, 1962, tr. 27 – 28)

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Bài 7

QUYỀN NĂNG CỦA NGƯỜI KỂ CHUYỆN

Yêu cầu cần đạt

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện như: người kể chuyện ngôi thứ ba và người kể chuyện ngôi thứ nhất, điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật.
- Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo mà người viết thể hiện qua văn bản; phát hiện được các giá trị đạo đức, văn hoá từ văn bản.
- Hiểu tác dụng của biện pháp chêm xen, biện pháp liệt kê; biết cách vận dụng các biện pháp này vào việc tạo câu.
- Viết được một bài văn nghị luận phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc về nghệ thuật của một tác phẩm văn học.
- Biết thảo luận về một vấn đề có những ý kiến khác nhau; đưa ra được những căn cứ thuyết phục; tôn trọng người đối thoại.
- Yêu thương và có trách nhiệm đối với con người, cuộc sống.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

ĐỌC

TRI THỨC NGỮ VĂN

Người kể chuyện ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba

Người kể chuyện ngôi thứ nhất là người kể xưng "tôi" hoặc một hình thức tự xưng tương đương. Tuỳ theo mức độ tham gia vào mạch vận động cốt truyện, người kể chuyện ngôi thứ nhất có thể là nhân vật chính, nhân vật phụ, người chứng kiến, người kể lại câu chuyện được nghe từ người khác hay xuất hiện với vai trò tác giả "lộ diện". Người kể chuyện ngôi thứ nhất thường là người kể chuyện hạn tri (không biết hết mọi chuyện), trừ trường hợp ở vai trò tác giả "lộ diện" vận dụng quyền năng "biết hết" của mình.

Người kể chuyện ngôi thứ ba là người kể chuyện ẩn danh, không trực tiếp xuất hiện trong tác phẩm như một nhân vật, không tham gia vào mạch vận động của cốt truyện và chỉ được nhận biết qua lời kể. Người kể chuyện ngôi thứ ba có khả năng nắm bắt tất cả những gì diễn ra trong câu chuyện, kể cả những biểu hiện sâu kín trong nội tâm nhân vật, do vậy có khả năng trở thành người kể chuyện toàn tri (biết hết mọi chuyện), song người kể chuyện ngôi thứ ba có sử dụng quyền năng toàn tri hay không còn tuỳ thuộc vào nguyên tắc tổ chức truyện kể của từng tác phẩm.

Người kể chuyện, dù ở ngôi thứ nhất hay thứ ba, đều kể chuyện từ điểm nhìn nhất định, qua hệ thống lời kể. **Lời người kể chuyện** là lời kể, tả, bình luận của người kể chuyện, có chức năng khắc hoạ bối cảnh, thời gian, không gian, miêu tả sự việc, nhân vật, thể hiện cách nhìn nhận, thái độ đánh giá đối với sự việc, nhân vật. Lời của người kể chuyện phân biệt với **lời nhân vật** – thuật ngữ chỉ lời nói gắn với ý thức và cách thể hiện của nhân vật bằng hình thức lời nói trực tiếp hay gián tiếp.

Từ điểm nhìn và hệ thống lời người kể chuyện, lời nhân vật, các phương diện của bức tranh đời sống và nhân vật được hiển hiện để người đọc tri nhận. **Quyền năng của người kể chuyện** thể hiện ở phạm vi miêu tả, phân tích, lí giải và mức độ định hướng đọc trong việc cắt nghĩa, đánh giá sự kiện, nhân vật được khắc hoạ trong tác phẩm văn học.

Cảm hứng chủ đạo

Cảm hứng chủ đạo của một tác phẩm văn học là tình cảm, thái độ được thể hiện xuyên suốt tác phẩm đối với những vấn đề cuộc sống được nêu ra. Cảm hứng chủ đạo chi phối hình thức thể hiện, toát lên từ toàn bộ tác phẩm và có khả năng tác động mạnh vào cảm xúc của người tiếp nhận.

Biện pháp chêm xen và biện pháp liệt kê

Chêm xen là xen một từ, một cụm từ vào câu nhằm giải thích, thêm ý cho câu hoặc hướng tới mục đích tu từ.

Liệt kê là nêu một chuỗi yếu tố cùng loại nhằm cung cấp thông tin đầy đủ hơn về đối tượng cần nhấn mạnh trong câu, trong đoạn của văn bản hoặc hướng tới mục đích tu từ.

VĂN BẢN 1

Người cầm quyền khôi phục uy quyền

(Trích *Những người khốn khổ*)

Vích-to Huy-gô (Victor Hugo)

- *Bạn hình dung như thế nào về một con người có uy quyền?*
- *Bạn đã từng đọc cuốn sách hay xem bộ phim nào mà trong đó có nhân vật thực sự là một người uy quyền? Bạn hãy chia sẻ ấn tượng của mình về nhân vật ấy.*

Ma-đơ-len (Madeleine) là thị trưởng thị trấn Mông-tơ-rơi (Montreuil) và là ông chủ của một nhà máy đặt tại đây. Để cứu một người vô tội bị cảnh sát nhận nhầm là Giăng Van-giăng (Jean Valjean) – kẻ đang bị pháp luật truy nã, ông đã đến toà thú nhận chính mình mới là người toà cần tìm. Vì điều này, ông phải đối diện với tình huống đầy kịch tính: bị thanh tra Gia-ve (Javert) lập tức đem người đến bắt trong khi ông chưa kịp thực hiện lời hứa hệ trọng với Phăng-tin (Fantine), một nữ công nhân bất hạnh đang nằm trên giường bệnh. Cuộc chạm trán giữa ông với Gia-ve diễn ra tại bệnh xá, nơi Phăng-tin đang nóng lòng chờ gặp đứa con gái thân yêu mà chị ngỡ đã được ông thị trưởng giúp đưa về...

Từ ngày ông Ma-đơ-len gỡ cho Phăng-tin thoát khỏi bàn tay Gia-ve, chị không gặp lại hắn lần nào nữa. Lần này đầu óc ốm yếu của chị không hiểu được một cái gì cả, nhưng chị đinh ninh rằng hắn lại đến để bắt chị. Chị không thể chịu đựng bộ mặt gớm ghiếc ấy. Chị thấy như tắt thở. Chị lấy tay che mặt và kêu lên, giọng kinh hoàng:

Hoàn cảnh và tình trạng của Phăng-tin được miêu tả như thế nào?

– Ông Ma-đơ-len, cứu tôi với!

Vì sao người kể chuyện lại lưu ý "từ giờ chúng ta cứ cái tên này mà gọi"?

Giăng Van-giăng – từ giờ chúng ta cứ cái tên này mà gọi – đứng dậy. Ông vẫn nhẹ nhàng, điềm tĩnh bảo Phăng-tin:

– Cứ yên tâm. Không phải nó đến bắt chị đâu.

Rồi ông quay lại nói với Gia-ve:

– Tôi biết là anh muốn gì rồi.

Gia-ve đáp:

– Mau lên!

Trong điệu hắn nói lên hai tiếng ấy có cái gì man rợ, điên cuồng. Gia-ve không nói: "Mau lên!", hắn nói: "Mau-u lêênh!". Không có vần nào ghi nổi giọng nói của hắn. Không phải là tiếng người nói mà là tiếng ác thú gầm.

Chú ý cách miêu tả giọng nói của Gia-ve.

Hắn không làm như thường lệ. Hắn không mào đầu gì cả. Hắn không chìa tờ trát truy nã ra. Hắn coi Giăng Van-giăng như một kẻ đấu thủ bí hiểm và có tài lẩn tránh, một đô vật lạ lùng hắn đã ôm ghì được từ năm năm nay mà không đánh ngã nổi. Lần này bắt được không phải là bắt đầu mà là kết thúc vậy.

Hắn chỉ cần bảo: Mau lên!

Nói xong, hắn cứ đứng lì một chỗ. Cặp mắt hắn gắn chặt vào Giăng Van-giăng. Cái nhìn cứ như có móc, móc vào người Giăng Van-giăng. Chính với cái nhìn ấy hắn đã quen lôi vào tròng của hắn bao nhiêu kẻ khốn khổ!

Chính cái nhìn ấy hai tháng trước đây Phăng-tin đã thấy đi thấu vào đến tận xương tuỷ của chị.

Nghe thấy tiếng Gia-ve, Phăng-tin lại mở mắt ra. Nhưng ông thị trưởng vẫn đứng đó. Chị còn sợ gì nữa?

Gia-ve tiến vào giữa phòng và hét lên:

– Thế nào! Mày có đi không?

Người đàn bà khốn khổ nhìn chung quanh. Chỉ có bà xơ với ông thị trưởng thôi, ngoài ra không còn ai nữa. Thế thì nó mày tao thô bỉ với ai vậy? Tất cả là với chị thôi. Chị rùng mình.

Rồi chị còn trông thấy một sự vô lí, vô lí đến nỗi ngay trong những cơn sốt mê sảng hãi hùng nhất chị cũng không hề thấy có điều như vậy.

Chị trông thấy tên chó săn Gia-ve tóm cổ ông thị trưởng và chị thấy ông thị trưởng cúi đầu. Chị tưởng như cả thế giới đang tan biến. Quả vậy, Gia-ve đã túm cổ áo Giăng Van-giăng.

Tại sao Phăng-tin cảm thấy "cả thế giới đang tan biến"?

Chị kêu:

– Ông thị trưởng ơi!

Gia-ve phá lên cười, cái cười làm hắn nhe cả hai hàm răng:

– Ở đây làm gì còn có ông thị trưởng nữa!

Giăng Van-giăng không giằng tay hắn ra, chỉ nói:

– Gia-ve...

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Gia-ve ngắt lời ngay:

– Gọi ta là ông thanh tra.

– Thưa ông, tôi muốn nói riêng với ông câu này.

– Nói to, nói to lên! Ai nói gì với ta thì phải nói to!

Giăng Van-giăng vẫn thì thầm:

– Tôi cầu xin ông có một điều...

– Ta bảo mày nói to lên cơ mà.

– Nhưng điều này phải một mình ông nghe mới được...

– Ta không cần, ta không nghe!

Chú ý ngôn ngữ ra lệnh của Gia-ve và ngôn ngữ của Giăng Van-giăng qua lời đối thoại.

Giăng Van-giăng ghé gần hắn và hạ giọng nói thật nhanh:

– Xin ông thư cho ba ngày! Ba ngày để đi tìm đứa con cho người đàn bà đáng thương này! Phải hết bao nhiêu tiền tôi cũng trả. Nếu cần thì ông cứ đi kèm tôi cũng được.

Gia-ve quát:

– Mày đùa ư? Ồ thằng này, tao không ngờ mày lại ngu ngốc thế! Mày xin tao ba ngày để chuồn hả! Mày bảo mày đi tìm đứa con cho con này hử! Á à! Tốt, tốt! Tốt thật!

Phăng-tin run lên bần bật:

– Con tôi! Đi tìm con tôi! Thế ra nó chưa đến đây sao[1]! Bà xơ ơi! Cho tôi biết con Cô-dét (Cosette) đâu? Tôi cần gặp con tôi! Ông Ma-đơ-len ơi! Ông thị trưởng ơi!

Phăng-tin có phản ứng và cảm xúc như thế nào khi nghe nhắc đến đứa con gái của mình?

Gia-ve giậm chân:

– Giờ lại đến lượt con này nữa! Con khỉ, có câm họng không! Cái xứ chó đểu gì mà những thằng tù đi đày thì làm ông nọ ông kia, còn lũ gái điếm thì được chạy chữa như những bà hoàng! Nhưng mà rồi phải thay đổi lại hết: đã đến lúc rồi.

Chú ý thái độ của Gia-ve khi nói về Giăng Van-giăng.

Hắn nhìn Phăng-tin trừng trừng, túm lấy cổ áo và ca-vát của Giăng Van-giăng và thêm:

– Tao đã bảo không có ông Ma-đơ-len, ông thị trưởng nào cả. Chỉ có một thằng ăn cắp, một thằng kẻ cướp, một thằng tù khổ sai tên là Giăng Van-giăng! Tao bắt được thằng ấy đây này! Chỉ có thế thôi!

Phăng-tin chống hai cánh tay gầy guộc vùng nhổm dậy. Chị nhìn Giăng Van-giăng, chị nhìn Gia-ve rồi lại nhìn bà xơ. Chị há miệng như muốn nói gì. Cổ họng có tiếng nấc lên, hai hàm răng đánh vào nhau cầm cập. Chị hoảng hốt giơ tay lên, hai bàn tay cố sức mở ra tìm lấy chỗ bám như người ngã xuống nước đương chới với. Bỗng chị ngã vật

---

(1) Trước đó, để Phăng-tin yên tâm, Giăng Van-giăng đã nói dối chị rằng ông đã cho đón Cô-dét về.

xuống gối. Đầu chị đập vào thành giường và gục xuống, miệng há hốc, hai mắt trợn ngược và hết thần.

Phăng-tin đã tắt thở.

Giăng Van-giăng để tay lên bàn tay Gia-ve đương nắm cổ áo ông ta, gỡ tay hắn ra như gỡ bàn tay trẻ con và bảo hắn:

– Anh đã giết chết người đàn bà này rồi đó.

Gia-ve phát khùng lên:

– Đừng có lôi thôi! Tao không đến đây để nghe lí sự. Dẹp những cái đó lại. Lính đứng sẵn cả dưới nhà rồi. Đi ngay, không thì ông cùm tay lại bây giờ!

Trong góc phòng có chiếc giường sắt cũ đã hư hỏng nhiều, để các bà xơ ngả lưng những đêm phải thức canh con bệnh. Giăng Van-giăng đến bên giường, trong chớp mắt giật gãy cái gióng chính cầm lăm lăm trong tay. Việc ấy đối với sức ông không khó, cái giường vốn đã long sẵn. Ông trợn mắt nhìn Gia-ve, Gia-ve lùi ra phía cửa. Giăng Van-giăng tay vẫn cầm thanh sắt, từ từ đến chỗ giường Phăng-tin. Đến nơi, ông quay lại nói với Gia-ve giọng rất khẽ, cố ý mới nghe rõ:

– Tôi khuyên anh đừng có quấy rầy tôi lúc này.

Tại sao Gia-ve lại thấy run sợ?

Sự thật Gia-ve run sợ.

Hắn định đi gọi bọn lính, nhưng lại lo Giăng Van-giăng thừa cơ trốn mất. Hắn phải đứng yên đó, tay nắm lấy đầu gậy, lưng tựa vào khung cửa, mắt vẫn không rời Giăng Van-giăng.

Giăng Van-giăng tì khuỷu tay lên trụ đầu giường, bàn tay ôm trán, ngồi ngắm Phăng-tin nằm dài không nhúc nhích. Ông ngồi như thế, mải miết, yên lặng, tâm trí rõ ràng chẳng nghĩ đến một điều gì ở trên đời này nữa. Trong nét mặt và dáng điệu ông chỉ thấy có mỗi một nỗi xót thương vô hạn. Mơ màng một lúc lâu, ông mới ghé lại gần và thì thầm bên tai Phăng-tin.

Chú ý hình thức câu hỏi trong lời của người kể chuyện.

Ông nói gì? Con người khổ sở ấy có thể nói gì với người đã chết? Những lời ấy là lời gì vậy? Người ở dương gian này không một ai được biết. Kẻ đã chết có nghe thấy không? Có những ảo tưởng rất cảm động, đồng thời lại có thể là những sự thực cao cả. Điều không ai nghi ngờ là bà xơ Xem-pơ-lít (Simplice), người độc nhất chứng kiến cảnh ấy, thường kể lại rằng lúc Giăng Van-giăng ghé vào tai Phăng-tin thì thầm như thế, thì bà trông thấy rõ ràng một nụ cười không sao tả được hiện trên đôi môi nhợt nhạt và trong đôi mắt đờ đẫn, ngạc nhiên của chị.

Giăng Van-giăng lấy hai tay nâng đầu Phăng-tin lên, đặt ngay ngắn giữa gối như một người mẹ sửa soạn cho con. Ông thắt lại dây rút cổ áo chị, vén gọn mớ tóc vào trong chiếc mũ vải. Xong, ông vuốt mắt cho chị.

Lúc ấy trông mặt Phăng-tin như sáng rỡ lên một cách lạ thường.

Chết tức là đi vào bầu ánh sáng vĩ đại của Chúa.

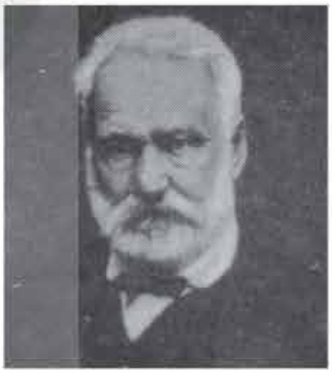
Tay Phăng-tin vẫn bỏ thõng ra ngoài giường. Giăng Van-giăng quỳ xuống khẽ nâng lên và đặt vào đấy một cái hôn.

Xong ông đứng dậy, quay về phía Gia-ve:

– Giờ anh muốn làm gì thì làm.

Thái độ của Giăng Van-giăng đối với Gia-ve thể hiện ở câu nói sau cùng trong đoạn trích.

(Vích-to Huy-gô, *Những người khốn khổ*, tập một, Huỳnh Lý, Vũ Đình Liên, Lê Trí Viễn, Đỗ Đức Hiểu dịch, NXB Văn học, Hà Nội, 1987, tr. 422 – 427)



Vích-to Huy-gô

Vích-to Huy-gô (1802 – 1885) là nhà thơ, nhà tiểu thuyết, nhà viết kịch người Pháp. Ông là nhà văn lãng mạn lớn nhất của văn học Pháp thế kỉ XIX. Các tác phẩm quan trọng trong sự nghiệp của Vích-to Huy-gô: *Nhà thờ Đức Bà Pa-ri (Paris)* (tiểu thuyết, 1831), *Những người khốn khổ* (tiểu thuyết, 1862), *Lao động biển cả* (tiểu thuyết, 1866), *Thằng cười* (tiểu thuyết, 1869), *Chín mươi ba* (tiểu thuyết, 1874); *Lá thu* (tập thơ, 1831), *Trầm tư* (tập thơ, 1856), *Truyền kì các thế kỉ* (tập thơ, 1859); *Éc-na-ni* (*Hernani*, kịch, 1830).

Những người khốn khổ là tiểu thuyết nổi tiếng nhất của Vích-to Huy-gô. Bối cảnh của tác phẩm là nước Pháp những năm đầu thế kỉ XIX. Nhân vật trung tâm của cuốn tiểu thuyết là Giăng Van-giăng, một người lao động nghèo bị kết án tù khổ sai mười chín năm: năm năm vì tội ăn cắp bánh mì để nuôi đàn cháu đói khổ cộng mười bốn năm do nhiều lần tìm cách vượt ngục. Khi mãn hạn tù, Giăng Van-giăng mang tâm lí thù ghét xã hội bởi không một ai muốn chứa chấp kẻ có quá khứ là tù nhân. Nhờ tình thương vô điều kiện của giám mục Mi-ri-en (Myriel), người không chỉ cho ông một chỗ nghỉ, bỏ qua việc ông đã ăn cắp bộ đồ ăn bằng bạc mà còn tặng cho ông một bộ chân nến, Giăng Van-giăng được cảm hoá. Tuy nhiên, mới vừa ra khỏi tu viện của giám mục Mi-ri-en, Giăng Van-giăng đã lại phạm tội khi cướp bốn mươi xu của bé Giéc-ve (Gervais) trong tâm trạng rối bời. Ngay lúc đó, Giăng Van-giăng đã thấy vô cùng ân hận vì hành vi xuất phát từ thói quen này; ông muốn chuộc lại lỗi lầm nhưng không được vì cậu bé đã sợ hãi bỏ chạy. Do vụ việc đó, Giăng Van-giăng lại phải lần nữa tìm cách lẩn trốn sự truy bắt của cảnh sát.

Sáu năm sau, Giăng Van-giăng đổi tên thành Ma-đơ-len và đến sống tại thị trấn Mông-tơ-rơi. Nhờ giỏi tổ chức, quản lí lao động, ông trở thành chủ nhà máy giàu có, luôn giúp đỡ mọi người và được bầu làm thị trưởng của thị trấn. Tuy nhiên, ông thường xuyên bị thanh tra Gia-ve (người luôn ngờ vực về nhân thân của ông) rình mò, theo dõi. Ở nhà máy của Giăng Van-giăng có một nữ công nhân tên là Phăng-tin. Trong quá khứ, chị là một người nhẹ dạ, bị một gã chơi bời lừa gạt, bỏ rơi, sau khi sinh một bé gái với hắn, là Cô-dét. Khi sự thật này bị phát hiện, Phăng-tin bị giám thị của nhà máy sa thải, chị đành phải gửi con cho hai vợ chồng gã chủ quán lưu manh là Tê-nác-đi-ê (Thenardier), chấp nhận làm gái điếm để có tiền nuôi con, rồi lâm bệnh do kiệt sức. Một lần, vì phản ứng lại sự trêu chọc tàn nhẫn của một gã tư sản, chị bị Gia-ve bắt giữ và phạt sáu tháng tù giam. Ma-đơ-len thấy có trách nhiệm trong việc này bởi nhà máy của ông đã sa thải Phăng-tin với lí do không chính đáng nên đã tìm cách can thiệp, buộc Gia-ve phải trả tự do cho chị. Ông đưa Phăng-tin khi đó đang ốm rất nặng vào bệnh xá và hứa sẽ đem Cô-dét về với chị. Gia-ve tìm đến Ma-đơ-len, thú nhận sau khi bị ép phải trả tự do cho Phăng-tin, hắn đã báo cáo với chính quyền về sự nghi ngờ của mình, rằng Ma-đơ-len chính là Giăng Van-giăng. Nhưng khi ấy, toà án lại xác nhận nhầm một người khác là Giăng Van-giăng và chuẩn bị đưa người đó ra xét xử. Ma-đơ-len đã trải qua một cuộc đấu tranh tư tưởng dữ dội và cuối cùng quyết định đến phiên toà, thú nhận gốc tích thực của mình để cứu người vô tội. Sau đó, ông trở về Mông-tơ-rơi để thăm Phăng-tin và giáp mặt Gia-ve – người thực thi việc bắt giữ ông – tại bệnh xá. Mặc dù Giăng Van-giăng đã cầu xin Gia-ve hoãn lệnh bắt ba ngày để ông có thể đem Cô-dét về với Phăng-tin nhưng hắn không chấp thuận, thậm chí còn nói toạc ra cho Phăng-tin biết nhân thân của Giăng Van-giăng. Phăng-tin đã qua đời ngay lúc ấy và Giăng Van-giăng bị bắt đi.

Giăng Van-giăng lại vào tù với án chung thân. Khi đang chịu án tại nhà tù Tu-lông (Toulon), ông đã không ngại hiểm nguy để cứu một thuỷ thủ bị nạn và nhân vụ việc này, ông nhảy xuống biển, tìm cách vượt ngục. Chính quyền xác nhận ông đã chết mất xác. Trên thực tế, Giăng Van-giăng không chết. Ông tìm đến quán trọ của vợ chồng Tê-nác-đi-ê để chuộc lại Cô-dét, nhận làm cha của cô bé. Để tránh sự rình mò của Gia-ve, hai cha con sống một đời sống ẩn dật tại một tu viện nhỏ ở Pa-ri, nơi ông nhận công việc làm vườn với cái tên giả Phô-sơ-lơ-văng (Fauchelevent).

Tháng Sáu năm 1832, một cuộc khởi nghĩa của người lao động nổ ra tại Pa-ri chống lại chính quyền tư sản. Một sinh viên tên là Ăng-giôn-rát (Enjolras) – thủ lĩnh của cuộc khởi nghĩa – đã thuyết phục nhiều bạn bè của mình sát cánh với những con người khốn khổ nhất trong xã hội dựng chiến luỹ để chiến đấu vì lí tưởng cộng hoà. Giăng Van-giăng cũng có mặt trong cuộc khởi nghĩa bị đàn áp đẫm máu này. Ông đã tìm cách cứu Ma-ri-uýt (Marius) – người yêu của Cô-dét – và tha mạng cho Gia-ve vốn bị những người khởi nghĩa bắt trước đó. Cách xử sự của ông khiến Gia-ve rơi vào mâu thuẫn, cảm thấy không xử lí được mối quan hệ giữa một bên là ơn cứu mạng của Giăng Van-giăng và một bên là niềm tin vào hệ thống luật pháp cứng rắn mà hắn luôn cố gắng trở thành con người công cụ để thực thi. Không thể giải quyết được xung đột nội tâm, Gia-ve đã tự sát. Giăng Van-giăng sau đó đã tìm cách vun đắp cho tình yêu của Cô-dét và Ma-ri-uýt. Tiểu thuyết kết thúc bằng cái chết trong cô đơn của Giăng Van-giăng.

Tiểu thuyết ***Những người khốn khổ*** được xây dựng từ nhiều sự kiện và con người có thật trong thời đại của Vích-to Huy-gô. Không chỉ là một cuốn tiểu thuyết tôn vinh các giá trị nhân đạo, *Những người khốn khổ* còn thể hiện quan điểm phê phán sắc sảo của Vích-to Huy-gô đối với sự bất công của xã hội tư sản thể hiện qua hệ thống luật pháp và nhà tù. Tiểu thuyết đã được dịch ra nhiều thứ tiếng trên thế giới và được chuyển thể sang nhiều loại hình nghệ thuật khác như sân khấu, phim truyền hình, phim điện ảnh,...

Đoạn trích ***Người cầm quyền khôi phục uy quyền*** được rút ra từ chương 4, quyển 8, phần thứ nhất của tiểu thuyết *Những người khốn khổ*.

Trả lời câu hỏi

1. Có thể chia đoạn trích thành mấy phần? Hãy xác định mối liên hệ giữa các phần ấy.
2. Bạn cảm nhận như thế nào về thái độ và cách ứng xử của Giăng Van-giăng đối với Phăng-tin? Theo bạn, Giăng Van-giăng có thể đã "thì thầm bên tai Phăng-tin" điều gì ngay sau khi chị qua đời?
3. Qua lời của người kể chuyện, nhân vật Gia-ve hiện lên như thế nào? Hãy nhận xét về thái độ của người kể chuyện đối với nhân vật này.
4. Phân tích sự thay đổi trong ngôn ngữ và thái độ của Giăng Van-giăng đối với Gia-ve theo diễn biến của câu chuyện được kể.
5. Quyền năng của người kể chuyện ngôi thứ ba có được thể hiện trong đoạn trích này không? Vì sao?
6. Trong đoạn trích *Người cầm quyền khôi phục uy quyền*, nhân vật nào thật sự có uy quyền? Do đâu bạn khẳng định như vậy?
7. Trong đoạn trích này, theo bạn, điều gì mới làm nên uy quyền của một con người?

Kết nối đọc – viết

Bạn có cảm thấy hứng thú khi đọc những tác phẩm tự sự được kể bởi người kể chuyện toàn tri hay không? Hãy viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày ý kiến của mình về vấn đề này.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

VĂN BẢN 2

Dưới bóng hoàng lan

Thạch Lam

- *Với cảnh vật xung quanh và với những người thân yêu, kỉ niệm nào mỗi khi nhớ lại, bạn thấy thật ấm áp, dễ chịu? Nếu được yêu cầu kể lại, bạn sẽ kể như thế nào?*
- *Đã bao giờ bạn có nhu cầu được sống chậm lại để cảm nhận sâu sắc hơn ý nghĩa của những điều vốn rất bình dị hằng ngày?*

Chú ý dấu hiệu để nhận biết ngôi của người kể chuyện.

Thanh lách cánh cửa gỗ để khép, nhẹ nhàng bước vào. Chàng thấy mát hẳn cả người; trên con đường gạch Bát Tràng rêu phủ, những vòng ánh sáng lọt qua vòm cây xuống nhẩy múa theo chiều gió. Một mùi lá tươi non phảng phất trong không khí. Thanh rút khăn lau mồ hôi trên trán – bên ngoài trời nắng gắt – rồi thong thả đi bên bức tường hoa thấp chạy thẳng đến đầu nhà. Yên tĩnh quá, không một tiếng động nhỏ trong căn vườn, tựa như bao nhiêu sự ồn ào ở ngoài kia đều ngừng lại trên bực cửa.

Thanh bước lên thềm, đặt va-li trên chiếc trường kỉ[1], rồi ngó đầu nhìn vào trong nhà: bóng tối dịu và man mát loáng qua những màu sắc rực rỡ chàng đem ở ngoài trời vào; Thanh chưa nhìn rõ thấy gì cả; một lát, quen bóng tối, chàng mới nhận thấy cảnh tượng gian nhà cũ không có gì thay đổi, cũng y nguyên như ngày chàng đi xưa. Sự yên lặng trầm tịch[2] đến nỗi Thanh trở nên nghẹn họng; mãi mãi chàng mới cất được tiếng lên gọi khẽ:

– Bà ơi!

Một cái bóng lẹ làng từ trong vụt ra, rơi xuống mặt bàn; Thanh định rõ nhìn: con mèo của bà chàng, con mèo già vẫn chơi đùa với chàng ngày trước. Con vật nép chân vào mình khẽ phe phẩy cái đuôi, rồi hai mắt ngọc thạch[3] xanh giương lên nhìn người. Thanh mỉm cười lại gần vuốt ve con mãn[4]:

(1) *Trường kỉ*: ghế dài, làm bằng gỗ hoặc tre, có thể dùng để ngồi hoặc nằm.

(2) *Trầm tịch*: im lặng, lặng lẽ, hiu quạnh.

(3) *Ngọc thạch*: đá ngọc thường được dùng để chế tác đồ trang sức.

(4) *Mãn*: một cách gọi khác về loài mèo.

– Bà mày đâu?

Thanh bước xuống dưới giàn thiên lí. Có tiếng người đi, rồi bà chàng, mái tóc bạc phơ, chống gậy trúc, ở ngoài vườn vào. Thanh cảm động và mừng rỡ, chạy lại gần.

– Cháu đã về đấy ư?

Bà cụ thôi nhai trầu, đôi mắt hiền từ dưới làn tóc trắng đưa lên nhìn cháu, âu yếm và mến thương.

– Đi vào trong nhà không nắng cháu.

Thanh đi bên bà, người thẳng, mạnh, cạnh bà cụ gầy còng. Tuy vậy chàng cảm thấy chính bà che chở cho chàng, cũng như những ngày chàng còn nhỏ.

– Nhà không có ai ư bà?

– Vẫn có thằng Nhân, hôm nay nó đi đong thóc bên kia xóm. Dễ chốc nó về. Con đã ăn cơm chưa?

– Dạ chưa. Con ở tầu về đây ngay. Nhưng con không thấy đói.

Bà nhìn cháu, giục:

– Con rửa mặt đi, rồi đi nghỉ không mệt. Trời nắng thế này mà con không đi xe ư?

Thanh cười:

– Có một tí đường đất, cần gì phải xe. Con đi bộ hàng ngày cũng được.

Nhưng Thanh cũng vẫn theo lời bà. Chàng đến bên bể múc nước vào thau rửa mặt. Nước mát rợi và Thanh cúi nhìn bóng chàng lay động trong lòng bể với những mảnh trời xanh tan tác.

Tất cả những ngày thuở nhỏ trở lại với chàng. Thanh vắng nhà đã gần hai năm nay, vậy mà chàng có cảm giác như vẫn ở nhà tự bao giờ. Phong cảnh vẫn y nguyên, gian nhà vẫn tịch mịch và bà chàng vẫn tóc bạc phơ và hiền từ.

Trên trường kỉ, ngọn đèn con và cái điếu cũ kĩ. Con mèo già tròn mình nằm bên cạnh, mắt lim dim trong sự bình yên và nhàn nhã. Thanh trông thấy cảnh ấy đã nhiều lần. Lần nào trở về với bà chàng, Thanh cũng thấy bình yên và thong thả như thế. Căn nhà với thửa vườn này đối với chàng như một nơi mát mẻ và hiền lành, ở đấy bà chàng lúc nào cũng sẵn sàng chờ đợi để mến yêu chàng.

Tâm trạng của Thanh khi trở về với không gian thân thuộc.

– Ấy, bà làm gì thế? Bà để mặc cháu.

Bà cụ vẫn không thôi phẩy chiếc phất trần lên đầu giường:

– Đã lâu không có ai nằm nên bụi bám đầy khắp cả.

Thanh phải để mặc cho bà sửa chiếu và xếp lại gối. Chàng thấy mình bé quá.

– Cháu đi nghỉ chẳng mệt. Để bà hái mấy lá rau nấu canh ăn cho mát.

Bà cụ đi ra. Thanh bỗng thấy mệt mỏi. Chàng lặng nằm xuống giường, ruỗi[1] chân tay, khoan khoái. Ngoài khung cửa sổ, trời xanh ngắt ánh sáng; lá cây rung động dưới làn gió nhẹ. Một thân cây vút cao lên trước mặt. Cùng một lúc, chàng lẩm bẩm: "cây hoàng lan!"[2], mùi hương thơm thoang thoảng đưa vào. Thanh nhắm mắt ngửi hương thơm và nhớ đến cái cây ấy chàng thường hay chơi dưới gốc nhặt hoa. Đã từ lâu lắm, ngày mới có căn nhà này, ngày cha mẹ chàng hãy còn. Rồi đến ngày một bà một cháu quấn quýt nhau. Thanh ra tỉnh làm rồi đi về hàng năm, các ngày nghỉ. Bây giờ cây đã lớn.

Trạng thái tình cảm của Thanh khi nhận ra cây hoàng lan. Chú ý những chi tiết về cây hoàng lan trong toàn câu chuyện.

Thanh thấy tâm hồn nhẹ nhõm tươi mát như vừa tắm ở suối. Chàng tắm trong cái không khí tươi mát này. Những ngày bận rộn ở tỉnh giờ xa quá. Khu vườn với các cây quen đã nhận biết chàng rồi.

Nghe tiếng bà đi vào. Thanh nằm yên giả vờ ngủ. Bà lại gần săn sóc buông màn, nhìn cháu và xua đuổi muỗi. Gió quạt đưa nhẹ trên mái tóc chàng. Thanh vẫn nằm yên, nhắm mắt nhưng biết bà ở bên mình. Chàng không dám động đậy, yên lặng chờ cho bà lại đi ra. Bà xuống bếp làm cơm hẳn. Tiếng dép nhỏ dần.

Chàng cảm động gần ứa nước mắt. Bà yêu thương cháu quá, giờ chỉ có mình cháu, với mình bà. Mà bà làm bếp có một mình thôi ư? Không, hình như có tiếng người khác nữa, tiếng trong và mau hơn. Thanh lắng nghe: một tiếng cười sẽ đưa lên. Tiếng ai? Nghe quen quá mà Thanh không nhớ được.

Lưu ý sự đan xen giữa lời của người kể chuyện và lời độc thoại nội tâm của nhân vật.

Chàng lẳng lặng ngồi dậy, tì trên cửa sổ, cúi mình nhìn ra phía ao. Bóng cây hoàng lan lay động cả một vùng. Chàng chợt nhớ, chạy vùng xuống nhà ngang[3], gọi vui vẻ:

– Cô Nga...

Người thiếu nữ đương nhặt rau nghe tiếng gọi vội ngửng đầu: một nụ cười, đôi mắt trong sáng lên; rồi tiếng nhẹ nhàng:

– Anh Thanh! Anh đã về đấy à?

Thanh đứng tựa bên cột, chưa trả lời. Chàng nhìn cô thiếu nữ xinh xắn trong tà áo trắng, mái tóc đen lánh buông trên cổ nhỏ, bên cạnh mái tóc bạc trắng của bà chàng.

---

(1) *Ruỗi*: duỗi thẳng ra.

(2) *Hoàng lan*: cây to cùng họ với na, có hoa thơm, màu vàng lục.

(3) *Nhà ngang*: nhà nhỏ, vuông góc với nhà chính, là nơi nấu nướng và ăn uống thường ngày của gia đình (kiểu kiến trúc nhà ở truyền thống của nông thôn đồng bằng Bắc Bộ).

Cô Nga, cô bé hàng xóm vẫn sang chơi với chàng trong vườn, và mỗi lần về, chàng lại gặp ở nhà như một người thân mật.

Một lát cô Nga nói:

– Anh Thanh độ này khác hẳn trước. Anh chóng nhớn[1] quá.

– Tôi vẫn thế đấy chứ.

Bà cụ cúi trên rổ rau, không nhìn cháu đáp:

– Cô trông em có phải gầy đi không. Không bằng độ còn ở nhà.

Nga ngửng nhìn Thanh, cười:

– Đấy em có nói sai đâu. Anh trông lại đen đi nữa.

Lá rau tươi xanh ngắt bên bàn tay trắng hồng nhỏ nhắn. Thanh cũng ngồi ghé xuống. Thế là lại như lúc còn ở nhà, ngày ngày chàng cũng vẫn với Nga xuống bếp xem bà làm cơm. Câu chuyện vẫn vui và vẫn đậm, có lúc chàng lầm tưởng Nga chính là em gái ruột của mình.

*

* *

Lúc Nhân bưng cơm đặt lên bàn, bà cụ bảo cô thiếu nữ:

– Ở đây ăn cơm một thể, cháu ạ.

Thanh nhìn lên:

– Ăn cho vui, cô Nga.

– Xin phép cụ và anh thôi, em vừa mới ăn cơm xong ở nhà. Em đứng đây cũng được chứ gì.

Thanh ra vẻ không bằng lòng:

– Không, cô phải ngồi ăn cơ. Cô làm khách mãi.

Nga sợ, vén áo ngồi bên cạnh bà cụ, nhưng nàng chỉ ăn nhỏ nhẻ, cầm chừng, và buông đũa luôn để xới cơm cho Thanh. Bữa cơm vui quá. Thanh ăn rất ngon miệng, lòng thư thái và sung sướng. Thỉnh thoảng chàng nhìn đôi môi thắm của Nga, hai má hồng. Và nụ cười tươi nở, nàng nhìn lại Thanh, một chút thôi, nhưng biết bao nhiêu âu yếm.

Ngoài vườn, trời vẫn nắng. Giàn thiên lí pha xanh một bên tà áo trắng của Nga. Những búp hoa lí non và thơm rủ liền trong giàn, lẫn vào đám lá. Gạch mát và phủ rêu khiến Thanh nhớ lại hai bàn chân xinh xắn của Nga, ngày nào, đi trên đó. Hai bàn chân nhỏ, lấm tấm cát, để dấu tự ngoài ao trở về... Chàng đột nhiên mỉm cười, rồi hỏi:

– Cô Nga có còn hay đi nhặt hoàng lan rơi nữa không?

---

[1] *Nhớn*: lớn.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Nga cũng cười hơi thẹn:

– Vẫn nhặt đấy. Nhưng không có ai tranh nữa.

Nàng nhìn Thanh, mắt như tụ lại những hình ảnh tự bao giờ, và sẽ vuốt mấy sợi tóc mai ra một bên. Thanh thấy quả tim đập nhẹ nhàng.

Bà cụ thì mải nhìn cháu. Bác Nhân khoanh tay đứng dựa bên cột nghe; bác cũng vui mừng vì thấy cậu về, vẫn khoẻ mạnh và xinh trai như ngày trước. Còn cô Nga vẫn tươi đẹp và vui vẻ như thế. Có cô nhà cũng đỡ vắng, và bà cậu cũng đỡ buồn; hàng ngày cô chạy sang chơi giúp đỡ bà cụ giã cối trầu và nói chuyện đến người đi vắng ở trên tỉnh đã lâu không về thăm nhà.

Bữa ăn xong. Thanh với Nga đã trở lại thân mật như khi còn nhỏ. Thanh dắt nàng đi xem vườn; cây hoàng lan cao vút, cành lá rủ xuống như chào đón hai người. Có lúc gần nhau, Thanh thấy mái tóc Nga thoang thoảng thơm như có giắt hoàng lan. Nhưng hoa lan chưa rụng, vẫn còn tươi xanh ở trên cành. Nga bảo Thanh:

– Những ngày em đến đây hái hoa, em nhớ anh quá.

Biểu hiện tình cảm của Nga và Thanh (qua lời nói, tâm trạng).

Thanh chẳng biết nói gì; chàng vít một cành lan xuống giữ ở trong tay để Nga tìm hoa, rồi nhẹ nhàng buông ra cho cành lại cong lên. Nắng soi vào vai hai người, nhưng dưới chân đất vẫn mát như xưa.

– Bao giờ anh lên tỉnh?

– Ngày mai thôi. Kì này được nghỉ ít. Nhưng mai kia, tôi sẽ về ở đây lâu hơn.

Lòng Thanh dịu lại. Nga đến bên bể múc nước rửa hoa, rồi xếp bẩy trên quả[1] trầu. Bà cụ nhìn cô, âu yếm:

– Hoa hãy còn non lắm, sao hái sớm thế, con?

Ý nghĩa lời đối thoại giữa bà cụ và Nga về chuyện hái hoa hoàng lan.

Nga thưa:

– "Anh con hái đấy ạ" và nàng nhìn Thanh mỉm cười.

Đêm ấy, một bà, một cháu với một cô láng giềng chuyện trò dưới bóng đèn mãi tới khuya, khi trăng lên. Qua vườn, Thanh tiễn Nga ra đến cổng, đi qua hai bên bờ lá đã ướt sương. Mùi hoàng lan thoang thoảng bay trong gió ngát. Không lưỡng lự, Thanh cầm lấy tay Nga, để yên trong tay mình. Nga cũng đứng yên lặng. Lâu lâu, Nga rút tay sẽ nói:

– Thôi em về.

---

(1) *Quả*: dụng cụ làm bằng gỗ hoặc đan bằng tre, hình tròn, có nắp, dùng đựng đồ khô, bên ngoài phết sơn ta (một loại sơn chế biến từ nhựa của cây sơn).

Thanh đi trở vào rất thong thả. Có cái gì dịu ngọt chăng tơ ở đâu đây, khiến chàng vương phải. Chàng đến trường kỉ ngồi ở bên đèn.

*

* *

Sáng hôm sau, Thanh đã phải lên tỉnh. Chiếc va-li chàng nặng những thức quà bà chàng đã ban cho. Thanh cầm mũ đứng nghe lời khuyên bảo ân cần của bà dưới giàn hoa lí. Chàng vẫn bé quá và lại đi xa.

Tới cổng, Thanh còn đứng lại nhìn cây hoàng lan và các cây khác trong vườn. Bác Nhân nhanh nhảu cầm đỡ va-li cho chàng, Thanh dặn khẽ:

– Bảo tôi có nhời[1] chào cô Nga nhé.

Rồi chàng bước ra đi nửa buồn mà lại nửa vui. Thanh nghĩ đến căn nhà như một nơi mát mẻ và sung sướng để chàng thường về nghỉ sau việc làm. Và Thanh biết rằng Nga sẽ vẫn đợi chàng, vẫn nhớ mong chàng như ngày trước. Mỗi mùa cô lại giắt hoàng lan trong mái tóc để tưởng nhớ mùi hương.

Chi tiết nào ở phần kết giúp bạn dự đoán sự tiến triển tình cảm giữa Thanh và Nga?

(*Tuyển tập Thạch Lam*, NXB Văn học, Hà Nội, 1988, tr. 123 – 128)

Thạch Lam (1910 – 1942) tên khai sinh là Nguyễn Tường Vinh (sau đổi thành Nguyễn Tường Lân), quê gốc ở tỉnh Quảng Nam (nay thuộc thành phố Đà Nẵng), nhưng sinh ra và lớn lên ở Hà Nội. Hồi nhỏ, ông từng sống tại huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương (nay thuộc thành phố Hải Phòng). Ông viết văn, làm báo và là một trong những cây bút chủ chốt của Tự lực văn đoàn – một tổ chức văn học đóng vai trò quan trọng trong quá trình hiện đại hoá văn học Việt Nam thập niên 30 – 40 của thế kỉ XX.

Tác phẩm của Thạch Lam thuộc nhiều thể loại, tiêu biểu có: *Gió đầu mùa* (tập truyện ngắn, 1937), *Nắng trong vườn* (tập truyện ngắn, 1938), *Ngày mới* (truyện dài, 1939), *Theo giòng* (bình luận văn học, 1941), *Sợi tóc* (tập truyện ngắn, 1942), *Hà Nội băm sáu phố phường* (tập tuỳ bút, 1943),... Ngòi bút của Thạch Lam thường hướng về cuộc sống của những người dân nghèo nơi phố huyện, ở ngoại ô Hà Nội hay của những trí thức bình dân; thể hiện niềm cảm thương kín đáo mà sâu sắc. Truyện của ông có cốt truyện đơn giản, lời văn trong sáng, giản dị, giàu chất thơ.

[1] *Nhời*: lời.

Trả lời câu hỏi

1. Câu chuyện được kể bằng lời của người kể chuyện ngôi thứ mấy? Ngôi kể ấy có nhất quán từ đầu đến cuối câu chuyện không?

2. Hình ảnh thiên nhiên, con người, cảnh sinh hoạt,... hiện ra qua đôi mắt của nhân vật nào? Việc chọn điểm nhìn như vậy có ý nghĩa gì?

3. Lời đối thoại giữa bà và Thanh trong phần đầu của tác phẩm chủ yếu xoay quanh những chuyện gì? Tình cảm của các nhân vật bộc lộ như thế nào qua những lời đối thoại đó?

4. Phân tích những biểu hiện tình cảm giữa Nga và Thanh được khắc hoạ trong tác phẩm.

5. Trong *Dưới bóng hoàng lan*, nghệ thuật viết truyện của Thạch Lam biểu hiện rõ nhất qua cốt truyện, nhân vật hay lời kể? Hãy phân tích một trong ba yếu tố đó.

6. Theo bạn, nhan đề *Dưới bóng hoàng lan* có ý nghĩa gì?

7. Cảnh nào được miêu tả trong truyện gợi cho bạn nghĩ đến một bức tranh đẹp? Nếu cần chọn một cảnh để vẽ minh hoạ, bạn sẽ chọn cảnh nào? Vì sao?

8. Nhà thơ Thế Lữ cảm nhận: *Dưới bóng hoàng lan* là tác phẩm "nhân từ như một lời yên ủi[1]" (*Thạch Lam – Về tác gia và tác phẩm*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2003, tr. 147). Từ gợi ý đó, bạn hãy phân tích tình cảm của tác giả đối với con người và cuộc sống được thể hiện qua tác phẩm.

Kết nối đọc – viết

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích tâm trạng nhân vật Thanh ở đoạn văn cuối của phần kết truyện.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

(1) *Yên ủi*: như *an ủi*.

VĂN BẢN 3

Một chuyện đùa nho nhỏ

An-tôn Sê-khốp (Anton Chekhov)

Đôi khi hồi ức về một kỉ niệm nhỏ bé trong quá khứ lại khiến ta phải suy ngẫm nhiều về cuộc sống của mình trong hiện tại và tương lai. Hãy kể lại kỉ niệm ấy với bạn bè.

Một buổi trưa mùa đông trong sáng... Trời giá lạnh, rét cóng. Na-đi-a (Nadia)[1] khoác tay tôi. Những hạt bụi tuyết nhỏ trắng xoá bám lên mấy món tóc xoắn vòng rủ hai bên thái dương nàng, lên hàng lông tơ mịn phía trên môi. Nàng và tôi đứng trên một ngọn đồi cao. Từ chỗ chúng tôi đứng, sườn đồi đổ dài thoai thoải xuống lấp loáng dưới ánh nắng, như một tấm gương. Bên cạnh chúng tôi là một chiếc xe trượt tuyết nhỏ bọc một lớp dạ màu đỏ tươi.

Lưu ý về ngôi kể. Lời kể xuất phát chủ yếu từ điểm nhìn "lúc đó" hay "bây giờ"?

– Chúng ta cùng trượt xuống dưới đi, Na-đe-giơ-đa Pê-tơ-rốp-na (Nadezhda Petrovna)[2]! – Tôi van nài nàng.

– Một lần thôi! Tôi cam đoan với cô là chúng ta sẽ chẳng hề gì đâu.

Lưu ý sự đồng cảm của người kể chuyện với Na-đi-a.

Nhưng Na-đi-a sợ. Cả khoảng không gian từ đôi giày cao su nhỏ nhắn của nàng đến chân quả đồi phủ băng này đối với nàng thật ghê sợ, tưởng như là một vực sâu vô tận. Đứng đây, nàng chỉ mới đưa mắt nhìn xuống dưới, hay tôi chỉ mới gợi ý bảo nàng ngồi vào xe trượt tuyết là nàng đã sợ hết hồn, không thở được nữa. Huống hồ nếu nàng liều mạng lao xuống cái vực sâu kia thì không biết rồi ra sao! Nàng sẽ chết mất, sẽ phát điên mất.

– Ta trượt đi cô! – Tôi cố nài. – Việc gì mà sợ! Cô phải biết sợ thế là nhát gan, xoàng lắm cô ạ!

(1), (2) *Na-đi-a, Na-đe-giơ-đa Pê-tơ-rốp-na*: hai cách gọi tên nhân vật nữ chính trong truyện, phân biệt với nhau về mức độ quan hệ và sắc thái cảm xúc. *Na-đe-giơ-đa Pê-tơ-rốp-na* là cách gọi tên đầy đủ, trang trọng; *Na-đi-a* là cách gọi tên thân mật, âu yếm. Trong tiếng Nga, từ *na-đe-giơ-đa* còn có nghĩa là niềm hi vọng.

Cuối cùng, Na-đi-a cũng ưng thuận, nhưng qua nét mặt nàng, tôi biết rằng nàng liều mạng mà nghe lời tôi. Tôi đỡ nàng ngồi vào xe trượt; nàng run rẩy, gương mặt nàng tái nhợt. Tôi vòng tay qua giữ lấy Na-đi-a và cùng nhau lao xuống.

Chiếc xe lao đi vun vút như một viên đạn. Làn không khí bị xé ra quật vào mặt, gào rít bên tai dữ tợn đâm vào da buốt nhói, gió như muốn giật phăng đầu ra khỏi vai. Gió ép mạnh, đến nghẹt thở. Tưởng chừng như có một con quỷ nào đang giơ tay nắm lấy chúng tôi và vừa rú lên vừa kéo xuống địa ngục. Mọi vật chung quanh nhập lại thành một vệt dài vun vút lao về phía sau... Chỉ một giây lát nữa thôi có lẽ chúng tôi sẽ chết!

– Na-đi-a, anh yêu em! – Tôi thì thào nói.

Chiếc xe trượt dần dần chạy chậm lại, tiếng gió gào và tiếng càng xe trượt lúc này đã không rít lên ghê sợ, ngực đã thấy dễ thở, và thế là chúng tôi đã xuống đến chân đồi. Na-đi-a sợ tưởng chết đi được, gương mặt tái nhợt, nàng thở không ra hơi... Tôi đỡ nàng đứng dậy.

– Các vàng tôi cũng không trượt lần nữa đâu! – Nàng nói và đưa cặp mắt mở to đầy sợ hãi, nhìn tôi. – Các vàng tôi cũng chịu! Chỉ thiếu chút nữa là tôi chết!

Một lát sau, nàng dần dần hết sợ và bắt đầu nhìn vào mắt tôi với vẻ dò xét: có phải tôi đã nói bốn tiếng ấy, hay chỉ là trong tiếng gió gào rít nàng nghe thấy như vậy? Còn tôi, tôi đứng bên cạnh nàng,[...] chăm chú nhìn chiếc găng tay của mình.

Nàng khoác tay tôi và chúng tôi cùng nhau dạo chơi hồi lâu bên đồi tuyết. Hình như điều bí ẩn làm nàng thấy trong lòng băn khoăn. Có phải anh nói ra những lời đó không? Có những lời đó hay không? Có hay không? Đó là một câu hỏi của lòng tự trọng, của danh dự, của cuộc đời và niềm hạnh phúc – một câu hỏi rất hệ trọng, hệ trọng nhất trên đời này. Na-đi-a chăm chăm nhìn tôi bằng cặp mắt buồn rầu nôn nóng bồn chồn. Nàng chậm rãi do dự trả lời những câu hỏi của tôi như chờ mong tôi sẽ tự nói ra cái điều bí ẩn ấy. "Ôi, gương mặt đáng yêu của nàng mới ngộ nghĩnh làm sao!". Tôi thấy rõ nàng đang tự day dứt với mình, nàng cần nói một điều gì, cần hỏi một điều gì, nhưng nàng không tìm được lời, nàng cảm thấy rụt rè kinh sợ, một niềm vui nào đang ngăn trở nàng nói...

Lưu ý câu văn hé lộ ý đùa cợt của nhân vật "tôi".

– Này anh... – Nàng nói, mắt không nhìn tôi.

– Cái gì vậy? – Tôi hỏi.

– Chúng ta cùng nhau... lao dốc lần nữa đi.

Chúng tôi lần theo những bậc thang trèo lên đồi. Tôi lại đỡ Na-đi-a lên xe, mặt nàng tái nhợt, và toàn thân run run. Chúng tôi lại lao xe về phía vực thẳm khủng khiếp và gió lại gào, tiếng xe lại rít lên. Và cũng đúng vào lúc chiếc xe lao nhanh nhất, tiếng gió gào rít ghê gớm nhất, tôi lại nói:

– Na-đi-a, anh yêu em!

Khi chiếc xe dừng lại, Na-đi-a vội đưa mắt nhìn quanh quả đồi mà chúng tôi vừa trượt xuống, rồi nhìn đăm đăm vào mặt tôi, lắng nghe giọng nói thờ ơ lãnh đạm của tôi và toàn thân nàng, cả từ cái mũ, cái bao tay và dáng người nàng nữa, đều toát lên một vẻ hồ nghi khó hiểu. Trên gương mặt nàng như hiện lên các câu hỏi:

"Điều gì đã xảy ra? Ai nói những lời ấy? Anh ấy hay là chỉ do ta nghe được?".

Điều bí ẩn ấy làm nàng không yên lòng chút nào, nàng không chịu được nữa. Cô bé đáng thương ấy không trả lời nổi những câu hỏi, nét mặt rầu rĩ như muốn khóc.

– Chúng ta về nhà thôi nhé? – Tôi hỏi.

– Không, không... tôi thích... trượt xe thế này, – nàng nói, mặt ửng đỏ lên. – Hay là chúng ta cùng nhau trượt lần nữa đi?

Na-đi-a nói rằng nàng "thích" cái trò trượt này, thế mà khi ngồi lên xe, nàng vẫn run, gương mặt nàng vẫn tái nhợt, hơi thở vẫn ngắt quãng vì sợ hãi như những lần trước.

Lần thứ ba chúng tôi trượt xuống. Tôi thấy nàng đăm đăm nhìn lên mặt tôi, theo dõi đôi môi tôi. Nhưng tôi lấy chiếc khăn tay che miệng đi rồi khẽ đằng hắng lên mấy tiếng, và khi xe lao xuống lưng chừng đồi, tôi còn kịp nói:

– Na-đi-a, anh yêu em!

Điều bí ẩn vẫn là điều bí ẩn! Na-đi-a im lặng, nàng đang nghĩ ngợi điều gì... Tôi tiễn nàng từ sân trượt về nhà. Nàng cố đi chậm lại, chờ xem tôi có nói với nàng những lời ấy không. Tôi cảm thấy tâm hồn nàng đang đau khổ, nàng đang cố dằn lòng để khỏi phải thốt lên:

– Không, gió không thể nói được những lời ấy! Mà mình cũng không muốn tin rằng gió đã nói những lời ấy!

Vì sao ***Na-đi-a "không muốn tin rằng gió đã nói những lời ấy"?***

Sáng hôm sau, tôi nhận được một mảnh giấy của nàng: "Nếu hôm nay anh có đi trượt tuyết, đến rủ tôi cùng đi nhé! N.".

Từ hôm đó, ngày nào tôi và Na-đi-a cũng lên đồi và mỗi lần lao xe từ trên đồi xuống, tôi lại thì thào nhắc lại những lời đó:

– Na-đi-a, anh yêu em!

Chẳng bao lâu sau, Na-đi-a quen nghe những lời ấy [...]. Nàng không thể sống thiếu những lời đó nữa. Thực ra, lao xe từ trên đồi xuống vẫn đáng sợ như xưa, nhưng giờ đây chính cái nguy hiểm, cái kinh sợ đó lại đem đến một cái gì đặc biệt đắm say cho những lời yêu đương ấy, những lời vẫn là điều bí ẩn và dằn vặt lòng người như trước... Kẻ bị nghi ngờ vẫn là gió và tôi... Ai, gió hay là tôi, đã thổ lộ với nàng những lời yêu đương ấy, nàng không biết được. Nhưng với nàng giờ đây, ai nói, có lẽ, cũng như nhau cả thôi: "Uống rượu từ bình nào chả thế, cốt sao say là được"[1].

---

[1] *Uống rượu từ bình nào chả thế, cốt sao say là được*: tục ngữ Nga.

Có lần vào một buổi trưa, tôi đến sân trượt một mình; đi lẫn trong đám đông. Tôi bỗng thấy Na-đi-a đang đi về phía đồi và đưa mắt tìm tôi... Rồi nàng chậm chạp bước theo bậc thang lên đỉnh đồi... Trượt xe một mình thật ghê sợ biết bao, ôi, thật đáng ghê sợ! Mặt nàng tái nhợt, trắng như tuyết, toàn thân run rẩy, nàng bước đi hệt như đến nơi chịu án tử hình, nhưng nàng vẫn xăm xăm đi, đầu không ngoái lại.

Lưu ý "độ vênh" giữa suy đoán của người kể chuyện với hành động tiếp theo của Na-đi-a.

Chắc là cuối cùng nàng quyết định thử xem có còn nghe thấy những lời ngọt ngào say đắm ấy nữa không, khi không có tôi bên cạnh? Tôi nhìn thấy nàng tái nhợt, miệng há ra vì sợ hãi; ngồi lên xe, nhắm mắt lại và, sau khi vĩnh biệt Trái Đất, bắt đầu lao xuống chân đồi... Tiếng càng trượt xe rít lên... Na-đi-a có nghe thấy những lời đó nữa không, tôi không biết... Tôi chỉ thấy nàng bước ra khỏi xe một cách mệt nhọc, gần như kiệt sức. Qua nét mặt nàng có thể thấy rằng chính nàng cũng không biết nàng có nghe được những lời đó hay không. Nỗi sợ hãi khi xe lao xuống đồi đã làm nàng không còn khả năng nghe được, phân biệt được các âm thanh, không còn khả năng hiểu nữa...

Thế rồi những ngày xuân tháng Ba đã tới... Mặt trời như trở nên dịu dàng hơn. Quả đồi tuyết của chúng tôi bắt đầu sẫm lại, dần dần mất đi cái vẻ óng ánh của nó, và cuối cùng thì tan đi. Chúng tôi thôi không trượt xe nữa. Na-đi-a đáng thương cũng không còn nơi nào để nghe những lời đó nữa, và cũng không có ai nói những lời đó nữa, bởi vì gió thì không còn thổi nữa, mà tôi thì sửa soạn đi Pê-téc-bua (Petersburg) – đi rất lâu, có lẽ là suốt đời.

Thế nào đó, khoảng hai ngày trước khi đi, vào một buổi chiều tà, tôi ngồi trong khu vườn nhỏ ngăn cách với sân nhà Na-đi-a bởi một hàng rào cao có đinh nhọn... Trời hãy còn lạnh. Tuyết hãy còn đọng lại dưới đống phân ủ hoai mục[1], cây cối hãy còn trơ trụi, nhưng hương vị mùa xuân đã đến, từng đàn quạ bay về tổ trú đêm, rộn lên quàng quạc. Tôi đến bên hàng rào và ghé nhìn qua khe hở. Tôi thấy Na-đi-a bước ra thềm và đưa mắt nhìn lên trời buồn bã... Làn gió xuân nhẹ thổi qua khuôn mặt nhợt nhạt rầu rĩ của nàng... Làn gió xuân gợi lại cho nàng cái tiếng gió rít trên đồi tuyết, khi nàng nghe thấy bốn tiếng ấy, và gương mặt nàng trở nên buồn bã lạ thường, nước mắt lặng lẽ chảy trên má... Nàng đáng thương đưa hai tay mình về phía trước như muốn cầu xin làn gió đem

Lưu ý hình ảnh "hàng rào cao có đinh nhọn" ngăn cách hai nhân vật và hành động "ghé nhìn qua khe hở" của nhân vật "tôi".

(1) Tháng Ba ở nước Nga, người ta đánh đống phân ủ đã hoai mục qua đông để chuẩn bị bón cho cây trồng lúc sang xuân.

đến cho nàng những lời yêu đương đó một lần nữa. Và tôi, chờ khi có làn gió đến, thì thào nói:

– Na-đi-a, anh yêu em!

Trời, điều gì đã xảy ra với nàng lúc ấy! Na-đi-a khẽ kêu lên và khuôn mặt nàng bỗng chan hoà một nụ cười rạng rỡ. Na-đi-a đưa hai tay lên đón lấy gió, trông nàng lúc ấy thật là mừng rỡ, đẹp xinh và hạnh phúc.

Còn tôi trở vào nhà thu xếp đồ đạc...

Chuyện ấy đã qua lâu rồi. Bây giờ Na-đi-a đã có chồng, gia đình gả nàng cho một viên thư kí hội đồng giám hộ quý tộc hay nàng tự nguyện lấy – cũng thế cả thôi. Nàng đã có ba con. Chút kỉ niệm cùng nhau trượt tuyết khi gió đem tới cho nàng bốn tiếng "Na-đi-a, anh yêu em!" không sao quên được. Đối với nàng, điều ấy đã trở thành kỉ niệm hạnh phúc nhất, xúc động nhất, đẹp đẽ nhất trong đời...

Xác định tâm trạng của nhân vật "tôi" khi chuyển về thời điểm kể "bây giờ".

Còn tôi, bây giờ đã đứng tuổi, tôi không hiểu nổi vì lẽ gì đã nói những lời đó, sao tôi lại đùa như thế...

1899

(An-tôn Sê-khốp, *Truyện ngắn Sê-khốp*, Phan Hồng Giang dịch[1], NXB Cầu Vồng, Mát-xcơ-va (Moskva), 1988, tr. 29 – 34)



An-tôn Sê-khốp

An-tôn Sê-khốp (1860 – 1904) sinh ra và lớn lên trong một gia đình buôn bán nhỏ tại thị trấn Ta-gan-rốc (Taganrog), miền nam nước Nga. Ông bắt đầu sáng tác truyện ngắn và kịch ngay khi theo học ngành Y tại Trường Đại học Tổng hợp Mát-xcơ-va từ năm 1879. Đến khoảng những năm 1890, Sê-khốp đã được thừa nhận là một trong những nhà văn lớn nhất của văn học Nga. Năm 1904, nhà văn qua đời vì bệnh lao phổi tại một khu điều dưỡng ở nước Đức.

[1] Về văn bản dịch này, người biên soạn sách giáo khoa cùng dịch giả Phan Hồng Giang có tinh chỉnh lại nhan đề và một số câu chữ cho sát hơn với nguyên tác.

Văn phong Sê-khốp hàm súc, cô đọng. Phần lớn truyện ngắn của ông là những "truyện không có chuyện", mở đầu thường dẫn người đọc nhập thẳng vào khung cảnh câu chuyện, tâm trạng nhân vật, kết thúc thường gây cảm giác "chưa có chuyện gì xảy ra cả" như trong một sự đợi chờ khắc khoải. Nhà văn Lép Tôn-xtôi (Lev Tolstoy) khẳng định Sê-khốp đã "sáng tạo nên cách viết mới cho toàn thế giới". Tầm ảnh hưởng và sức lan toả từ sáng tác của Sê-khốp cho đến ngày nay vẫn hết sức lớn lao.

Truyện ngắn ***Một chuyện đùa nho nhỏ*** của Sê-khốp in lần đầu tiên trên tạp chí *Dế mèn* của Nga, số 10, ra ngày 12/3/1886. Năm 1899, Sê-khốp chỉnh lí, bổ sung một số câu chữ, thay đổi phần kết truyện để đưa vào tuyển tập *Truyện ngắn Sê-khốp*. Dịch giả Phan Hồng Giang chuyển ngữ *Một chuyện đùa nho nhỏ* từ bản tiếng Nga thuộc tuyển tập này.

Trả lời câu hỏi

1. Câu chuyện trong *Một chuyện đùa nho nhỏ* được kể bằng lời người kể chuyện ngôi thứ mấy? Người kể chuyện là nhân vật phụ chứng kiến, người được nghe kể lại hay nhân vật tham gia hành động chính?
2. Dựa vào sự thay đổi thời gian, địa điểm, thành phần nhân vật trong mạch truyện kể, có thể xác định truyện ngắn gồm mấy phần? Tóm lược nội dung từng phần.
3. Căn cứ vào những gì được biểu hiện trong lời tả và kể của nhân vật "tôi" về lần trượt tuyết đầu tiên, hãy đoán định tình cảm thực sự của nhân vật với Na-đi-a.
4. Sau lần trượt tuyết đầu tiên, từ khi nảy sinh ý đùa với Na-đi-a, những hành động, cử chỉ, lời nói nào của nhân vật "tôi" cho thấy anh không còn khả năng đồng cảm với Na-đi-a nữa? Vì sao có thể nói nhân vật "tôi" cũng chính là người mất mát sau "một chuyện đùa nho nhỏ" của mình?
5. Câu nói "Na-đi-a, anh yêu em!" có ý nghĩa thế nào đối với Na-đi-a? Vì sao bất chấp nỗi sợ, cô quyết định ngồi vào xe trượt xuống "một mình" để "thử xem có còn nghe thấy những lời ngọt ngào say đắm ấy nữa không"?
6. Cảnh chia tay của hai nhân vật lúc xuân sang gợi lên cho bạn những cảm nghĩ gì về các nhân vật và cuộc đời? Nếu rơi vào hoàn cảnh tương tự, bạn ứng xử ra sao?
7. Trong phần kết, khi kể về tình trạng cuộc sống của Na-đi-a và của mình nhiều năm sau, người kể chuyện có tâm trạng thế nào? Hãy nêu nhận xét về cảm hứng chủ đạo của truyện ngắn.

Kết nối đọc – viết

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích hình ảnh "hàng rào" trong truyện ngắn *Một chuyện đùa nho nhỏ*.

Biện pháp chêm xen, biện pháp liệt kê

I. Biện pháp chêm xen

1. Phân tích tác dụng của biện pháp chêm xen được sử dụng trong các câu sau:

a. *Thanh rút khăn lau mồ hôi trên trán – bên ngoài trời nắng gắt – rồi thong thả đi bên bức tường hoa thấp chạy thẳng đến đầu nhà.*

(Thạch Lam, *Dưới bóng hoàng lan*)

b. *Gạch mát và phủ rêu khiến Thanh nhớ lại hai bàn chân xinh xắn của Nga, ngày nào, đi trên đó.*

(Thạch Lam, *Dưới bóng hoàng lan*)

c. *Tuy nhiên, ông thường xuyên bị thanh tra Gia-ve (người luôn ngờ vực về nhân thân của ông) rình mò, theo dõi.*

(Phần tóm tắt tác phẩm *Những người khốn khổ*)

2. Viết ba câu có sử dụng biện pháp chêm xen, nội dung có liên quan đến các truyện đã đọc trong bài.

Nhận biết biện pháp chêm xen

- Biện pháp chêm xen thể hiện bằng một thành phần câu gọi là thành phần chêm xen, nhằm giải thích cho một đối tượng nào đó được nói đến trong câu hoặc bổ sung thông tin cho câu. Thành phần chêm xen có khi được đặt giữa câu, có khi được đặt cuối câu, được đánh dấu bằng dấu gạch ngang, dấu ngoặc đơn hoặc dấu phẩy. Ví dụ:

– *Sáng nay, thằng lớn của tôi – mười lăm tuổi, lúc cho nó ăn đã sơ ý mở hết cửa, thế là nó vù đi.*

(Nguyễn Quang Sáng, *Con khướu sổ lồng*)

– *Bởi vì… bởi vì… (San cúi mặt và bỏ tiếng Nam dùng tiếng Pháp), người ta lừa dối anh.*

(Nam Cao, *Sống mòn*)

– *Thanh định rõ nhìn: con mèo của bà chàng, con mèo già vẫn chơi đùa với chàng ngày trước.*

(Thạch Lam, *Dưới bóng hoàng lan*)

- Có nhiều trường hợp, nhờ thành phần chêm xen, lời thơ, lời văn trở nên giàu ý nghĩa và có tính thẩm mĩ. Ví dụ:

– *Cô bé nhà bên (có ai ngờ)*
Cũng vào du kích
Hôm gặp tôi vẫn cười khúc khích
Mắt đen tròn (thương thương quá đi thôi)

(Giang Nam, *Quê hương*)

– *Đã nhìn thấy cây đàn ấy thì phải đánh – đánh cái cuộc đời mình vào đấy – để rồi xem nó ra được thành tiếng gì.*

(Nguyễn Tuân, *Chùa Đàn*)

II. Biện pháp liệt kê

1. Phân tích tác dụng của việc dùng biện pháp liệt kê ở các câu sau:

a. *– Ô, đấy là viên tướng bại trận của Bắc triều, cái hồn bơ vơ ở Nam quốc, tranh chiếm miếu đền của tôi, giả mạo họ tên của tôi, quen dùng chước dối lừa, thích làm trò thảm ngược, Thượng đế bị nó bưng bít, hạ dân bị nó quấy rầy, phàm những việc hưng yêu tác quái đều tự nó cả, chứ có phải tôi đâu.*

(Nguyễn Dữ, *Chuyện chức Phán sự đền Tản Viên*)

b. *Ngoài các món thường thấy ở cỗ Tết như gà luộc, giò, chả, nem, măng hầm chân giò, miến nấu lòng gà, xúp lơ xào thịt bò,... – món nào cũng mang dấu ấn tài hoa của người chế biến – là các món khác thường như gà quay ướp húng lìu, vịt tần hạt sen, chả chìa, mọc, vây,...*

(Ma Văn Kháng, *Mùa lá rụng trong vườn*)

c. *Ngày mười tám, trận*
Chi Lăng, Liễu Thăng thất thế,

Ngày hai mươi, trận Mã An,
Liễu Thăng cụt đầu,

Ngày hăm lăm, Bá tước
Lương Minh bại trận tử vong,

Ngày hăm tám, Thượng thư
Lý Khánh cùng kế tự vẫn.

(Nguyễn Trãi, *Bình Ngô đại cáo*)

Nhận biết biện pháp liệt kê

- Biện pháp liệt kê thể hiện bằng cách kể ra một chuỗi các đối tượng nhằm cung cấp thông tin cụ thể hơn cho câu. Những từ ngữ chỉ chuỗi đối tượng được liệt kê có thể đặt ở giữa hoặc cuối câu. Ví dụ:

– *Con vẫn đinh ninh ghi khắc công ơn sinh thành dưỡng dục của gia tộc, ông bà, cha mẹ, tổ tiên, con như thấy từ trong tâm linh, huyết mạch sự sinh sôi nảy nở, phúc thọ an khang của cháu con đời đời nối tiếp trong cộng đồng dân tộc yêu thương.*

(Ma Văn Kháng, *Mùa lá rụng trong vườn*)

– *Mùa xuân của tôi – mùa xuân Bắc Việt, mùa xuân của Hà Nội – là mùa xuân có mưa riêu riêu, gió lành lạnh, có tiếng nhạn kêu trong đêm xanh, có tiếng trống chèo vọng lại từ những thôn xóm xa xa, có câu hát huê tình của cô gái đẹp như thơ mộng,...*

(Vũ Bằng, *Tháng Giêng, mơ về trăng non rét ngọt*)

- Thành phần liệt kê ở cuối câu thường được đặt sau dấu hai chấm. Trường hợp liệt kê chưa hết các đối tượng, người ta dùng dấu ba chấm hoặc kí hiệu v.v. Ví dụ:

– *Người Huế có đủ cung bậc ngôn ngữ để diễn tả vị cay, bao gồm hết mọi giác quan, càng nói càng "sướng miệng": cay phỏng miệng, cay xé lưỡi, cay điếc mũi, cay chảy nước mắt, cay toát mồ hôi, cay điếc tai, cay điếc óc,...*

(Hoàng Phủ Ngọc Tường, *Chuyện cơm hến*)

– *Một số cây cối và động vật có tính cách tượng trưng: con hạc và con nai thể hiện tuổi thọ, cây tre là đạo đức, cây mận là sức mạnh tinh thần và thể chất, cây cúc thể hiện hạnh phúc, v.v.*

(Nguyễn Văn Huyên, *Văn minh Việt Nam*)

- Bên cạnh việc cung cấp thông tin, biện pháp liệt kê còn có tác dụng thể hiện cảm xúc, thái độ, cái nhìn của người viết. Trong những trường hợp như thế, liệt kê có đầy đủ tính chất của một biện pháp tu từ.

Ví dụ:

Nhưng một điều bố thấy: khi nghe đến chuyện tuổi thơ của bố thì Khánh chớp chớp mắt, rồi mắt đỏ lên; đang nói nhiều, trở thành im lặng; đang nghịch ngợm rong chơi trở nên hiền hậu chuyên cần; bài tập nhàm nhở trở thành chỉn chu; đang ăn mặc lôi thôi, diêm dúa trở thành gọn gàng, giản dị...

(Duy Khán, *Tuổi thơ im lặng*)

2. Viết ba câu có sử dụng biện pháp liệt kê, nội dung liên quan đến các văn bản trong bài học.

- Việc liệt kê nhiều khi không chỉ gói gọn trong một câu mà được triển khai trong nhiều câu của đoạn thơ hoặc đoạn văn. Ví dụ:

Gậy tre, chông tre chống lại sắt thép của quân thù. Tre xung phong vào xe tăng, đại bác. Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín. Tre hi sinh để bảo vệ con người. Tre, anh hùng lao động! Tre, anh hùng chiến đấu!

(Thép Mới, *Cây tre Việt Nam*)

VIẾT

Viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học

(Chủ đề và nhân vật trong tác phẩm truyện)

Bạn đã từng viết bài nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học, trong đó có tác phẩm truyện. Yêu cầu viết được đặt ra thật đa dạng, cho phép bạn phát biểu cảm nhận chung về tác phẩm hay đi vào phân tích một số yếu tố nổi bật nào đó của nó. Bạn cũng có thể trình bày nhận xét, đánh giá về giá trị của tác phẩm khi xem xét nó trong những tương quan khác nhau. Với bài học này, bạn sẽ tập trung tìm hiểu chủ đề của một tác phẩm truyện và mối quan hệ giữa chủ đề đó với các nhân vật được xây dựng trong tác phẩm.

Yêu cầu

- Giới thiệu được những thông tin khái quát về tác giả, tác phẩm.
- Nêu được nhận xét khái quát về giá trị của tác phẩm.
- Nêu được nét riêng về chủ đề của tác phẩm.
- Phân tích được mối quan hệ gắn kết giữa chủ đề và các nhân vật trong tác phẩm (chủ đề đã chi phối sự lựa chọn, miêu tả nhân vật như thế nào; nhân vật đã phát triển và khơi sâu chủ đề ra sao;...).
- Đánh giá khái quát về thành công hay hạn chế của tác phẩm nhìn từ mối quan hệ giữa chủ đề và nhân vật.
- Phát biểu được tác động của chủ đề tác phẩm, nhân vật trong tác phẩm đối với bản thân.

Lại đọc *Chữ người tử tù* của Nguyễn Tuân

Nguyễn Đăng Mạnh

Những nhà văn có phong cách đều tạo ra cho mình một thế giới nhân vật riêng. Thế giới nhân vật của Nguyễn Tuân, nói chung, gồm hai loại người đối lập với nhau: loại người tài hoa nghệ sĩ, có nhân cách, có "thiên lương", tự đặt mình lên trên; hạng người thứ hai gồm những kẻ tiểu nhân phàm tục bằng thái độ ngạo đời, khinh bạc. Loại người thứ nhất, theo Nguyễn Tuân, thường là những linh hồn đẹp còn sót lại của một thời đã qua, nay chỉ còn "vang bóng". Loại người ấy cố nhiên là hiếm hoi. Còn kẻ tiểu nhân phàm tục thì đầy rẫy trong thiên hạ.

Giới thiệu khái quát về thế giới nhân vật của Nguyễn Tuân.

Định hướng nhìn nhận vai trò của nhân vật trong việc thể hiện chủ đề.

Chữ người tử tù dựng lên một thế giới tăm tối, tù ngục, trong đó, kẻ tiểu nhân, bọn độc ác, bất lương làm chủ. Trên cái tăm tối ấy, hiện lên ba đốm sáng lẻ loi, cô đơn: Huấn Cao, người quản ngục và viên thơ lại – những con người có tài và biết trọng tài, có nghĩa khí và biết trọng nghĩa khí. Họ tình cờ gặp nhau trong một tình thế oái oăm, từ chỗ ngờ vực nhau, đối địch nhau, dần dần đi đến hiểu nhau và trở thành tri kỉ.

Ba đốm sáng cô đơn ấy cuối cùng tụ lại, tạo thành ngọn lửa ngùn ngụt rực sáng giữa chốn ngục tù – "một cảnh tượng xưa nay chưa từng có". Cái đẹp, cái tài, sự trong sạch của tâm hồn đã tập hợp họ lại giữa cái nơi xưa nay chỉ có gian ác, thô bỉ và hôi hám: "ánh sáng đỏ rực của một bó đuốc tẩm dầu rọi trên ba cái đầu người đang chăm chú trên một tấm lụa bạch còn nguyên vẹn lần hồ".

Khái quát chủ đề của truyện.

Đấy là sự chiến thắng của ánh sáng đối với bóng tối, của cái tài, cái đẹp đối với cái nhem nhuốc, tục tằn, của thiên lương đối với tội ác.

Lâu nay, nói về những nhân cách cao thượng, người ta thường nhấn mạnh đến tinh thần gang thép, đến cái "vô uý", cái không biết sợ trước những lực lượng thù địch. Thiên hướng ấy thực ra cũng dễ hiểu đối với một dân tộc luôn luôn phải đương đầu với bọn xâm lược, với bạo lực hung hãn nhất.

Nhân vật Huấn Cao, quản ngục và viên thơ lại đều có cái "vô uý" ấy. Ở Huấn Cao, con người "chọc trời khuấy nước" đến "chết chém ông còn chẳng sợ", ta không cần nói cũng rõ. Nhưng người quản ngục và viên thơ lại cũng gan góc, ngang tàng lắm chứ! Đó là những con người dám thách thức với những đòn trừng phạt ghê gớm có thể giáng xuống đầu, nếu "âm mưu" của họ – bí mật biệt đãi "tên phiến loạn nguy hiểm" – bị cáo giác.

Nhưng thử nghĩ mà xem, con người không biết sợ cái gì trên đời này cả, liệu có phải là con người không? Cái gì cũng "vô uý", cũng tỏ thái độ sắt thép, nghĩa là không biết mềm lòng trước bất cứ một cái gì, đấy là loài quỷ sứ chứ đâu phải là người! *Chữ người tử tù* của Nguyễn Tuân dạy cho người ta hiểu rằng: muốn nên người, phải biết kính sợ ba điều này: cái tài, cái đẹp, cái thiên tính tốt đẹp của con người (thiên lương). Vậy kẻ nào không biết sợ cái gì hết, đó là loài quỷ sứ. Loại người này, thực ra, rất hiếm hoi, hay nói đúng hơn, không thể có được. Nhưng loại người sau đây thì chắc không ít: sợ rất nhiều thứ, nhất là quyền thế và đồng tiền, nhưng đối với cái tài, cái đẹp, cái thiên lương thì không biết sợ, thậm chí sẵn sàng lăng mạ, giày xéo. Đấy là hạng người hèn hạ nhất, thô bỉ nhất, đồi bại nhất.

Phân tích *Chữ người tử tù*, không những cần đề cao thái độ không biết sợ của Huấn Cao, người quản ngục và viên thơ lại, mà còn phải ca ngợi cái "biết sợ" của những nhân vật này nữa.

Khi ông Huấn còn coi viên quản ngục chỉ là viên quản ngục, ông đã có thái độ cố tình khinh bạc đến mức tàn nhẫn: "Ngươi hỏi ta muốn gì? Ta chỉ muốn có một điều. Là nhà ngươi đừng đặt chân vào đây". Nhưng khi hiểu rằng, quản ngục chỉ là cái áo khoác, đấy thực chất là một tấm lòng biết quý cái tài, cái đẹp, biết trọng cái tốt lành, trong sạch, thì ông Huấn đâu có cứng rắn, lạnh lùng nữa: "Ta cảm cái tấm lòng biệt nhỡn liên tài của các người. Nào ta có biết đâu một người như thầy quản đây mà lại có những sở thích cao quý như vậy. Thiếu chút nữa, ta đã phụ mất một tấm lòng trong thiên hạ".

Còn viên quản ngục? Cái cử chỉ đẹp nhất, cảm động nhất của nhân vật này lại chính là cái cử chỉ khúm núm trước người tử tù ở cái đêm Huấn Cao cho chữ trong nhà ngục. Sau khi cúi đầu nghe mấy lời khuyên răn của người tù: "Ngục quan cảm động, vái người tù một vái, chắp tay nói một câu mà dòng nước mắt rỉ vào kẽ miệng làm cho nghẹn ngào: "Kẻ mê muội này xin bái lĩnh".

Nhìn nhận sự chi phối mạnh mẽ của chủ đề đối với đặc điểm nhân vật.

Có những cái cúi đầu làm cho con người trở nên hèn hạ, có những cái vái lạy làm cho con người đê tiện. Nhưng cũng có những cái cúi đầu làm cho con người bỗng trở nên cao cả hơn, lớn lao hơn, lẫm liệt hơn, sang trọng hơn. Đấy là cái cúi đầu trước cái tài, cái đẹp, cái thiên lương.

Khẳng định ý nghĩa của chủ đề.

(Theo Nguyễn Đăng Mạnh, *Tuyển tập phê bình văn học*, NXB Đà Nẵng, 2008, tr. 240 – 242)

1. Chủ đề của *Chữ người tử tù* đã được tác giả bài viết khái quát qua những câu nào?
2. Để tô đậm ý tưởng của bài viết, tác giả đã chọn cách dẫn dắt như thế nào?
3. Ý nghĩa của chủ đề và nhân vật được khẳng định như thế nào qua bài viết?

Thực hành viết

Chuẩn bị viết

Để thực hiện bài viết, cần soát lại trong trí nhớ, lựa chọn truyện có chủ đề nổi bật và các nhân vật gây được ấn tượng mạnh, để lại những bài học sâu sắc về thái độ sống.

Gợi ý: Bạn có thể viết về truyện *Con khướu sổ lồng* của Nguyễn Quang Sáng hoặc về một truyện trong các tập truyện ngắn sau:

– *Vang bóng một thời*, Nguyễn Tuân, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2014.

– *Gió đầu mùa*, Thạch Lam, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2014.

– *Ngọn đèn không tắt*, Nguyễn Ngọc Tư, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2000.

Tìm ý, lập dàn ý

Tìm ý

Tìm hiểu bài viết tham khảo để học hỏi kinh nghiệm lập ý và triển khai ý. Dựa vào định hướng viết của bài học, đọc kĩ truyện đã chọn, nêu một số câu hỏi sau để tìm ý:

– Chủ đề của truyện là gì? Chủ đề đó có điểm đặc biệt nào không?

Bài viết cần khái quát được chủ đề của truyện. Có thể nêu chủ đề trước hoặc sau khi phân tích nhân vật. Ví dụ, ở bài viết tham khảo, sau khi giới thiệu chung về các nhân vật, người viết đã khái quát chủ đề: *Chữ người tử tù* là "sự chiến thắng của ánh sáng đối với bóng tối, của cái tài, cái đẹp đối với cái nhem nhuốc, tục tằn, của thiên lương đối với tội ác". Qua chủ đề, bài viết cho thấy Nguyễn Tuân đã biểu dương sức mạnh của cái đẹp, cái tài ở những con người đầy khí phách và thiên lương.

– Các nhân vật trong truyện có đặc điểm gì nổi bật? Ngoại hình, lời nói, hành động, nội tâm của nhân vật hướng tới việc thể hiện chủ đề như thế nào?

Bài viết cần tập trung phân tích nét độc đáo của các nhân vật trong truyện cũng như mối quan hệ giữa các nhân vật, qua đó làm nổi bật chủ đề. Ví dụ, bài viết tham khảo có nêu một ý: Uy lực của cái đẹp, cái tài thể hiện rõ qua thái độ "vô uý" (không biết sợ) của những người gan góc, cứng cỏi. Ý này được làm sáng tỏ qua việc phân tích cái "không biết sợ" của Huấn Cao, quản ngục, viên thơ lại.

– Nhìn từ chủ đề và nhân vật, tác phẩm có gì đặc sắc?

Bài viết cần tập trung phân tích những nét đặc sắc của chủ đề, cách thể hiện chủ đề qua các nhân vật, vì những điều đó tạo nên giá trị của truyện. Chẳng hạn, bài viết tham khảo đã nêu một ý có tính chất phát hiện: "Phân tích *Chữ người tử tù*, không những cần đề cao

thái độ không biết sợ của Huấn Cao, người quản ngục và viên thơ lại, mà còn phải ca ngợi cái "biết sợ" của những nhân vật này nữa". Để làm rõ ý này, bài viết đã phân tích thái độ nể trọng của Huấn Cao trước thiên lương của quản ngục, đặc biệt chi tiết quản ngục cảm động vái người tử tù một vái để nhận lời khuyên.

Lập dàn ý

Sắp xếp lại các ý theo trật tự hợp lí. Dàn ý cần phản ánh bố cục và nội dung chính của bài viết.

Mở bài: Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm.

Thân bài:

– Khái quát chủ đề của truyện.

– Phân tích từng nhân vật tiêu biểu và mối quan hệ giữa các nhân vật.

– Phân tích vai trò của nhân vật trong việc thể hiện chủ đề của truyện.

– Đánh giá chủ đề và ý nghĩa của nhân vật trong việc thể hiện chủ đề, rút ra ý nghĩa đối với cuộc sống.

Lưu ý: Việc khái quát chủ đề và phân tích nhân vật có thể thay đổi trật tự, tuy nhiên cần đảm bảo tính chặt chẽ, hợp lí trong lập luận và bố cục bài viết.

Kết bài: Khẳng định ý nghĩa của vấn đề nghị luận.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Viết

Bám sát dàn ý đã lập để viết bài. Khi viết từng phần, cần chú ý:

– Lựa chọn những thông tin cơ bản để giới thiệu ngắn gọn về tác giả, tác phẩm, nhân vật bằng việc trả lời các câu hỏi: Tác giả là ai? Có những tác phẩm nào tiêu biểu? Tác phẩm được chọn phân tích ở đây có gì đặc sắc? Nhân vật nào đáng chú ý?

– Lựa chọn các khía cạnh nổi bật của nhân vật trong truyện để phân tích. Mỗi ý phải được trình bày sáng rõ trong một đoạn văn, các đoạn phải liên kết chặt chẽ với nhau. Qua phân tích nhân vật, phải nêu bật được chủ đề của tác phẩm.

– Khái quát được ý nghĩa của nhân vật, giá trị của tác phẩm và bài học về thái độ sống mà bản thân rút ra được.

Chỉnh sửa, hoàn thiện

Đọc lại bài viết, đối chiếu với yêu cầu của kiểu bài và dàn ý để thực hiện việc chỉnh sửa, hoàn thiện.

Lưu ý:

– Bổ sung những phân tích cụ thể đối với các chi tiết, hình ảnh, sự việc trong truyện, tránh tình trạng nêu những nhận định chung chung, thiếu chứng cứ về nhân vật.

– Kiểm tra những ý phân tích về mối quan hệ giữa chủ đề truyện với hệ thống nhân vật, lược bớt những câu, đoạn phân tích không dẫn tới việc hiểu thấu đáo về chủ đề.

– Kiểm tra tính logic giữa các câu, đoạn; bổ sung bằng các phương tiện liên kết phù hợp hay đảo trật tự của các câu, đoạn ấy nếu thấy chưa đảm bảo.

– Rà soát, phát hiện các lỗi chính tả, lỗi về từ ngữ, ngữ pháp để chỉnh sửa.

NÓI VÀ NGHE

Thảo luận về một vấn đề văn học có ý kiến khác nhau

Yêu cầu

- Nêu được vấn đề văn học có những ý kiến khác nhau.
- Phân tích được ưu điểm và nhược điểm của những ý kiến khác nhau về vấn đề.
- Trình bày được quan điểm của bản thân về vấn đề, làm rõ sự tương đồng và khác biệt giữa ý kiến của bản thân với các ý kiến đã có.
- Tạo được sự đồng thuận tích cực giữa bản thân với những người tham gia thảo luận.

Chuẩn bị thảo luận

Chuẩn bị nói

Lựa chọn đề tài

Trước một tác phẩm truyện, sự đánh giá của người đọc về các khía cạnh nội dung hoặc hình thức nghệ thuật thường khác nhau. Vì thế, có thể nêu vấn đề từ các văn bản đọc trong bài học này, hoặc đọc lại truyện ngắn *Chữ người tử tù* của Nguyễn Tuân (Bài 1: *Sức hấp dẫn của truyện kể*) và bài phân tích của Nguyễn Đăng Mạnh ở phần Viết để chọn đề tài thảo luận. Có thể tham khảo một số vấn đề có những ý kiến khác nhau sau:

– Truyện ngắn không có cốt truyện li kì, hấp dẫn có thể là một truyện hay được không?

– Để hiểu đúng nhân vật Huấn Cao, có nhất thiết phải biết tường tận về Cao Bá Quát – một nhân vật lịch sử được Nguyễn Tuân chọn làm nguyên mẫu?

– Quản ngục trong *Chữ người tử tù* của Nguyễn Tuân có thực sự là một người quyền uy, tự do?

Tìm ý và sắp xếp ý

Trước một vấn đề văn học có những ý kiến khác nhau, phải tự xác định cho mình một cách hiểu, cách lí giải. Muốn tạo ra tiếng nói chung qua cuộc thảo luận, mỗi người nói cần nêu được các ý xác đáng, thuyết phục, có lí lẽ sắc bén và bằng chứng tiêu biểu. Để tìm ý, nên tự đặt ra các câu hỏi, chẳng hạn: Bản chất vấn đề là gì? Đâu là chỗ gây ra những cách hiểu khác nhau? Có những cách lí giải khác nhau như thế nào về vấn đề này? Cách hiểu nào là có cơ sở? Những lí lẽ và bằng chứng nào củng cố cho cách hiểu ấy? Khi đã có các ý, sắp xếp chúng lại thành hệ thống chặt chẽ.

Xác định từ ngữ then chốt

Để thảo luận về vấn đề văn học có những ý kiến khác nhau, có thể sử dụng một số từ ngữ sau: mặc dù… nhưng…; về vấn đề này, theo ý tôi; từ góc nhìn khác, ta có thể thấy; có thể khẳng định;…

Chuẩn bị nghe

– Tìm hiểu các thông tin cần thiết xung quanh vấn đề nêu ra để thảo luận.

– Ghi vắn tắt ý kiến của bản thân về vấn đề thảo luận.

– Sẵn sàng tham gia thảo luận để cùng đi đến cách hiểu thoả đáng về vấn đề.

Thảo luận

Người nói	Người nghe
– Nêu sự hưởng ứng đối với đề tài của cuộc thảo luận. – Tóm tắt và đánh giá các ý kiến đã có về vấn đề; nêu cách nhìn nhận riêng của mình và làm rõ căn cứ của cách nhìn nhận đó. – Tóm tắt lại ý kiến của bản thân, nêu những điểm cần được đồng thuận, nhấn mạnh sự bổ ích của cuộc thảo luận,…	– Nghe trên tinh thần sẵn sàng đưa ra ý kiến hồi đáp của mình để thúc đẩy cuộc thảo luận đạt kết quả tích cực. – Ghi vắn tắt những điểm cần tranh luận với người nói.

– Với tư cách người nói, bạn hãy tự đánh giá về ý kiến tham gia thảo luận của mình và chia sẻ với người nghe về những thuận lợi, khó khăn khi nêu ý kiến đó.

– Với tư cách người nghe, bạn phải nêu và phân tích được ưu, nhược điểm của các ý kiến tham gia thảo luận.

– Để có thể tự đánh giá và đánh giá một cách chính xác về ý kiến thảo luận, cần chú ý các nội dung được nêu trong bảng sau:

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Nêu được vấn đề văn học có các ý kiến đánh giá khác nhau để thảo luận.		
2	Thể hiện được quan điểm nhìn nhận về vấn đề văn học một cách rõ ràng.		
3	Nắm bắt được chính xác những ý kiến đánh giá khác về vấn đề văn học.		
4	Xác định được những điểm có sự đồng thuận giữa các ý kiến.		
5	Gợi mở được những vấn đề mới cần tìm hiểu tiếp.		
6	Tạo được không khí đối thoại thoải mái, bình đẳng.		

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG

1. Căn cứ vào ba văn bản đã đọc, lập bảng tổng hợp hoặc vẽ sơ đồ theo gợi ý sau:

Nội dung	Văn bản		
	Người cầm quyền khôi phục uy quyền	*Dưới bóng hoàng lan*	*Một chuyện đùa nho nhỏ*
Ngôi của người kể chuyện			
Nhân vật chính			
Điểm nhìn			
Chủ đề			

2. Từ các văn bản đã học trong bài, lập bảng tổng hợp về đặc điểm của các ngôi kể theo gợi ý sau:

Nội dung	Người kể chuyện ngôi thứ nhất	Người kể chuyện ngôi thứ ba
Dấu hiệu để nhận biết		
Chức năng của lời kể		
Khả năng bao quát của điểm nhìn		
Quan hệ với các nhân vật trong truyện		
Khả năng tác động đến người đọc		

3. Nêu những dấu hiệu có thể giúp ta nhận biết lời nhân vật trong tác phẩm truyện. Lời nhân vật trong truyện thường tồn tại ở những dạng nào?

4. Cho đề bài: Phân tích tâm trạng của nhân vật Thanh để làm nổi bật chủ đề truyện *Dưới bóng hoàng lan*.

a. Tìm ý và lập dàn ý cho đề bài trên.

b. Viết đoạn văn mở bài và một đoạn văn thuộc phần thân bài.

5. Trên cơ sở dàn ý bài viết đã lập ở câu 4, hãy chuẩn bị dàn ý cho bài nói và tập luyện cách trình bày.

6. Tìm đọc thêm một số tác phẩm truyện được kể bằng lời của người kể chuyện ngôi thứ nhất, khái quát ngắn gọn chủ đề của tác phẩm đã đọc.

THỰC HÀNH ĐỌC

Một số điều cần lưu ý khi đọc văn bản:

- Hiểu được mức độ bao quát các nhân vật, sự kiện của người kể chuyện ngôi thứ nhất.
- Nắm bắt được cảm xúc, suy nghĩ của các nhân vật về sự việc diễn ra trong câu chuyện.

Con khướu sổ lồng

(Trích)

Nguyễn Quang Sáng[1]

Tạo hoá cho loài chim đôi cánh là để bay, nhưng trong trời đất này có biết bao nhiêu con chim không được bay.

Nhà tôi cũng có một con, con khướu, được nuôi trong lồng. Nó được nuôi trong một cái lồng tuyệt đẹp, cái lồng tre nổi tiếng của Lạng Sơn. Mái lồng như mái đình, quanh lồng được chạm trổ hình hoa văn, trong lồng có ba cái lọ sứ Tàu để đựng thức ăn thức uống. Cái lồng được treo dưới mái bên mảnh vườn treo trên nhà. Nếu những con chim khác biết được không thể không ganh tị với nó. Quanh nó là cây cảnh với phong lan, không mưa không nắng, nhưng vẫn nhìn thấy khoảng trời mênh mông qua mảnh vườn. Nó như sống trong cảnh thần tiên, thức ăn thức uống đủ đầy, chỉ có hót thôi.

Con khướu nhà tôi không đẹp như hoạ mi hay sơn ca, so với con cưỡng nó cũng không bằng. Lông một màu đen, trên đầu có một cái chóp trắng, trông nó như một lão già lụ khụ lúc nào cũng đội kết[2].

"Đừng thấy vậy mà chê. Nghe nó hót rồi biết!". Ông bác tôi vốn là người chơi chim, mang nó từ quê lên cho, bảo vậy. "Tao chọn rồi, chim trong nhà, nó là con hót hay nhứt[3]."

Đúng như lời ông bác, tiếng hót của nó vừa vui vừa xao xuyến. Những buổi chiều mệt nhọc từ ngoài đồi trở về, ngồi trên mảnh vườn nghe nó hót, lòng bỗng thấy thanh thản, thấy gần với trời đất.

[...] Con khướu là niềm vui của cả nhà. Có lúc không còn nhớ nó xuất xứ từ đâu. Nó như có mặt cùng một lúc với mọi người, như một thành viên chính thức trong gia đình, không thể thiếu.

*

* *

Một buổi chiều tôi đi làm về, thằng út tôi tám tuổi đón tôi từ ngoài cổng, vừa thấy tôi, nó dang hai tay vừa chạy xô tới vừa la:

– Ba ơi! Chim bay rồi.

– Cái gì?

---

(1) Nguyễn Quang Sáng (1932 – 2014) là nhà văn, nhà biên kịch, được trao tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật năm 2000. Một số tác phẩm tiêu biểu: *Đất lửa* (tiểu thuyết, 1963), *Chiếc lược ngà* (tập truyện ngắn, 1966), *Mùa gió chướng* (tiểu thuyết, 1975), *Con mèo của Phu-gi-ta* (Foujita) (tập truyện ngắn, 1996),...

(2) *Kết*: mũ lưỡi trai.

(3) *Nhứt*: nhất.

– Chim bay rồi.

– Chim nào bay?

– Con khướu nhà mình đó, nó sổ lồng, nó bay mất rồi!

– Thiệt[1] sao?

– Thiệt!

Tôi chạy vào nhà, bước một bước hai ba bậc thang, lên mảnh vườn treo. Thật vậy, chỉ còn có cái lồng không. Ngày ngày, mỗi lần tôi bước vào mảnh vườn, lần nào con khướu cũng cất tiếng hót chào tôi. Tôi ngồi phịch xuống ghế, nhìn cái lồng không. Cái lồng trống, lòng tôi cũng trống.

Sáng nay, thằng lớn của tôi – mười lăm tuổi, lúc cho nó ăn đã sơ ý mở hết cửa, thế là nó vù đi. Thằng lớn tôi vừa nghe "vù" qua tai là nó giơ tay ra chụp nhưng chỉ giữ lại trong tay một chiếc lông, còn con khướu thì dang cánh bay thẳng lên bầu trời như một mũi tên.

Suốt đêm hôm đó, cả nhà ai cũng thấy thiếu vắng. Không ai buồn lên mảnh vườn treo nữa. Nửa đêm thằng út tôi giật mình khi trời đổ mưa. Nó cứ trăn trở thao thức, rồi thì thầm:

– Ba ơi! Trời mưa lại có gió nữa, con khướu bay đi, nó có sao không ba?

– Chim thì phải bay. Chim bay thì có gì phải lo. Con ngủ đi.

Buổi chiều hôm sau, trời vừa chạng vạng, bỗng có tiếng hót của con khướu vang lên từ trên vòm lá cây sao trước nhà.

Con khướu về! Cả nhà reo lên, ngước cổ nhìn lên, không ai thấy, chỉ nghe tiếng hót. Nghe tiếng hót buồn thảm của nó tôi bỗng nghĩ đến những đứa con bỏ đi hoang, hối hận trở về nhưng không dám vào nhà, cứ thập thò trước cổng.

[...] Trên vòm lá, con khướu vẫn hót, hót rồi ngưng, ngưng lại hót. Khi tiếng hót vừa dứt, từ trên vòm lá con khướu buông cánh sà thẳng vào lồng. Cửa lồng sập xuống, từ các chỗ núp, cả nhà vừa lao ra vừa reo lên và giành nhau bưng cái lồng.

Cái lồng và con khướu lại được treo lên chỗ cũ. Cả nhà lại ngồi quanh nó, nghe nó hót, quên cả buổi cơm chiều. Một con chim sổ lồng bay đi rồi lại quay về là điều ít có, nên không thể không bàn cãi. Nhà tôi mỗi người có mỗi ý khác nhau.

[...] Có ý tán thêm:

– Nó ghiền[2] nước đường như người ta ghiền rượu, ghiền bia vậy. Phải không mày, khướu?

Riêng tôi, tôi nghĩ khác nhưng không nói. Nói đến tự do, người ta thường nghĩ đến đôi cánh. Khi nói đến đôi cánh, người ta nghĩ đến tự do. Đôi cánh với tự do như đồng nghĩa. Con khướu này, đôi cánh của nó đã dang ra mênh mông trên bầu trời tự do rồi sao nó lại khép cánh trở lại cái lồng nhỏ hẹp này. Có lẽ cái lồng này đã giam hãm đôi cánh nó quá lâu khiến cho đôi cánh nó chới với và cái lồng ngực của nó bị ngộp thở trước cảnh mênh mông của trời đất. Có lẽ nó bỗng thấy cô đơn, bỗng thấy mình quá nhỏ bé trước bầu trời?

Và nó trở về lồng, lại hót.

---

(1) *Thiệt*: thật.

(2) *Ghiền*: nghiện.

*
* *

Một lần thằng con tôi lại sơ ý. Con khướu lại vù bay. Nó bay đi lần này, cả nhà không lo buồn như lần trước bởi đoán thế nào nó cũng quay về. Và đúng như vậy, chiều hôm sau nó lại hót trên vòm lá cây sao, chỗ cũ.

Thằng lớn của tôi lại treo cái lồng ra ngoài trời, người trong nhà không còn ai phập phồng nữa, biết chắc là chốc nữa nó sẽ lại sà xuống chui vào lồng. Chỉ có thằng út là vẫn háo hức đi tìm chỗ núp rình xem, với nó như một trò chơi hồi hộp lí thú.

Trên vòm lá, con khướu lại hót. Nó hót một chuỗi dài như báo tin nó đã về và từ trên vòm lá nó lao xuống.

Khi nó lao xuống đến lưng chừng thì trên trời bỗng vang lên tiếng hót của một con chim trời. Tiếng hót của con chim lạ ấy tôi nghe thảnh thơi hơn và cũng dịu dàng hơn, chắc là con chim mái. Tiếng con chim trời ấy đã cứu con khướu nhà.

Đang lao thẳng xuống vực thẳm của chiếc lồng thì, nó bỗng ưỡn người, dựng ngược đôi cánh xiên thẳng lên cái nền xanh thẳm của bầu trời.

Thế là con trước con sau, như hai mũi tên đen đuổi nhau lượn vòng trên tán cây, vừa lượn đuổi vừa hót.

Rồi từ xa, hai con chim vụt bay đến nhau. Khi vừa đến bên nhau thì chúng dựng cánh, cùng vút thẳng lên trời cao. Rồi xoè cánh, cánh kề cánh nương nhau bay lượn, vừa bay vừa hót. Tiếng hót của đôi chim rộn rã quấn quýt như tiếng cười tiếng khóc trong giọng rối rít của đôi tình nhân hàng thế kỉ mới tìm gặp nhau, vừa xôn xao vừa vang động cả trời chiều. Cái vòng lượn của đôi chim mỗi lúc rộng ra, và tiếng hót mỗi lúc, mỗi lúc từ xa cho đến xa,…

*
* *

Chiều hôm sau, thằng con lớn của tôi lại treo cái lồng ra ngoài trời, đợi con khướu nhưng con khướu không về trên vòm lá. Thằng con tôi kiên nhẫn, chiều hôm sau lại mang cái lồng ra.

Tôi bảo:

– Thôi dẹp đi. Nó không về nữa đâu.

– Sao vậy ba? – Thằng út tôi hỏi.

– Thôi dẹp đi, ba biết nó không về. – Tôi nghĩ mà không nói. Lần này, nó có đôi cánh của tình yêu, đôi cánh tình yêu đã đưa nó về với cảnh thênh thang của đất trời. Và nó là chim – chim thì phải bay. Chim bay…

28/8/1988

(Nguyễn Quang Sáng, *Con mèo của Phu-gi-ta*,
NXB Kim Đồng, Hà Nội, 2020, tr. 55 – 60)

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Bài 8

THẾ GIỚI ĐA DẠNG CỦA THÔNG TIN

Yêu cầu cần đạt

- Phân tích và đánh giá được đề tài, thông tin cơ bản của văn bản thông tin, cách đặt nhan đề của tác giả; nhận biết được mục đích của người viết; biết suy luận và phân tích mối liên hệ giữa các chi tiết và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin.
- Nhận biết được một số dạng văn bản thông tin có sự lồng ghép giữa thuyết minh với một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận và giải thích được mục đích của sự lồng ghép đó; nhận biết và phân tích được sự kết hợp giữa phương tiện ngôn ngữ với phương tiện phi ngôn ngữ.
- Phân tích, đánh giá được cách đưa tin và quan điểm của người viết ở một bản tin.
- Viết được bản nội quy hoặc bản hướng dẫn nơi công cộng.
- Biết thảo luận về văn bản nội quy hay văn bản hướng dẫn nơi công cộng đã viết.
- Biết coi trọng giá trị của thông tin, không ngừng mở mang hiểu biết về đời sống xung quanh.

ĐỌC

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

TRI THỨC NGỮ VĂN

Đặc trưng của văn bản thông tin

Văn bản thông tin là loại văn bản chủ yếu dùng để cung cấp thông tin. Trong đời sống, có nhiều loại văn bản thông tin khác nhau như: báo cáo, bản tin, thông báo, thư từ, diễn văn, tiểu luận,...

Để đảm bảo tính chính xác, khách quan, văn bản thông tin thường dẫn tên người, địa điểm, thời gian, số liệu xác thực, có thể kiểm chứng được. Ngôn ngữ trong văn bản thông tin sáng rõ, đơn nghĩa. Việc sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ như hình ảnh, biểu đồ, sơ đồ,... góp phần giúp cho người đọc dễ tiếp nhận và ghi nhớ thông tin.

Để tăng thêm hiệu quả tác động đối với người đọc, đôi khi văn bản thông tin lồng ghép thông tin với một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận. Tuy vậy, việc lồng ghép những yếu tố này phải đảm bảo không được làm mất đi tính chính xác, khách quan của văn bản thông tin.

Bản tin

Bản tin là một loại văn bản thông tin. Nội dung của bản tin là các sự kiện cập nhật, có thể thu hút sự quan tâm, chú ý của nhiều người và tạo được sức tác động xã hội. Thông tin trong bản tin cần mang tính xác thực cao. Ngôn ngữ trong bản tin thường ngắn gọn, sáng rõ, đơn giản. Tuy nhiên, trong một số trường hợp nhất định, để gây ấn tượng mạnh với công chúng, người viết có thể sử dụng các biện pháp tu từ như ẩn dụ, so sánh, điệp ngữ,...

Tuy bản tin hướng đến việc cung cấp thông tin khách quan nhưng nó vẫn cho phép người viết thể hiện quan điểm của mình đối với sự kiện, con người, hiện tượng được đề cập, với điều kiện quan điểm của người viết không làm thay đổi bản chất của những thông tin được cung cấp.

Để đánh giá được cách đưa tin và quan điểm của người viết ở một bản tin, người đọc cần trả lời các câu hỏi: Tác giả bản tin là ai? Lập trường, thái độ của người viết là gì? Các nhân vật, sự kiện, số liệu,... trong bản tin được sắp xếp theo trình tự nào? Vì sao tác giả lại lựa chọn cách sắp xếp đó? Những thông tin được cung cấp trong văn bản có thể kiểm chứng được không, có đáng tin cậy không?... Những câu hỏi này sẽ giúp người đọc có thể tiếp nhận thông tin một cách chủ động, tỉnh táo, từ đó xác lập cho mình một quan điểm, cách nhìn nhận đúng đắn về thực tại đời sống.

Văn bản nội quy, văn bản hướng dẫn nơi công cộng

Văn bản nội quy, văn bản hướng dẫn nơi công cộng thường xuất hiện ở những không gian như bảo tàng, di tích, trường học, thư viện,... giúp người đọc có thể hiểu rõ các yêu cầu, quy định cần được tuân thủ, từ đó có những hành vi đúng đắn, phù hợp.

Văn bản nội quy, văn bản hướng dẫn nơi công cộng có cấu trúc chặt chẽ, mạch lạc; ngôn ngữ khách quan, chính xác, rõ ràng, dễ hiểu.

Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ

Mỗi loại **phương tiện phi ngôn ngữ** có chức năng biểu đạt nghĩa khác nhau. Các số liệu thường được sử dụng để cung cấp những thông tin cụ thể, chính xác. Các đường nối giữa các hình vẽ thường được dùng để biểu đạt mối quan hệ giữa các thông tin. Các biểu đồ, sơ đồ giúp trình bày thông tin một cách hệ thống. Các hình ảnh làm tăng tính hấp dẫn và trực quan của thông tin,... Tuỳ theo mục đích sử dụng mà người viết lựa chọn loại phương tiện phi ngôn ngữ phù hợp.

VĂN BẢN 1

Sự sống và cái chết

(Trích *Từ điển yêu thích bầu trời và các vì sao*)

Trịnh Xuân Thuận

Khi quan sát những biểu hiện cụ thể của sự sống trên Trái Đất, điều gì đã khiến bạn suy nghĩ, băn khoăn hoặc tò mò?

1 Lịch sử sự sống trên Trái Đất diễn ra đồng thời theo hai hướng dọc và ngang. Hướng dọc được thể hiện bằng sự phức tạp ngày càng tăng theo tuổi Trái Đất (cơ thể con người phức tạp hơn rất nhiều so với một vi khuẩn đơn bào). Hướng ngang được thể hiện bởi sự đa dạng đáng kinh ngạc của sự sống và sự đa dạng hoá ngày càng lớn của các loài theo thời gian.

Dự đoán nội dung cụ thể sẽ được triển khai trong bài viết qua nhan đề và đoạn 1.

2 Chúng ta hãy về thăm Trái Đất cách đây 3 tỉ năm: các bạn sẽ chỉ gặp các vi khuẩn và vi khuẩn cổ sinh. Các sinh vật lúc đó chưa tiến hoá nhiều và cũng chưa đa dạng. Ngược trở lại 500 triệu năm: bạn vẫn thấy hai dạng vi khuẩn, nhưng bạn cũng còn thấy vô số tảo, bọt biển, rêu và nấm, một ít sâu bọ, bọ ba thuỳ, tôm, cua và động vật nhuyễn thể. Du hành ngược về 140 triệu năm, thì toàn bộ thế giới nhỏ bé này vẫn ở đó để đón tiếp bạn (trừ loài bọ ba thuỳ), nhưng hơn thế, các bạn còn được chiêm ngưỡng cảnh tượng đa sắc của hoa và những cánh bướm tung tăng, được nghe tiếng vo ve của ong, tiếng chim hót ru, thích thú với sự phát triển của các loại cá trong biển, và loáng thoáng thấy những động vật có vú nhỏ nhoi len lỏi trong rừng rậm. Nhưng khủng long ăn thịt và thằn lằn tiền sử lảng vảng trong khung cảnh sẽ làm bạn sợ cứng người.

Việc tác giả tưởng tượng ra một chuyến "du hành" ngược thời gian có ý nghĩa gì?

3 Sự xuất hiện của các dạng động vật mới có khả năng thích nghi hơn không nhất thiết đồng nghĩa với sự đào thải các dạng kém tiến hoá hơn. Tất cả đều có chỗ cho mình. Bên cạnh các sinh vật đơn bào như trùng đế giày và các loại động vật nguyên sinh khác, còn có các động vật đa bào như nhím biển và sứa, chim đại bàng và chim hoạ mi, chuột và con người.

Nhưng điều đó cũng không có nghĩa là một loài nào đó, khi đã sinh ra, sẽ tồn tại mãi mãi. Một số cành hoặc nhánh của cây đời sẽ bị cắt cụt, và có những loài bị tuyệt chủng hoàn toàn. Chẳng hạn, loài bọ ba thuỳ đã không chống chọi được cái lạnh khủng khiếp bao trùm Trái Đất vào cuối kỉ Péc-mi (Permi)[1], và một tiểu hành tinh điên rồ đến đâm vào Trái Đất cách đây 65 triệu năm đã kết liễu loài khủng long. Sự tuyệt chủng này đã giải phóng các ổ sinh thái để chúng nhanh chóng được các loài khác chiếm giữ.

Chú ý những thuật ngữ chuyên ngành sinh học được sử dụng trong các đoạn 3, 4 và tác dụng của chúng.

4 Các loài tiến hoá và tự hoàn thiện dần bởi vì chúng phải đấu tranh để sinh tồn và bởi vì cái chết đang chờ chúng ở cuối con đường. Cái chết cho phép sự sống tiến lên. Nó là một phần không thể tách rời của sự sống. Nó nằm trong trật tự của vạn vật. Cần như lúc nào cũng vậy, trước cái chết và sự đe doạ tuyệt chủng, sự sống đã chứng tỏ một sức đề kháng mãnh liệt và bật dậy bằng cách thể hiện một sức sáng tạo mới để tìm lời giải cho các vấn đề gặp phải. Tình hình hoàn toàn khác với các vật vô sinh: sở dĩ các hạt cơ bản và các nguyên tử không tiến hoá, chính là bởi vì chúng không cần đấu tranh sinh tồn, vì chúng không bị đe doạ tuyệt chủng, và bởi vì chúng không phải tuân theo chọn lọc tự nhiên. Một hạt ánh sáng được tạo ra 300 000 năm sau Bích Beng (Big Bang)[2] có chính xác các đặc điểm của một hạt ánh sáng sinh ra ngày nay, 13,7 tỉ năm sau vụ nổ khởi thuỷ.

Sự khác nhau giữa các vật vô sinh và các sinh vật là gì?

(Trịnh Xuân Thuận, *Từ điển yêu thích bầu trời và các vì sao*,
Phạm Văn Thiều – Ngô Vũ dịch, NXB Tri thức, Hà Nội, 2017, tr. 591 – 592)

[1] *Kỉ Péc-mi*: một kỉ địa chất, kỉ cuối cùng của đại Cổ sinh.

[2] *Bích Beng*: Vụ Nổ Lớn, được xem là dấu mốc cho sự hình thành vũ trụ.

Trịnh Xuân Thuận sinh năm 1948 tại Hà Nội, là nhà vật lí học thiên văn người Mỹ gốc Việt, hiện đang là giáo sư của Đại học Vơ-gin-ni-a (Virginia). Ông đồng thời là nhà văn, nhà triết học, nhà hoạt động vì môi trường và hoà bình. Những cuốn sách nổi tiếng về thiên văn học của ông đã được dịch ra nhiều ngôn ngữ trên thế giới như: *Số phận của vũ trụ – Bích Beng và sau đó* (1992), *Hỗn độn và hài hoà* (1998), *Những con đường của ánh sáng* (2007), *Vũ trụ và hoa sen* (2011),...

Văn bản ***Sự sống và cái chết*** được trích trong cuốn *Từ điển yêu thích bầu trời và các vì sao*, một cuốn từ điển đặc biệt không chỉ giải thích từ ngữ và cung cấp các thông tin khoa học về vũ trụ, mà còn giúp người đọc khám phá vẻ đẹp kì diệu của sự sống, suy ngẫm về nguồn gốc và vị trí của con người trong vũ trụ, phát hiện ra mối quan hệ giữa khoa học và cái đẹp, khoa học và thi ca. Bằng ngôn từ chính xác, giản dị mà trong sáng và đầy chất thơ, tác giả đã khiến cho những vấn đề khoa học trở nên gần gũi và hấp dẫn với người đọc.

Trả lời câu hỏi

1. Văn bản *Sự sống và cái chết* viết về đề tài gì? Từ việc liên hệ tới những văn bản khác cùng đề cập đề tài này mà bạn đã đọc, hãy cho biết góc độ tiếp cận vấn đề riêng của tác giả.
2. Tóm tắt những thông tin chính trong văn bản và chỉ ra cách tác giả sắp xếp, tổ chức các thông tin đó.
3. Dựa vào nội dung văn bản, vẽ sơ đồ mô tả quá trình phát triển của sự sống trên Trái Đất.
4. Văn bản đưa lại cho bạn hiểu biết gì về mối quan hệ giữa "đấu tranh sinh tồn" và "tiến hoá", giữa "sự sống" và "cái chết"?
5. Ngoài việc biết thêm các thông tin khoa học về Trái Đất, bạn còn nhận được những thông điệp gì từ văn bản *Sự sống và cái chết*? Trình bày suy nghĩ của bạn về những thông điệp đó.
6. Những đặc trưng của loại văn bản thông tin đã được thể hiện như thế nào trong văn bản này? Các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm hoặc nghị luận đã được phối hợp sử dụng như thế nào và tạo được hiệu quả ra sao?
7. Có thể đổi nhan đề của văn bản thành *Sự sống và cái chết của các loài sinh vật trên Trái Đất* được không? Vì sao?
8. Vấn đề tác giả đặt ra trong văn bản này đã tác động như thế nào đến nhận thức của bạn về cuộc sống?

Kết nối đọc – viết

Thu thập thông tin về một loài sinh vật mà bạn muốn tìm hiểu. Trình bày thông tin đó bằng một đoạn văn (khoảng 150 chữ).

VĂN BẢN 2

Nghệ thuật truyền thống của người Việt(*)

(Trích *Văn minh Việt Nam*)

Nguyễn Văn Huyên

- *Bạn đã biết gì về nghệ thuật truyền thống của người Việt? Hãy nêu cảm nhận về một phương diện nào đó trong gia sản tinh thần vô giá này mà bạn thấy hứng thú.*
- *Trong xu thế giao lưu quốc tế mở rộng hôm nay, bạn nghĩ như thế nào về sự tồn tại của những giá trị vốn được truyền lại từ bao đời?*

Ở Việt Nam, nghệ thuật, hơn những lĩnh vực khác, là biểu hiện sâu sắc nhất của tâm tính nhân dân. Như ta đã thấy ở sự phát triển văn học, dân tộc này có khiếu thưởng thức cái thanh và cái đẹp, biết biểu lộ một thị hiếu vững vàng và không phải là không sâu sắc về phương diện nghệ thuật. Linh mục Ca-đi-e-rơ (Cadiere)[1] viết rằng: các ngôi chùa nhỏ bé của họ, những căn nhà thấp và tối của họ đều được trang trí cẩn thận. Nóc nhà, cột cổng, bình phong đều được trang trí với những màu sắc tươi tắn, nhiều khi sặc sỡ nhưng hài hoà với các màu sắc của phong cảnh, với sự rực rỡ của ánh sáng. Trong nhà, các cây cột được kiên trì đánh bóng, lóng lánh trong màu sắc tự nhiên của nó, hay rực sáng bởi sơn mài và vàng; vách, cửa, dầm nhà, đồ gỗ được chạm những đường lượn tinh vi, những cành lá nhẹ nhàng, hay được xoi lộng[2] cẩn thận; những món đồ mĩ nghệ nhỏ tinh tế và quý giá, được bày trên bàn hay được cất cẩn thận trong rương hòm của gia đình. Người Việt Nam biết tạo một dáng vẻ thẩm mĩ cho những đồ vật thông thường nhất bằng kim loại, gỗ hay tre, tô điểm cho chúng bằng những thứ trang trí, biến chúng thành một cái gì đó còn hơn là một đồ dùng. Đặc biệt đồ nữ trang được chế tác với một sự tinh tế và đa dạng vô song.

Thông tin chính được nêu ở câu chủ đề của đoạn văn là gì?

Chú ý những cứ liệu được sử dụng để đưa ra nhận định về khiếu thẩm mĩ của người Việt.

(*) Nhan đề đoạn trích do người biên soạn sách giáo khoa đặt.

(1) *Linh mục Ca-đi-e-rơ*: tên đầy đủ là Lê-ô-pôn Mi-sen Ca-đi-e-rơ (Léopold Michel Cadiere, 1869 – 1955), giáo sĩ, nhà sử học, nhà dân tộc học, văn hoá học người Pháp, đồng tác giả của tập san *Đô thành hiếu cổ* – một trong số những tài liệu mà Nguyễn Văn Huyên đã khai thác để viết cuốn *Văn minh Việt Nam*.

(2) *Xoi lộng*: một kĩ thuật chế tác đồ gỗ, dùng bào nhỏ hoặc đục để tạo đường rãnh trên mặt gỗ hay làm thủng nền gỗ nhằm làm nổi bật những hình khắc trang trí.

Nghệ thuật Việt trước hết mang tính chất tôn giáo. Nó phản ánh rõ nét những tín ngưỡng đa dạng của dân tộc. Đạo Phật, đạo Lão, với đám rước vô tận những thần thánh và ma quỷ đủ loại, là những yếu tố lớn thúc đẩy sự sáng tạo nghệ thuật phong phú của người Việt Nam. Trong nhiều thế kỉ, từ thế kỉ VII đến XIV, Việt Nam chịu ảnh hưởng của đạo Phật đương lúc thắng thế, như ta thấy, đã vừa tạo ra nhiều tông phái cùng những tác phẩm văn học vô giá, vừa làm nảy ra từ lòng đất nước này vô số công trình kiến trúc. Sự pha trộn của ba học thuyết tôn giáo, gọi là *tam giáo*, được kiểm soát bởi các khoa thi do nhà nước tổ chức, đã là ngọn nguồn của hầu hết các mô típ trang trí.

Những yếu tố nào đã ảnh hưởng đến nghệ thuật Việt?

Mặt khác, sự thống nhất văn hoá, do sự giảng dạy áp đặt lâu dài những kinh sách Nho giáo, đã tạo nên ở một mặt nào đó của nghệ thuật Việt, bên cạnh tính vĩnh cửu của hình thức và đề tài, là một vẻ uy nghi xứng đáng với địa vị đứng đầu của đấng thiên tử và của các bậc đại hiền túc nho, nguyên là những người đề xướng mọi quy tắc chính trị. Để thoả mãn sự kiêu hãnh của các vua chúa cùng những đại thần xuất thân từ hàng Nho sĩ, để làm cho tên tuổi họ thành bất tử, những cung điện đẹp đẽ, những lăng mộ xinh xắn, những vườn hoa phong phú cùng những tấm bia tinh tế đã được xây dựng. Vì nhu cầu thờ cúng chính thức, người ta đã xây cất những đền chùa uy nghiêm, chế tạo những vật dụng với một thị hiếu tinh vi.

Duy có một điều là các vật liệu sử dụng, gỗ, tre, đất nung, đều không bền do khí hậu nhiệt đới tàn hại và do mối mọt. Các thứ kim loại, sắt, đồng, kẽm, vàng, bạc, cũng không sống sót nổi sau các cơn hoả hoạn, bất ổn chính trị và chiến tranh. Chẳng còn lại gì cho chúng ta từ các cung điện nổi tiếng Cổ Loa, Hoa Lư, Thăng Long, Tây Đô, nếu không phải là những địa điểm mà trên đó những công trình khác đã được xây dựng bởi những bàn tay thành kính của nhân dân mà bấy nhiêu cuộc biển dâu đã làm cho điêu đứng.

Điều gì đã ảnh hưởng đến việc bảo tồn các di sản nghệ thuật Việt?

Tuy nhiên, các cung điện lộng lẫy ở Huế, các đền thờ Khổng Tử uy nghi tại Hà Nội, đền thờ các vua Lý ở Đình Bảng[1] với nhiều đồ vật tại đấy, các tấm bia Lam Sơn, các lăng tẩm ở Huế, pho tượng Trấn Vũ lớn bằng đồng ở Hà Nội, các ngôi chùa Phật Tích, Bút Tháp[2] thanh tao,... là những chứng cứ đáng tin cậy về đỉnh cao mà kĩ thuật của các nghệ sĩ Việt Nam đã đạt đến.

---

(1) *Đình Bảng*: thuộc tỉnh Bắc Ninh.

(2) *Chùa Phật Tích, Bút Tháp*: hai ngôi chùa nổi tiếng ở tỉnh Bắc Ninh.

Người nghệ sĩ không có xu hướng tái hiện chính xác và đầy đủ hiện thực. Họ loại bỏ tính chất nhục dục khỏi các tác phẩm của mình [...]. Họ chẳng nhằm ca ngợi vẻ đẹp mong manh của những hình hài dễ bị hư nát. Đối với họ, người luôn luôn thực hiện công trình của mình trong một không khí siêu phàm, thì tinh thần là tất cả. Họ tìm cách làm toát ra và biểu hiện trong mọi tác phẩm cái tinh thần vô hình của mọi vật.

Theo tác giả, thiên hướng sáng tạo nổi bật của nghệ thuật Việt là gì?

Một số cây cối và động vật có tính cách tượng trưng: con hạc và con nai thể hiện tuổi thọ, cây tre là đạo đức, cây mận là sức mạnh tinh thần và thể chất, cây cúc thể hiện hạnh phúc, v.v.

Trong tranh dân gian, nghệ thuật được quan niệm là sự cổ vũ lao động, đạo hiếu, đức hạnh. Ở các chùa chiền, ta thấy tái hiện những cảnh tra tấn của âm phủ; trong nhiều nhà, người ta treo tranh diễn tả cảnh sinh hoạt của học trò, nhà nông, tiều phu và người đánh cá. Những gương con hiếu, tôi trung và bạn chung thuỷ được tái hiện dưới những hình thức cổ truyền.

Người Việt Nam không xử lí tất cả những mô típ này, như linh mục Ca-đi-e-rơ đã nói, với sự tự do của một nghệ sĩ đứng trước hiện thực, có thể nắm được hàng nghìn vẻ của sinh vật, và tận dụng được mọi lợi thế bất ngờ mà sự ngẫu nhiên hoặc việc chú trọng nghiên cứu mang lại cho họ. Tất cả những chủ đề mà họ làm nảy ra từ gỗ hay họ đổ khuôn đúc, đều được cách điệu hoá trong các tư thế, với những động tác ước lệ. Nhưng những nghệ sĩ có tài đã biết cách, trong những giới hạn đó, tạo cho các mô típ cổ truyền một sức mạnh bên trong và một chiều sâu làm cho tác phẩm của họ trở thành độc đáo.

*
* *

Có thể nói, nghệ thuật Việt Nam tiêu biểu nhất vẫn là kiến trúc. Hoạ sĩ và nhà điêu khắc chỉ là người phụ trợ của kiến trúc sư. Nền kiến trúc này chủ yếu có tính chất tôn giáo. Đặc trưng của nó là hình khối và thể nằm ngang. Nó có xu hướng thể hiện cái vĩ đại, sự bí ẩn và không tách rời với sở thích về tính đều đặn, đối xứng.

Kiến trúc Việt có những đặc trưng gì? Đặc trưng đó được thể hiện cụ thể như thế nào?

Sơ đồ các đền chùa được quyết định bởi nhu cầu xây dựng và thờ cúng. Người ta phải dành ở đó những không gian rộng lớn cho đám đông công chúng có thể triển khai, cho đám rước xếp hàng, và những bữa cỗ công cộng được bày trong các ngày Tết, lễ.

Sự nối tiếp nhau của các sân và cả toà nhà trước điện thờ thấp lè tè trong bóng râm, tạo ra cảm tưởng về con đường đưa tới nơi ở thiêng liêng của chư thần, hay con đường cứu nạn của chư Phật.

Ngoài ra, đền chùa được phủ bằng một sườn gỗ, có thể có kích thước lớn mà không sợ sụp đổ. Để chống đỡ nóc chính và để có chỗ rộng hơn, người ta thường dựng thêm các chái[1]. Mặt khác, đề phòng những trận gió mạnh cũng như cơn mưa trút nước, người ta làm những mái hạ[2] thấp lè tè thành một khối chắc khoẻ, đè nặng lên các cột. Vì thế, những cột này là phần được làm cẩn thận nhất của đền, chùa. Những mái đó chỉ được làm thanh nhẹ bớt ở các góc uốn cong, tạo ra cảm tưởng về sự vững chắc, khoẻ khoắn và thoải mái.

Bằng hệ thống vì kèo và thanh giằng, người ta dễ tăng thêm các chỗ thờ các vị thần thứ cấp[3]. Phải nói thêm rằng, để đáp ứng nhu cầu cần đặt cạnh nhau những tín ngưỡng khác nhau, người kiến trúc sư thường xây nhiều nhà song song.

Trong những đền, chùa này, gỗ và gạch tự "phi vật chất hoá". Tất cả đều được tinh thần hoá. Từ trong đó, những bàn tay nghệ sĩ đã làm nảy ra, trên các đầu cột và vì kèo cũng như xung quanh điện thờ, những mô típ nhiều vẻ của cây cối và động vật tượng trưng.

[...] Kiến trúc mồ mả được đặc biệt làm cẩn thận ở xứ sở mà việc thờ cúng người chết rất được coi trọng. Mồ mả các quan to và người đứng đầu gia tộc lớn là những toà đền đài thật sự. Lăng mộ các vua bản triều, nối tiếp nhau trên hai bờ sông Hương, ở đông nam thành phố Huế, là những tổng thể xuất sắc các công trình xây dựng rải rác trong các vườn hoa được cách điệu hoá kiểu thẩm mĩ tuyệt vời.

*

* *

Nền điêu khắc Việt có những điểm gì đáng chú ý?

Tất cả các nghệ thuật khác đều phụ thuộc vào kiến trúc. Môn nghệ thuật mà người Việt Nam thành công nhất là điêu khắc gỗ. Những pho tượng rất đẹp có từ thời Lê, như các tượng nhà sư ở Pháp Vũ tại Hà Đông[4], ở Thạch Lâm tại Thanh Hoá, được truyền lại đến chúng ta. Có những nghệ sĩ đã biết sáng tạo từ gỗ, ở chùa Tây Phương[5] tại tỉnh Sơn Tây, ở chùa Keo[6] tại Thái Bình, ở chùa Bút Tháp tại Bắc Ninh, ở chùa Cói[7] tại Vĩnh Yên,... những kiệt tác với phong cách tao nhã.

---

(1) *Chái*: gian nhỏ lợp một mái tiếp vào đầu hồi, theo lối kiến trúc dân gian.

(2) *Mái hạ*: mái nhà được thiết kế thấp xuống.

(3) *Các vị thần thứ cấp*: các vị thần có vị trí ít quan trọng hơn so với những vị thần được thờ phụng chính trong một không gian tín ngưỡng nhất định (nghĩa trong văn bản).

(4) *Hà Đông*: nay thuộc thành phố Hà Nội.

(5) *Chùa Tây Phương*: nay thuộc thành phố Hà Nội.

(6) *Chùa Keo*: nay thuộc tỉnh Hưng Yên.

(7) *Chùa Cói*: nay thuộc địa phận tỉnh Phú Thọ.

Đá, vì hiếm hoi ở Việt Nam, nên rất ít được người làm tượng sử dụng, và thường chỉ giới hạn ở một vài hình ảnh thể hiện. Chẳng hạn như những tượng quan lại đứng làm hàng rào trước mộ các nhân vật lớn. Đá chủ yếu được dùng làm bia, bậc đi và tay vịn cầu thang ở các đền, chùa hay dinh thự lớn.

Nghệ thuật đúc đồng phát triển ở một số vùng của Việt Nam, ngay từ những thế kỉ đầu Công lịch[1]. Bên cạnh các trống đồng tìm thấy trong những cuộc khai quật tại Bắc Kì và bắc Trung Kì[2], chứng tỏ nền văn minh rất cổ, có từ thời nhà Hán, còn có vô số vật khác, trong đó một số là những vật rất lớn như bồn vạc ở Huế, tượng Trấn Vũ của đền Quán Thánh ở Hà Nội [...].

(Nguyễn Văn Huyên, *Văn minh Việt Nam*, Đỗ Trọng Quang dịch(*), NXB Hội Nhà văn – Công ti Văn hoá và Truyền thông Nhã Nam, Hà Nội, 2018, tr. 303 – 307)

Nguyễn Văn Huyên (1905 – 1975) quê ở thành phố Hà Nội, là nhà sử học, dân tộc học, nhà giáo dục. Thời thanh niên, ông du học ở Pháp. Năm 1934, ông là người Việt Nam đầu tiên bảo vệ thành công luận án tiến sĩ văn khoa tại Đại học Xoóc-bon (Sorbonne), Pa-ri. Từ khi về nước vào năm 1935, ông dạy học, tham gia một số tổ chức nghiên cứu văn hoá và lịch sử, từng là Uỷ viên thường trực Trường Viễn Đông Bác cổ, Uỷ viên Hội đồng nghiên cứu khoa học Đông Dương, tham gia thành lập bộ môn Lịch sử văn minh Việt Nam tại Trường Đại học Luật Hà Nội,... Sau Cách mạng tháng Tám, ông được Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà cử giữ chức Bộ trưởng Bộ Giáo dục từ năm 1946 cho đến khi qua đời. Ông được Nhà nước truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về Khoa học xã hội năm 2000. Tác phẩm chính của ông: *Sự thờ phụng thần thánh ở nước Nam* (1944), *Văn minh Việt Nam* (1944), *Toàn tập Nguyễn Văn Huyên* (2000),...

Văn minh Việt Nam là cuốn chuyên khảo viết bằng tiếng Pháp, hoàn thành từ năm 1939 nhưng phải đến năm 1944 mới được xuất bản tại Hà Nội, có thể xem là một phát ngôn đầy tinh thần tự tôn dân tộc của người Việt về văn hoá Việt trước cộng đồng thế giới. Tác phẩm được dịch ra tiếng Việt năm 1996.

Văn bản ***Nghệ thuật truyền thống của người Việt*** được trích từ phần 3, chương 12 của cuốn sách *Văn minh Việt Nam*, nguyên có nhan đề là *Nghệ thuật*.

(*) Nhóm biên soạn đã hiệu chỉnh một số chỗ về diễn đạt, căn cứ vào nguyên văn tiếng Pháp của tác giả Nguyễn Văn Huyên.

(1) *Công lịch*: lịch được quốc tế dùng làm lịch chính thức, xác định năm bắt đầu là năm Chúa Giê-su (Jesus) ra đời.

(2) *Bắc Kì, Trung Kì*: tên gọi cũ của miền Bắc và miền Trung Việt Nam có từ triều vua Minh Mạng (thời Nguyễn) và được duy trì suốt thời Pháp thuộc.

Trả lời câu hỏi

1. Qua đọc văn bản và những thông tin được cung cấp ở phần giới thiệu tác phẩm, bạn hiểu như thế nào về mục đích viết của tác giả? Câu hay đoạn nào trong văn bản giúp bạn nhận rõ điều này?
2. Vẽ sơ đồ tóm tắt các thông tin chính của văn bản.
3. Chỉ ra và phân tích tác dụng của những yếu tố miêu tả, biểu cảm, nghị luận được sử dụng trong văn bản.
4. Việc đưa thông tin về từng đối tượng cụ thể trong văn bản có điểm gì đáng chú ý? Nêu điều bạn có thể rút ra về cách triển khai thông tin trong văn bản thông tin.
5. Hãy nêu và phân tích một nhận xét mà bạn tâm đắc nhất trong văn bản. Vì sao bạn tâm đắc với nhận xét đó?
6. Đối chiếu những thông tin được học giả Nguyễn Văn Huyên trình bày trong văn bản với một tác phẩm mĩ thuật hay một công trình kiến trúc của Việt Nam mà bạn biết, từ đó, rút ra nhận xét về sự bảo lưu hay đổi mới những đặc điểm và tinh thần truyền thống ở tác phẩm hay công trình ấy.

Kết nối đọc – viết

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) tóm tắt những thông tin mà bạn cho là thú vị sau khi đọc văn bản *Nghệ thuật truyền thống của người Việt*.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

VĂN BẢN 3

Phục hồi tầng ozone: Thành công hiếm hoi của nỗ lực toàn cầu

Lê My

- *Bạn có hay theo dõi tin tức không? Bạn thường theo dõi tin tức trên những kênh truyền thông nào và quan tâm đến những gì khi tiếp nhận tin tức?*
- *Bạn biết gì về tầng ozone và đã bao giờ nghe về việc tầng ozone bị thủng?*

Nếu đã lâu rồi bạn không nghe thấy tin tức gì về tầng ozone, đó là vì tình hình đang khá sáng sủa. Câu chuyện phục hồi và bảo vệ tầng ozone đã chứng tỏ rằng khi khoa học và quyết tâm chính trị hợp lực, thế giới có thể thay đổi vận mệnh của mình.

Nhan đề và những thông tin trong phần sa-pô của văn bản có gì đáng chú ý?

Năm 1985, các nhà khoa học khí quyển ở Nam Cực phát hiện một điều đáng lo ngại: tầng ozone đang trên đà biến mất trong vòng mấy mươi năm tới. Từ đây, cộng đồng quốc tế bắt đầu thảo luận và hành động – với một tốc độ chưa từng có.

Chỉ hai năm sau đó, vào ngày 16/9/1987, Nghị định thư[1] Mông-tơ-rê-an (Montreal) về các chất làm suy giảm tầng ozone được thông qua. Tua nhanh đến ngày hôm nay: tầng ozone đang trên đà hồi phục, trở thành phông nền xán lạn cho một câu chuyện đầy cảm hứng và nhiều bài học về nhân loại, gợi mở cho chúng ta những con đường để giải quyết các khủng hoảng môi trường khác.

Khoa học vào vai thám tử

Theo dõi thông tin về tầng ozone và vai trò của nó.

Tầng ozone nằm ở độ cao khoảng 15 – 40 km so với bề mặt Trái Đất, thuộc tầng bình lưu[2] và có vai trò như một lớp "kem chống nắng" che chắn cho hành tinh khỏi tia cực tím (UV). Nếu không có lá chắn này, ánh nắng mặt trời sẽ trở nên cực kì nguy hiểm với con người và hầu hết các loài động, thực vật. Đặc biệt, tia UV-B (thứ làm cho da bị cháy nắng) ở cường độ cao có thể dẫn đến nhiều loại ung thư.

(1) *Nghị định thư*: một loại điều ước quốc tế được kí kết giữa các quốc gia về một vấn đề nào đó liên quan đến kinh tế, chính trị, văn hoá,... Nghị định thư là văn kiện phụ của một hiệp định, cụ thể hoá những điểm chỉ được trình bày khái quát trong hiệp định và nêu lên phương thức và các biện pháp thi hành.

(2) *Tầng bình lưu*: một tầng của bầu khí quyển trên Trái Đất, nằm ở độ cao vào khoảng 16 – 50 km.

Vào những năm 1970, các nhà nghiên cứu nhận thấy tầng ozone dường như đang mỏng đi, đặc biệt là xung quanh hai cực. Hai nhà nghiên cứu Ma-ri-ô Mô-li-nơ (Mario Molina) và Se-ri Rao-lân (Sherry Rowland) xác định được "nghi phạm" chính: các hợp chất nhân tạo chlorofluorocarbon (viết tắt là CFC).

Chú ý thông tin về hợp chất CFC.

Hợp chất CFC đầu tiên ra mắt thế giới vào năm 1930, được xem là hoá chất hoàn hảo: rẻ tiền, nhiều ứng dụng (chất đẩy trong bình xịt sơn, chất làm lạnh trong máy lạnh, tủ lạnh) và không tham gia phản ứng hoá học.

Hai nhà khoa học Mô-li-nơ và Rao-lân đã phát hiện sự thật gì về chất CFC?

Dù biết CFC bay hơi và tích tụ trong bầu khí quyển nhưng người ta cho rằng chúng "trơ" về mặt hoá học nên có sao đâu! Mô-li-nơ và Rao-lân đã khám phá ra một sự thật hoàn toàn trái ngược. Ở thượng tầng khí quyển, các phân tử khí CFC bị phân huỷ dưới tia UV. Sau đó, mỗi nguyên tử Cl (clo) tự do sẽ "cướp lấy" một nguyên tử O, khiến O_3 (khí ozone) nay chỉ còn là O_2 (khí oxygen), tức là "bào" lớp ozone.

Nghiên cứu của Mô-li-nơ và Rao-lân được đăng trên tạp chí *Nature*[1] năm 1974, thúc đẩy nhiều tranh luận sôi nổi nhưng chưa thể thuyết phục các chính trị gia. Nhiều nhà nghiên cứu thì tin rằng sự suy giảm tầng ozone sẽ chỉ là vấn đề của lớp cháu chắt vài thế kỉ về sau.

Mãi đến năm 1985, thế giới mới giật mình hiểu ra rằng tầng ozone đang tan biến nhanh hơn họ tưởng. Kết quả đo đạc của nhà địa – vật lí Giô-dép Pha-mơn (Joseph Farman) và các đồng nghiệp đã xác nhận một lỗ thủng tầng ozone ở Nam Cực. Cần nhớ là về mặt kĩ thuật, tầng ozone không phải bị "thủng lỗ" như một mảnh vải – tại lỗ thủng vẫn tồn tại khí ozone nhưng nồng độ đã bị suy giảm đáng kể.

Trước đó, giới khoa học cho rằng quá trình phá vỡ ozone sẽ bị kìm hãm trong tự nhiên, bởi xét cho cùng CFC chỉ giải phóng một lượng ít nguyên tử Cl nếu so với sự bao la của cả bầu khí quyển.

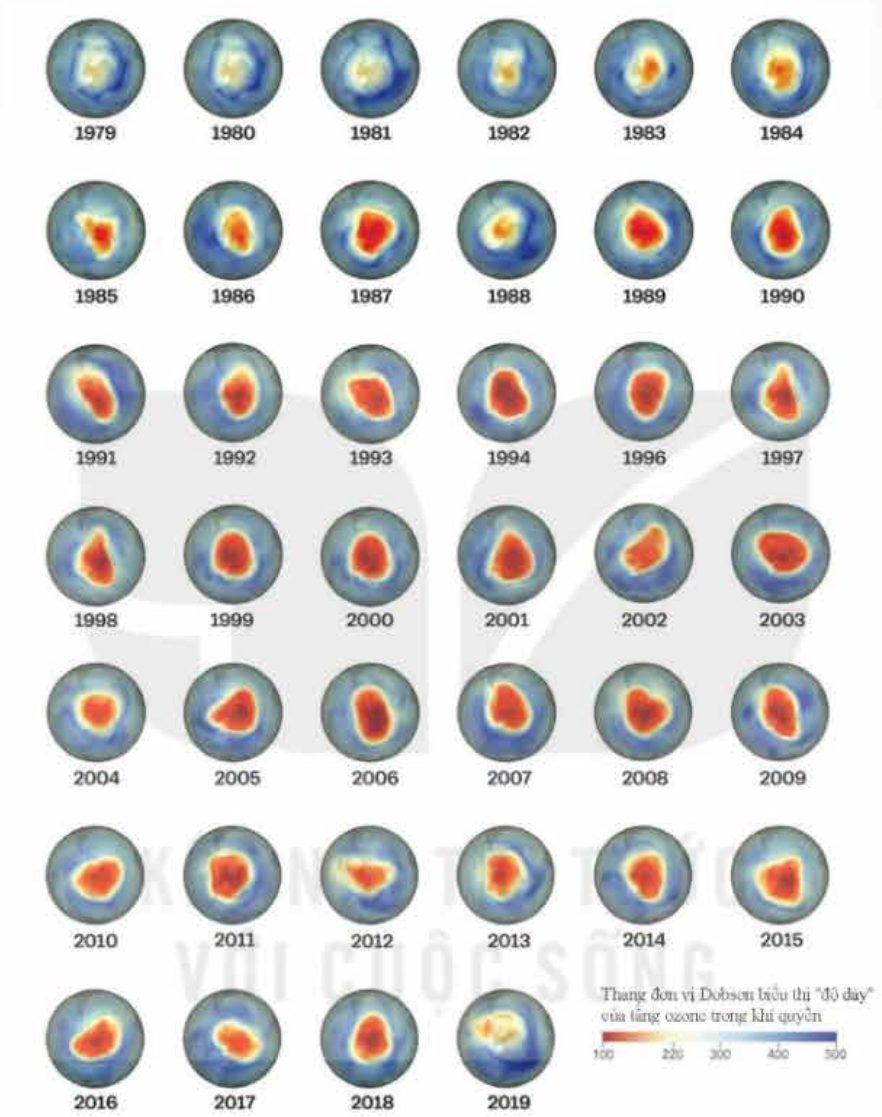
Những tổn hại to lớn mà chất CFC gây ra đối với tầng ozone đã được diễn giải như thế nào?

Vậy điều gì đã khiến sự tổn hại thực tế lại lớn đến thế? Trong những năm tiếp theo, nhà hoá học khí quyển Xu-dân Xô-lơ-mơn (Susan Solomon) đã dẫn đầu các cuộc thám hiểm ở Nam Cực để tìm câu trả lời. Nhóm của bà khám phá ra rằng: ClO – hình thành từ sự tương tác giữa nguyên tử Cl và O_3 – sau đó sẽ bị phá vỡ, nguyên tử Cl trở lại trạng thái tự do để tiếp tục tổn hại tầng ozone.

"Ta có thể phá huỷ hàng trăm nghìn phân tử ozone chỉ bằng một nguyên tử Cl từ một phân tử CFC, trong suốt khoảng thời gian chất này nằm ở tầng bình lưu" – Xu-dân Xô-lơ-mơn chia sẻ trong một chương trình podcast[2] của Viện Nghiên cứu Tương lai Sự sống.

(1) *Nature*: tạp chí khoa học ra hằng tuần, có trụ sở tại Luân Đôn, Anh.
(2) *Podcast*: tập tin âm thanh hoặc video số mà người dùng có thể tải về.

Như vậy, tầng ozone có thể suy giảm nhanh chóng và vượt khỏi tầm kiểm soát. Giới khoa học đã nhanh chóng vào cuộc. Sau khi đã "chẩn bệnh" – xác định có một mối đe doạ hiện hữu và biết CFC là nguyên nhân, bước tiếp theo là "chữa bệnh" – thuyết phục thế giới hành động để giải quyết vấn đề này. May mắn là thế giới đã lắng nghe.



Hình ảnh mô phỏng lỗ thủng tầng ozone ở Nam Cực giai đoạn 1979 – 2019

Nguồn: Đài quan sát Trái Đất NASA

Đồng lòng

Năm 1986, Liên hợp quốc bắt đầu đàm phán về một hiệp ước xoá sổ các hoá chất có hại cho tầng ozone – chủ yếu là CFC. Một trong những tiếng nói chính trong các cuộc đàm phán là

Liên hợp quốc đã có những nỗ lực gì nhằm xoá sổ các hoá chất có hại cho tầng ozone?

Xti-phần An-đơ-sơn (Stephen Andersen), khi đó là chuyên gia của Cơ quan Bảo vệ môi trường Mỹ. Nhóm của ông đã vạch ra hàng trăm giải pháp – một cách có hệ thống – để loại bỏ dần CFC từ hàng trăm lĩnh vực công nghiệp, giúp việc chuyển đổi trở nên dễ dàng và khả thi trên toàn thế giới. Nghị định thư Mông-tơ-rê-an có hiệu lực từ năm 1989 và đến tận năm 2008 là hiệp định môi trường đầu tiên và duy nhất của Liên hợp quốc được mọi quốc gia trên thế giới phê chuẩn!

Nhờ sự tẩy chay của người tiêu dùng, sự quyết liệt của giới chính trị và nguồn đầu tư vào công nghệ mới để tìm giải pháp thay thế, phần lớn thế giới đã nhanh chóng ngừng sản xuất CFC trong thập niên 1990. Việc loại bỏ các thiết bị sử dụng CFC thì mất nhiều thời gian hơn.

Theo Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP), khoảng 99% các chất làm suy giảm tầng ozone đã bị "khai tử", và lá chắn "chống nắng" của Trái Đất đang dần hồi phục. Chúng ta có thể kì vọng lỗ thủng ozone ở Nam Cực sẽ "đóng lại" vào khoảng năm 2060. Đến năm 2030, ước tính khoảng 2 triệu người sẽ tránh được bệnh ung thư da mỗi năm. Đồng thời, tất cả nỗ lực này sẽ góp phần giảm thiểu biến đổi khí hậu.

Nhưng "bệnh" này của tầng ozone không phải điều trị một lần là xong. Mọi công việc vẫn phải tiếp diễn, trong đó các nhà khoa học là tuyến phòng thủ đầu tiên. Nghị định thư Mông-tơ-rê-an được hỗ trợ bởi ba hội đồng khoa học có nhiệm vụ thông tin cho các nhà hoạch định chính sách.

[...] Trong tháng Chín vừa qua, giải thưởng Future of Life (Tương lai Sự sống) năm 2021 đã vinh danh ba nhân vật giữ vai trò quan trọng trong công cuộc khôi phục tầng ozone: Giô-dép Pha-mơn – người xác nhận lỗ thủng ozone, Xu-dân Xô-lơ-mơn – người lí giải tốc độ phá hoại của CFC và Xti-phần An-đơ-sơn – người thúc đẩy Nghị định thư Mông-tơ-rê-an. Giải thưởng thường niên này của Viện Nghiên cứu Tương lai Sự sống được trao cho những anh hùng thầm lặng đã giúp thế giới của chúng ta an toàn hơn, đáng sống hơn. Giáo sư Ma-ri-ô Mô-li-nơ và Se-ri Rao-lân cũng chia sẻ giải Nô-ben (Nobel) Hoá học năm 1995 (cùng một người nữa là Pôn Cờ-rớt-dân – Paul Crutzen) nhờ các khám phá trong hoá học khí quyển, đặc biệt là liên quan đến sự hình thành và phân huỷ của tầng ozone.

Câu chuyện thành công này cho thấy: có những cá nhân cụ thể đã "kích hoạt" quá trình thay đổi quỹ đạo của nhân loại, nhưng cần nhớ rằng chính công chúng, sự đồng thuận quốc tế và hành động nhất quán toàn cầu mới là năng lượng bền bỉ của cuộc chiến.

Những nhân tố nào làm nên thành công của nỗ lực hồi phục tầng ozone?

(Theo báo *Tuổi Trẻ Cuối Tuần*, ngày 24/10/2021)

Trả lời câu hỏi

1. Thông tin chính của văn bản là gì? Đó là thông tin khoa học hay thông tin thời sự chính trị? Vì sao?
2. Hãy nhận xét về cách đặt nhan đề và cách triển khai nội dung của văn bản.
3. Theo bạn, ngôn ngữ của văn bản này đã đáp ứng được những yêu cầu nào của một bản tin? Bạn có đồng tình khi người đưa tin coi nhà nghiên cứu khoa học là "thám tử", "tuyến phòng thủ", và nỗ lực phục hồi tầng ozone là "cuộc chiến"?
4. Hãy đánh giá tính hiệu quả của việc đưa phương tiện phi ngôn ngữ vào văn bản.
5. Nêu quan điểm chính của tác giả bài viết. Hãy bàn luận về quan điểm ấy.
6. Hãy tìm hiểu một số vấn đề trên thế giới hiện nay cần đến những nỗ lực toàn cầu và chỉ ra những lí do dẫn đến sự thành công hay chưa thành công trong việc giải quyết những vấn đề ấy.
7. Từ hai văn bản *Phục hồi tầng ozone: Thành công hiếm hoi của nỗ lực toàn cầu* (Lê My) và *Sự sống và cái chết* (Trịnh Xuân Thuận), bạn suy nghĩ gì về sự tồn vong của nhân loại và Trái Đất?
8. Theo bạn, thế nào là một bản tin có giá trị?

Kết nối đọc – viết

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) nêu suy nghĩ của bạn về giải pháp làm giảm rác thải nhựa trên toàn cầu.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ

1. Quan sát hình ảnh (trang 86) trong văn bản *Phục hồi tầng ozone: Thành công hiếm hoi của nỗ lực toàn cầu* và cho biết:

a. Những thông tin gì được cung cấp trong hình ảnh?

b. Các thông tin đó được trình bày như thế nào?

c. Tác dụng của hình ảnh này là gì?

2. Quan sát sơ đồ và cho biết:



Nguồn: *https://dulichbavi.com.vn*

a. Ngoài các phương tiện ngôn ngữ, sơ đồ trên còn sử dụng những phương tiện nào khác?

b. Những phương tiện đó được trình bày như thế nào và biểu đạt thông tin gì?

c. Những phương tiện phi ngôn ngữ và những phương tiện ngôn ngữ trong sơ đồ có quan hệ với nhau như thế nào?

d. Những phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng trong sơ đồ có tác dụng gì?

VIẾT

Viết một văn bản nội quy hoặc văn bản hướng dẫn nơi công cộng

Trong cuộc sống, có rất nhiều tình huống đòi hỏi bạn phải viết các văn bản nội quy, hướng dẫn nơi công cộng, ví dụ: viết nội quy lớp học, nội quy câu lạc bộ, hướng dẫn tham gia các sự kiện hay hoạt động tập thể,... Việc xây dựng được văn bản nội quy, hướng dẫn chuẩn mực sẽ giúp bạn và những người xung quanh hiểu rõ quy tắc ứng xử trong những không gian công cộng, quyền và trách nhiệm của mỗi cá nhân để cùng hành động, nhằm tạo nên một môi trường an toàn, trật tự.

Yêu cầu

- Văn bản phải có cấu trúc chặt chẽ, phù hợp với mẫu cấu trúc chung của văn bản nội quy hoặc văn bản hướng dẫn nơi công cộng.
- Nội dung văn bản thể hiện rõ những hành vi cần thực hiện hoặc không được thực hiện trong không gian công cộng, phù hợp với yêu cầu, quy định của cơ quan, tổ chức ban hành, phù hợp với quy định của pháp luật.
- Ngôn ngữ khách quan, chính xác, rõ ràng, dễ hiểu.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Văn bản tham khảo

SỞ VĂN HOÁ VÀ THỂ THAO TỈNH NINH BÌNH
Trung tâm Bảo tồn di tích lịch sử – văn hoá cố đô Hoa Lư

Tên của tổ chức ban hành nội quy

NỘI QUY KHU DI TÍCH LỊCH SỬ – VĂN HOÁ CỐ ĐÔ HOA LƯ

Tên nội quy

Căn cứ Luật Di sản Văn hoá và các văn bản hướng dẫn thi hành,

Lời dẫn

Trung tâm Bảo tồn di tích lịch sử – văn hoá cố đô Hoa Lư yêu cầu quý khách đến tham quan, các tổ chức, cá nhân làm kinh doanh, dịch vụ trong khu vực di tích lịch sử – văn hoá cố đô Hoa Lư thực hiện nghiêm các quy định sau:

I. Quy định chung:

1. Mọi người đến tham quan, làm kinh doanh, dịch vụ phải có trách nhiệm giữ an ninh, trật tự, vệ sinh môi trường, bảo vệ cảnh quan, thực hiện nếp sống văn hoá, văn minh, chấp hành các quy định về phòng chống cháy nổ. Không mang các loại chất nổ, chất cháy, vũ khí vào trong khu vực di tích.
2. Trang phục lịch sự, giữ yên tĩnh, trật tự trong nội tự đền và những nơi tôn nghiêm. Không quay phim, chụp ảnh trong nội tự đền, trừ trường hợp được cấp có thẩm quyền cho phép.
3. Cấm mọi hình thức xâm phạm vào các hiện vật, hái hoa, bẻ cành, viết, vẽ lên các công trình kiến trúc.
4. Không hút thuốc lá nơi công cộng, tự ý thắp hương trong nội tự đền và những nơi dễ xảy ra cháy nổ.
5. Cấm sử dụng mọi loại xe đi lại trong khuôn viên đền và những nơi quy định.

II. Đối với khách tham quan:

1. Quý khách tham quan khu di tích phải mua vé theo quy định, giữ vé để xuất trình khi có yêu cầu kiểm tra của nhân viên công vụ.
2. Quý khách có nhu cầu thuyết minh xin liên hệ với Trung tâm Bảo tồn di tích lịch sử – văn hoá cố đô Hoa Lư theo số điện thoại: 02293620099.

III. Đối với các tổ chức, cá nhân làm kinh doanh, dịch vụ:

1. Phải đăng kí hành nghề với cơ quan có thẩm quyền và cam kết chấp hành nội quy khu di tích.
2. Làm kinh doanh, dịch vụ đúng nơi quy định, chấp hành sự sắp xếp, điều hành của cơ quan quản lí di tích và chính quyền địa phương.
3. Người hành nghề đã được cấp có thẩm quyền cấp phép, cấp thẻ, khi hành nghề phải đeo thẻ và chấp hành việc kiểm tra của nhân viên công vụ.
4. Phải có thái độ cư xử văn minh, lịch sự đối với du khách, không tranh giành, chèo kéo, nài ép, đeo bám và có các hành vi thiếu văn hoá khác đối với du khách để bán hàng, chụp ảnh, đổi tiền, xin tiền,…

IV. Giờ mở cửa đền:

- Mùa hè: Từ 6h00 đến 18h30.
- Mùa đông: Từ 6h30 đến 18h00.

Trung tâm Bảo tồn di tích lịch sử – văn hoá cố đô Hoa Lư

(Nguồn: *http://codohoalu.vn*)

Nội dung của các quy định

1. Vì sao văn bản trên được xem là văn bản nội quy, hướng dẫn nơi công cộng?

2. Khi soạn văn bản nội quy hoặc văn bản hướng dẫn, việc dự tính được những hành vi không mong muốn có thể xảy ra nơi công cộng có ý nghĩa như thế nào?

Thực hành viết

Chuẩn bị viết

– Xác định cơ quan, tổ chức chịu trách nhiệm viết nội quy, hướng dẫn.

– Xác định đối tượng người đọc và thực hiện nội quy, hướng dẫn: Mỗi văn bản nội quy, hướng dẫn đều hướng tới đối tượng người đọc nhất định. Ví dụ: Nội quy sử dụng thư viện trong trường học hướng tới đối tượng người đọc là giáo viên, học sinh; nội quy của bảo tàng, di tích hướng tới đối tượng người đọc là khách tham quan thuộc nhiều độ tuổi, nhiều quốc tịch, với nhiều trình độ văn hoá khác nhau,... Việc xác định đúng đối tượng sẽ giúp người viết lựa chọn được hình thức trình bày văn bản và ngôn ngữ phù hợp với người đọc.

– Xác định mục đích của văn bản nội quy, hướng dẫn: Mỗi văn bản nội quy, hướng dẫn thường định hướng một số nhóm hành vi nhất định. Ví dụ: hướng dẫn quy trình trả và mượn sách trong thư viện, hướng dẫn tham quan bảo tàng,...

– Liệt kê tất cả yêu cầu, quy định đối với người đọc (cũng là người đến và tham gia sinh hoạt nơi công cộng) và sắp xếp các yêu cầu, quy định đó theo trật tự logic.

Tìm ý, lập dàn ý

Tuân thủ cấu trúc của văn bản nội quy, hướng dẫn:

– Tên của tổ chức ra thông báo: Được viết ở góc trái, phía trên của văn bản.

– Tên của bản nội quy: Nêu rõ không gian công cộng và nhóm hành vi được yêu cầu (nội quy sử dụng thư viện, nội quy tham quan bảo tàng,...) được viết bằng chữ in hoa, khổ lớn.

– Lời dẫn: Là câu dẫn dắt vào nội dung cụ thể của nội quy, hướng dẫn.

– Các mục: Nêu rõ các yêu cầu, quy định của tổ chức, các hành vi cần được thực hiện hoặc không được phép thực hiện. Mỗi mục thường được đánh dấu bằng các kí hiệu như số thứ tự, gạch đầu dòng,...

Viết

– Sử dụng các câu mệnh lệnh với những động từ chỉ rõ hoạt động cần thực hiện hoặc không được thực hiện.

– Tách các đoạn văn dài thành các câu ngắn, có cấu trúc đơn giản.

– Sử dụng các kí hiệu như số thứ tự, gạch đầu dòng để giúp người đọc dễ theo dõi.

– Sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ như hình ảnh, biểu tượng, sơ đồ,... để hỗ trợ việc nắm bắt thông tin của người đọc.

Chỉnh sửa, hoàn thiện

Chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết theo các tiêu chí sau:

– Tuân thủ cấu trúc của văn bản nội quy, hướng dẫn.

– Sử dụng ngôn ngữ phù hợp, đúng quy cách.

– Sắp xếp các nội dung theo trình tự hợp lí.

NÓI VÀ NGHE

Thảo luận về văn bản nội quy hoặc văn bản hướng dẫn nơi công cộng

Yêu cầu

- Làm rõ sự cần thiết và ý nghĩa của văn bản nội quy hoặc văn bản hướng dẫn nơi công cộng.
- Đánh giá được văn bản trên các tiêu chí: tính mạch lạc, logic của bố cục; sự tường minh của các điều khoản; tính chuẩn mực của ngôn ngữ diễn đạt và chính tả; sự hợp lí của các hình ảnh, logo được sử dụng; hiệu quả tác động vào thị giác của phông chữ, màu chữ;...
- Nêu được phương án chỉnh sửa cụ thể để có văn bản hoàn thiện.

Chuẩn bị thảo luận

Chuẩn bị nói

Lựa chọn đề tài

Nhóm học tập hoặc cả lớp lựa chọn một văn bản nội quy hoặc một văn bản hướng dẫn nơi công cộng để thảo luận (văn bản được chọn có thể là sản phẩm của hoạt động viết, văn bản tự sưu tầm hay văn bản mới mà cả nhóm, lớp dự định cùng nhau xây dựng).

Tìm ý và sắp xếp ý

Để ý kiến thảo luận có chất lượng, bạn cần chú ý nhận xét chung về văn bản hay nhận xét về từng phương diện của văn bản: tiêu đề, bố cục, các điều khoản hoặc các ý hướng dẫn, cách trình bày văn bản về mặt hình thức,... Chú ý phác thảo một văn bản hoàn thiện hơn theo ý kiến cá nhân.

Xác định từ ngữ then chốt

Đối với dạng hoạt động thảo luận về một văn bản nội quy hoặc văn bản hướng dẫn nơi công cộng, cần chú ý sử dụng các từ ngữ then chốt như: theo tôi, theo ý kiến của tôi, văn bản này đã quy định, những điều khoản trong văn bản,...

Phương tiện hỗ trợ

Chuẩn bị phần trình chiếu và văn bản được đưa ra thảo luận (hoặc văn bản đang được phác thảo, cần trưng cầu ý kiến tập thể để hoàn thiện).

Chuẩn bị nghe

Người nghe đọc lại các yêu cầu đối với văn bản nội quy, văn bản hướng dẫn nơi công cộng, ghi chép một cách vắn tắt các tiêu chí để làm cơ sở cho việc đánh giá, góp ý về ý kiến thảo luận. Nếu người nói cung cấp trước văn bản, bạn có thể phác thảo các ý tưởng thảo luận để góp phần xây dựng được một văn bản hoàn thiện hơn.

Thảo luận

Người nói	Người nghe
• Trình bày ý kiến: – *Mở đầu*: Trước khi trình bày nội dung chính, cần thuyết minh cụ thể mục đích và bối cảnh sử dụng của văn bản nội quy hoặc văn bản hướng dẫn nơi công cộng. – *Triển khai*: Kết hợp nhịp nhàng giữa phần nói và phần trình chiếu văn bản, bảng biểu, sơ đồ, hình ảnh,... – *Kết luận*: Nhấn mạnh các điểm mấu chốt cần được trao đổi, thảo luận thêm trong văn bản nội quy hoặc văn bản hướng dẫn nơi công cộng. • Tiếp thu trao đổi: – Thể hiện được tinh thần cầu thị. – Bảo vệ ý kiến của mình, làm rõ thêm những điều còn khiến người nghe băn khoăn.	– Nắm bắt đúng nội dung ý kiến của người nói. – Nêu nhận xét về ý kiến tham gia thảo luận. – Đặt câu hỏi để người nói làm rõ thêm về ý kiến đã phát biểu.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Để cuộc thảo luận đạt hiệu quả mong muốn, người nói, người nghe cần tự đánh giá và đánh giá về ý kiến thảo luận theo các nội dung trong bảng sau:

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Nêu được những yêu cầu về thể thức đối với một văn bản nội quy hoặc văn bản hướng dẫn nơi công cộng.		
2	Nêu được nhận xét xác đáng về ưu điểm, nhược điểm của văn bản đưa ra thảo luận.		
3	Các ý tưởng được trình bày một cách rõ ràng và thuyết phục.		
4	Các phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng hợp lí.		
5	Thực hiện việc đối thoại trên tinh thần hợp tác, tạo ra không khí thảo luận cởi mở, có tính xây dựng.		
6	Thống nhất được với những người tham gia thảo luận về phương án sửa chữa, hoàn thiện văn bản.		

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG

1. Tổng hợp thông tin về các văn bản đã học trong bài theo gợi ý sau:

Tên văn bản	Tên tác giả	Thông tin chính	Các bằng chứng, số liệu

2. Tìm đọc thêm một số văn bản thông tin về sự sống trên Trái Đất và hoạt động bảo vệ môi trường. So sánh các thông tin đó với thông tin mà bạn đã học trong các văn bản trên.
3. Sưu tầm một số nội quy, văn bản hướng dẫn ở trường học hoặc địa phương nơi bạn sinh sống để tham khảo cách viết loại văn bản này.
4. Soạn thảo một bản nội quy về việc sử dụng thư viện của lớp hoặc trường và đưa ra trao đổi cùng các bạn.

THỰC HÀNH ĐỌC

Một số điều cần lưu ý khi đọc văn bản:

- Xác định thông tin chính của văn bản.
- Tìm hiểu điểm nhìn của tác giả khi quan sát và phân tích tính cách của cây.
- Đánh giá ý nghĩa của yếu tố miêu tả được sử dụng trong văn bản.
- Rút ra được thông điệp của văn bản và bài học ứng xử cần thiết đối với cây cối.

Tính cách của cây(*)

(Trích *Đời sống bí ẩn của cây*)

Pê-tơ Vô-lơ-lê-ben (Peter Wohlleben)(1)

Trên con đường thôn dã nằm giữa làng Hum-men (Hummel) quê tôi và thị trấn nhỏ kế bên trong thung lũng A-hơ (Ahr) có ba cây sồi. Dáng chúng uy nghi nổi bật giữa đồng không mông quạnh, và tên khu vực đó được đặt theo chúng. Chúng mọc gần nhau đến bất thường: những thân cây đã một trăm năm tuổi này cách nhau chỉ vài inch(2). Điều đó khiến chúng trở thành vật nghiên cứu lí tưởng của tôi, vì điều kiện môi trường của cả ba cây đều giống hệt nhau. Đất, nước, vi khí hậu địa phương – trong khu vực chỉ vài yard(3), bộ ba yếu tố này ở mỗi cây sẽ không thể khác nhau được. Điều này có nghĩa là nếu những cây sồi ấy có hành vi khác nhau, thì chắc chắn là do chúng có tính cách bẩm sinh riêng của mình. Và thực sự, chúng có hành vi khác nhau!

Vào mùa đông, khi cây trụi lá, hoặc vào mùa hè, khi chúng đầy lá xanh, một người tài xế lái xe vụt qua nơi đó thường thậm chí không nhận ra đó là ba cây riêng biệt. Tán cây của chúng liên kết lại, hình thành nên một vòm lá to lớn. Những thân cây có

(*) Nhan đề đoạn trích do người biên soạn sách giáo khoa đặt.

(1) *Pê-tơ Vô-lơ-lê-ben*: người Đức, sinh năm 1964, chuyên viết về các chủ đề sinh thái, tham gia nhiều hoạt động nhằm phục hồi những khu rừng cổ đại và quản lí rừng một cách bền vững, là tác giả của các cuốn sách gây được nhiều tiếng vang như: *Đời sống bí ẩn của cây* (2015), *Đời sống nội tâm của loài vật* (2016), *Trí tuệ bí ẩn của tự nhiên* (2017), *Bạn có nghe tiếng cây trò chuyện* (2019),...

(2) *Inch*: đơn vị đo chiều dài của Anh, kí hiệu là in, 1 in = 2,54 cm.

(3) *Yard*: đơn vị đo chiều dài, kí hiệu là yd, được sử dụng trong hệ thống đo lường Anh và Mỹ, 1 yd = 0,91 m.

khoảng cách gần nhau này có thể mọc lên từ cùng một bộ rễ, chuyện này vẫn thỉnh thoảng xảy ra khi những cây gãy đổ bắt đầu mọc trở lại. Tuy nhiên, màu sắc mùa thu của bộ ba này cho thấy một câu chuyện rất khác. Trong khi cây sồi nằm bên phải đã sẵn sàng chuyển màu, thì cây nằm ở giữa và cây nằm bên trái vẫn hoàn toàn xanh mướt. Mất vài tuần thì hai kẻ chậm chạp này mới theo bước người hàng xóm của mình đi ngủ đông. Nhưng nếu điều kiện sinh trưởng của chúng là giống hệt nhau, thì điều gì đã dẫn đến sự khác biệt trong hành vi của chúng? Có vẻ như thời điểm rụng lá thực ra phụ thuộc vào vấn đề tính cách của cây.

Như chúng ta đã biết trong những chương trước, một cây rụng lá phải rơi đi những chiếc lá của mình. Nhưng khi nào là thời khắc tốt nhất? Cây không thể hình dung trước được mùa đông sắp đến sẽ như thế nào. Chúng không biết được lúc ấy thời tiết sẽ khắc nghiệt hay ôn hoà. Tất cả những gì cây nhận biết được là ngày đang ngắn dần và nhiệt độ đang thấp xuống. Nếu nhiệt độ đang hạ thấp, vậy đúng là mùa đông rồi. Trong mùa thu, thường có những ngày ấm lên trái tiết và lập tức ba cây sồi rớt vào thế tiến thoái lưỡng nan. Chúng có nên tận dụng những ngày ôn hoà ấy để quang hợp lâu hơn một chút và nhanh chóng cất trữ đi ít calo từ đường kiếm thêm được này không? Hay chúng nên thận trọng và rụng lá đi để phòng khi đông giá bất chợt ập đến buộc chúng phải ngủ đông? Rõ ràng là mỗi cây trong ba cây ấy quyết định mỗi khác.

Cây nằm bên phải căng thẳng hơn hai cây kia một chút, hoặc nói một cách tích cực hơn, nó khôn ngoan hơn hai cây kia. Lương thực dự trữ thêm thì có ích lợi gì nếu bạn không kịp rụng lá và phải trải qua đông với hiểm hoạ chết chóc chứ? Vì thế, tống khứ mớ lá đúng lúc và tiếp tục tiến vào cõi mộng đi! Hai cây sồi còn lại thì có phần bạo gan hơn. Ai biết được mùa xuân kế tiếp sẽ mang đến những gì chứ, hoặc đợt tấn công bất thình lình của lũ côn trùng sẽ lấy đi bao nhiêu năng lượng và lượng dự trữ sẽ còn thừa được bao nhiêu sau đấy chứ? Do đó, chúng đơn giản giữ màu xanh của mình lâu hơn và đổ đầy ắp những thùng chứa nằm dưới vỏ và rễ của chúng. Cho đến bây giờ, hành vi này vẫn luôn đem đến phần thưởng tốt đẹp cho chúng, nhưng ai biết được sẽ còn ổn thoả trong bao lâu? Do thay đổi khí hậu, khí hậu mùa thu sẽ giữ ở mức cao trong thời gian lâu hơn, và lâu hơn nữa, và canh bạc giữ lại lá sẽ kéo dài đến tháng Mười Một. Suốt thời gian đó, những cơn bão mùa thu sẽ bắt đầu đúng giờ vào tháng Mười như trước đây, vì vậy nguy cơ bị thổi ngã trong khi vẫn còn nguyên lá trên cây sẽ xuất hiện. Theo ước tính của tôi, những cây thận trọng hơn sẽ có cơ hội sống sót tốt hơn trong tương lai.

Bạn có thể thấy điều tương tự ở thân của những cây rụng lá và những cây lãnh sam bạc[1]. Theo sổ tay quy ước mặc nhận[2] của cây cối, thân cây nên cao và nhẵn nhụi,

---

(1) *Lãnh sam bạc*: một loại cây thuộc họ thông, có thân gỗ, lá thường xanh, chủ yếu phân bố ở vùng khí hậu ôn đới.

(2) *Mặc nhận*: chấp nhận như một điều tất yếu, không cần phải tranh cãi.

tức là không có cành mọc ra ở nửa thân dưới của cây. Điều đó hợp lí vì không có nhiều ánh sáng chiếu đến phần dưới. Vì không cần xử lí ánh sáng mặt trời, nên những phần cơ thể không cần thiết – những phần chỉ biết dùng sạch thức ăn, đơn giản sẽ bị ngừng hoạt động. Điều này khá giống với cơ bắp của chúng ta – thứ sẽ bị cơ thể chúng ta giảm kích thước khi không được sử dụng đến nhằm tiết kiệm calo. Nhưng cây không thể tự tháo cành của mình ra; chúng chỉ cần để cành chết đi là được. Phần còn lại sẽ được nấm lo tất – nấm sẽ tấn công gỗ ngay khi gỗ chết đi. Đến thời điểm nào đó, cành sẽ mục nát, gãy rời và cuối cùng được "tái chế" thành đất mùn.

Lúc này thì cây gặp rắc rối ngay chỗ cành cây gãy xuống. Nấm có thể dễ dàng phát triển sâu hơn vào trong thân vì chỗ ấy không có lớp vỏ cây bảo vệ – ít nhất là giờ thì chưa kịp có. Nhưng cây có thể thay đổi điều này. Nếu cành không quá to (bề ngang tối đa một inch), thì cây chỉ cần vài năm để khép chỗ hở ấy lại. Sau đó, cây có thể làm khu vực đó đẫm nước từ bên trong, nhờ đấy giết chết nấm. Nhưng nếu cành cây quá to, thì quy trình này sẽ diễn ra rất lâu. Vết thương hở miệng trong hàng thập kỉ, mở ra cánh cổng để bọn nấm tiến đến và xâm nhập sâu vào trong gỗ. Thân cây sẽ mục dần và trong tình huống xấu nhất, sẽ trở nên ít vững chắc hơn. Và đó chính là lí do sổ tay quy ước mặc nhận yêu cầu phần thân thấp bên dưới chỉ được mọc những cành mảnh khảnh. Một khi những cành này rơi xuống lúc cây lớn lên, thì chúng cần được thay thế dù trong bất cứ hoàn cảnh nào. Thế nhưng đó lại chính là điều mà chỉ có một vài cây chịu làm.

Khi một hàng xóm lân cận chết đi, một số cây sử dụng ánh sáng lọt xuống để mọc ra những chồi non phía dưới. Chúng mọc ra những cành to – thứ ban đầu sẽ mang lại rất nhiều lợi ích. Những cây này giờ có thể tận dụng cơ hội quang hợp ở hai nơi cùng một lúc: trên tán và phần thân bên dưới. Nhưng một ngày nào đó, có lẽ là hai mươi năm sau, những cây khác mọc xung quanh đó sẽ tăng kích thước tán lá nhiều đến nỗi khép kín khoảng trống trên vòm rừng. Một lần nữa, những tầng bên dưới sẽ tối om, và những cành cây to đấy sẽ chết. Lúc ấy, những cây này sẽ trả giá đắt cho thói thèm khát ánh mặt trời. Như tôi vừa mô tả, nấm khi đó sẽ "hành quân" sâu vào trong thân của những cây ngu ngốc này và khiến chúng gặp nguy hiểm. Vào lần kế tiếp bạn dạo bước trong rừng, bạn có thể tự mình kiểm tra để thấy rằng hành vi này thật ra là lựa chọn cá nhân, do đó, thật ra cũng là vấn đề tính cách ở mỗi cây. Hãy nhìn những cây mọc xung quanh một khoảng rừng trống nhỏ. Tất cả đều bị dụ dỗ làm điều ngu ngốc như mọc ra những cành mới trên thân, nhưng chỉ một vài cây đầu hàng trước sự mê hoặc này. Những cây còn lại vẫn giữ thân của chúng thật nhẫn nhụi và tránh xa mối nguy có thể đoán trước.

(Pê-tơ Vô-lơ-lê-ben, Thanh Vy dịch, *Đời sống bí ẩn của cây*,
NXB Thế giới – Công ti TNHH MTV Sách Phương Nam,
Hà Nội, 2019, tr. 149 – 152)

Bài 9 HÀNH TRANG CUỘC SỐNG

Yêu cầu cần đạt

- Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử hoặc bối cảnh văn hoá, xã hội của văn bản; nêu được ý nghĩa của văn bản đối với quan niệm sống của bản thân.
- Nhận biết và đánh giá được tác dụng của các phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản.
- Viết được một bài luận về bản thân.
- Biết thuyết trình về một vấn đề xã hội có sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ với phương tiện phi ngôn ngữ.
- Có ý thức làm chủ bản thân, phát triển hài hoà các mối quan hệ xã hội và có đóng góp tích cực cho đời sống của cộng đồng.

ĐỌC

TRI THỨC NGỮ VĂN

Biểu đồ, sơ đồ trong văn bản thông tin

Các **biểu đồ, sơ đồ** giúp thông tin trong văn bản trở nên cụ thể, trực quan, đồng thời cho thấy mối quan hệ logic giữa các thông tin. Có rất nhiều dạng biểu đồ, sơ đồ: biểu đồ tròn thường được dùng để thể hiện cơ cấu, các thành phần trong một tổng thể; sơ đồ Venn dùng để so sánh; biểu đồ thời gian dùng để biểu đạt sự phát triển; sơ đồ cây thể hiện hệ thống cấp bậc của thông tin;...

Bài luận về bản thân

Những tri thức học được qua sách vở và những trải nghiệm trong cuộc sống không chỉ giúp bạn hiểu biết thêm về con người và thế giới rộng lớn xung quanh, mà còn gợi cho bạn những suy ngẫm về bản thân: bạn là ai; mong muốn, ước mơ, niềm tin, giá trị sống của bạn là gì; đâu là thế mạnh của bạn; với tư cách là một cá nhân, bạn có mối quan hệ như thế nào với người khác, với thế giới tự nhiên; mỗi lựa chọn của bạn có tác động gì tới cuộc sống của chính bạn và của người khác,... Những suy nghĩ, quan điểm, kiến giải đó có thể được trình bày dưới dạng một bài luận về bản thân.

Bài luận về bản thân là một loại văn bản nghị luận, thể hiện quan điểm, chủ kiến của người viết, có lập luận chặt chẽ với lí lẽ và bằng chứng đáng tin cậy. Tuy nhiên, khác với

bài nghị luận thông thường, bài luận về bản thân hướng vào việc tự bày tỏ, tự soi xét và chia sẻ những trải nghiệm, suy nghĩ,... của chính người viết. Sự chân thành, sâu sắc trong suy ngẫm của người viết là yếu tố quan trọng nhất làm nên sức hấp dẫn của kiểu văn bản này. Viết một bài luận về bản thân là thực hành việc nhìn lại chính mình, tự ý thức về giá trị của chính mình – điều có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc chuẩn bị hành trang cuộc sống.

VĂN BẢN 1

Về chính chúng ta

(Trích *7 bài học hay nhất về vật lí*)

Các-lô Rô-ve-li (Carlo Rovelli)

Bạn suy nghĩ như thế nào về quan niệm cho rằng con người là chúa tể của tự nhiên?

[...] Chúng ta có vai trò gì không với tư cách là những con người biết nhận thức, ra quyết định, cười và khóc, trong toàn cảnh thế giới vĩ đại mà vật lí đương đại mô tả? Nếu thế giới là một[1] đám lượng tử phù du của không gian và vật chất, một trò chơi ghép hình mênh mông của không gian và các hạt cơ bản, thì chúng ta là gì đây? Phải chăng chúng ta cũng chỉ gồm các lượng tử và hạt? Nếu vậy thì từ đâu chúng ta có được cảm nhận về sự tồn tại của chính mình và cá tính độc nhất mà ta luôn có thể xác nhận? Và khi đó giá trị của chúng ta, những mơ ước, cảm xúc và tri thức cá nhân của chúng ta... là gì đây? Chúng ta là gì trong cái thế giới vô tận và sinh động này?

Suy đoán về dụng ý của tác giả khi đặt vấn đề bằng hàng loạt câu hỏi.

Tôi không thể, dù chỉ tưởng tượng, làm sao có thể trả lời một câu hỏi như thế trong vài trang giấy. Đó là một câu hỏi rất khó. Trong bức tranh khoa học rộng lớn ngày nay, có nhiều thứ chúng ta không hiểu nổi, và một trong những thứ mà ta hiểu ít nhất là chính chúng ta. Nhưng nếu né tránh hay phớt lờ

Câu nào trong đoạn văn thể hiện quan điểm của tác giả?

[1] Dịch giả dịch là *quần tụ*.

câu hỏi ấy, thì theo tôi sẽ là bỏ sót những điều rất cốt lõi. Tôi đã trình bày thế giới trông như thế nào dưới ánh sáng khoa học, và chúng ta cũng là một phần của cái thế giới ấy.

"Chúng ta", con người, trước hết là những chủ thể[1] biết quan sát thế giới này; những nhà sáng lập tập thể của bức tranh về thực tại mà tôi đã cố gắng mô tả lại. Chúng ta là các nút trong một mạng lưới những sự trao đổi, nhờ nó chúng ta truyền đi các hình ảnh, các công cụ, thông tin và kiến thức.

Xác định hai từ khoá nói lên mối quan hệ giữa con người và thế giới trong đoạn văn.

Nhưng chúng ta còn là một bộ phận hữu cơ của thế giới mà ta cảm nhận được; chúng ta không phải người quan sát đứng ngoài cuộc. Chúng ta nằm trong nó. Cái nhìn của chúng ta về nó là nhìn từ trong lòng nó. Chúng ta được làm ra từ cùng những nguyên tử, cùng những tín hiệu ánh sáng giống như nguyên tử hay ánh sáng qua lại giữa những cây thông trên núi hay những ngôi sao trong các thiên hà.

Khi hiểu biết của chúng ta tăng lên, chúng ta đã biết rằng sự tồn tại của chúng ta chỉ là một phần của vũ trụ, và là phần rất nhỏ bé trong đó.

Điều này ngày càng rõ ràng qua nhiều thế kỉ, nhưng đặc biệt sáng rõ trong thế kỉ vừa qua. Chúng ta từng tin rằng mình ở trên một hành tinh nằm tại trung tâm vũ trụ, rồi hoá ra không phải vậy. Chúng ta từng nghĩ rằng mình là thứ tồn tại duy nhất, một chủng loài tách biệt hẳn với họ các động vật và thực vật, rồi phát hiện ra rằng mình là hậu duệ có cùng các tổ tiên với mọi sinh thể quanh ta. Chúng ta có cùng tổ tiên xa xôi với con bướm và cây thông. Chúng ta giống như đứa trẻ, khi lớn lên nhận ra rằng thế giới không chỉ vẻn vẹn là những gì ở quanh mình như nó tưởng khi còn bé. Nó cần học hỏi để làm một người giữa những người khác. Noi gương những người khác và những thứ khác nữa, chúng ta học được mình là ai.

Chú ý biện pháp tu từ điệp ngữ trong văn bản.

[...] Tri thức của chúng ta chung quy đều phản ánh thế giới. Chỉ là phản ánh được ít hay nhiều mà thôi, nhưng quả thực nó phản ánh thế giới mà chúng ta sống trong đó. Cách kết nối giữa chúng ta và thế giới không phải là cái làm chúng ta đặc biệt hơn phần còn lại của tự nhiên. Mọi vật đều không ngừng tương tác với nhau, và khi làm thế, mỗi người trong chúng ta đều mang theo dấu vết của cái mà ta đã tương tác: và theo nghĩa ấy, mọi vật không ngừng trao đổi thông tin về nhau.

Thông tin mà một hệ vật lí này có về hệ vật lí khác không có gì thuộc về ý thức hay chủ quan hết: nó chỉ là mối liên quan mà vật lí định ra giữa trạng thái của vật này với trạng thái của vật khác. Một giọt mưa chứa thông tin về sự hiện diện của một đám mây trên trời; một tia sáng chứa thông tin về màu sắc của chất đã gửi nó đến mắt ta; một cái đồng hồ có

Chú ý các lí lẽ, bằng chứng được sử dụng để chứng minh luận điểm: "Tri thức của chúng ta chung quy đều phản ánh thế giới."

---

[1] *Chủ thể*: con người với tư cách là một sinh vật có ý thức và ý chí, trong mối quan hệ đối lập với thế giới bên ngoài (gọi là *khách thể*).

thông tin về thời gian trong ngày; gió mang thông tin về một trận bão đang ập đến; virus cảm lạnh có thông tin về tính dễ tổn thương của cái mũi tôi; DNA trong tế bào chúng ta chứa tất cả thông tin về mã di truyền của chúng ta (về cái đã làm cho tôi giống với cha của mình); và não của tôi tràn ngập những thông tin được tích luỹ từ trải nghiệm của tôi. Chất liệu căn bản làm nên tư duy của chúng ta là tập hợp vô cùng phong phú các thông tin được tích luỹ, trao đổi và không ngừng được xây dựng kĩ lưỡng.

[...] Các giá trị đạo đức của chúng ta, cảm xúc của chúng ta, tình yêu của chúng ta cũng mang tính hiện thực không kém vì là một phần của tự nhiên, vì được chia sẻ với thế giới động vật, hay vì được quyết định bởi sự tiến hoá mà loài chúng ta đã trải qua suốt hàng triệu năm. Vì thế, chúng còn có giá trị hơn nữa: chúng có thực. Chúng là cái hiện thực phức tạp đã tạo nên chúng ta. Thực tại của chúng ta là những giọt nước mắt và nụ cười, lòng biết ơn và vị tha, sự trung thành và phản bội, là quá khứ luôn ám ảnh chúng ta và sự thanh thản. Thực tại của chúng ta được làm nên từ xã hội của chúng ta, từ cảm xúc nhờ âm nhạc đem lại, từ các mạng lưới kiến thức chung đan dệt phong phú mà chúng ta cùng nhau xây đắp. Tất cả là một phần của chính cái "tự nhiên" đồng nhất mà chúng ta đang mô tả. Chúng ta là một bộ phận hữu cơ của tự nhiên; chúng ta là tự nhiên, là một trong vô số các biểu hiện biến thiên vô cùng vô tận của nó. Đó là những gì chúng ta đã học hỏi được từ hiểu biết không ngừng tăng lên về mọi sự vật của thế giới này.

Xác định câu văn khái quát ý tưởng chính của đoạn văn.

Chính là vì cái tự nhiên đồng nhất, nên điều khiến cho chúng ta thật sự trở thành người không có nghĩa là chúng ta tách khỏi tự nhiên. Đó là một dạng thức mà tự nhiên đã thể hiện tại hành tinh của chúng ta, trong tương tác vô tận các kết hợp của nó, thông qua các tác động qua lại và trao đổi các tương quan và thông tin giữa các bộ phận của nó. Ai mà biết rằng còn tồn tại bao nhiêu những điều phức tạp phi thường gì khác, dưới các dạng thức mà có lẽ chúng ta không thể hình dung nổi, trong những khoảng không vô tận của vũ trụ,... Hẳn nhiều đến nỗi sẽ là ngây ngô khi cho rằng ở một góc ngoại vi của một thiên hà bình thường nào đó lại có cái gì đó là đặc biệt và duy nhất. Sự sống trên Trái Đất chỉ mang lại một dư vị thoáng qua của những gì có thể xảy ra trong vũ trụ. Ngay chính linh hồn chúng ta cũng chỉ là một ví dụ bé nhỏ.

[...] Tự nhiên là nhà của chúng ta, và sống trong tự nhiên nghĩa là chúng ta đang ở nhà của mình. [...]

Hình ảnh nào được sử dụng để nói về mối quan hệ giữa con người và tự nhiên?

[...] Một phần bản tính của chúng ta là yêu thương và lương thiện. Một phần bản tính của chúng ta là khao khát được hiểu biết nhiều hơn nữa và luôn học hỏi. Tri thức của chúng ta về thế giới không ngừng tăng lên.

[...] Tại đấy, bên bờ của những gì chúng ta đã biết, tiếp giáp với cả đại dương mênh mông những gì chưa biết, rực sáng lên vầng hào quang của sự huyền bí và vẻ đẹp của thế giới. Thật là quyến rũ đến mê hồn.

(Các-lô Rô-ve-li, Nguyễn Nguyên Hy dịch, *7 bài học hay nhất về vật lí*, NXB Thế giới – Công ti cổ phần Sách Omega Việt Nam, Hà Nội, 2018, tr. 119 – 142)

Các-lô Rô-ve-li sinh năm 1956, là nhà vật lí học lí thuyết, nhà văn, sinh ra ở I-ta-li-a (Italia), chủ yếu làm việc ở Mỹ và Pháp. Các nghiên cứu của ông tập trung vào lĩnh vực lực hấp dẫn lượng tử. Ông cũng nghiên cứu sâu về lịch sử và khoa học triết học. Những công việc này đã giúp ông có một tri thức tổng hợp rộng lớn và cái nhìn toàn diện, sâu sắc về vũ trụ và đời sống.

Cuốn sách nổi tiếng của ông – ***7 bài học hay nhất về vật lí*** được xuất bản lần đầu tiên vào năm 2014, đã được dịch sang 41 thứ tiếng và bán hàng triệu bản khắp thế giới. Không chỉ là một cuốn cẩm nang súc tích về vật lí học hiện đại, cuốn sách còn chứa đựng những suy tư mang tính chất triết học về thế giới và con người. Ở đó, khoa học, triết học, văn chương và tôn giáo đã được kết hợp một cách hài hoà, cho người đọc thấy được vẻ đẹp huyền bí của thế giới này.

Trả lời câu hỏi

1. Trong văn bản, tác giả đã trình bày quan điểm về vấn đề gì? Quan điểm ấy đã được triển khai thành những luận điểm chính nào?
2. Để làm sáng tỏ các luận điểm chính, tác giả đã sử dụng những lí lẽ, bằng chứng nào? Những thông tin khoa học trong văn bản có ý nghĩa gì trong việc làm sáng tỏ những luận điểm chính?
3. Chỉ ra và phân tích tác dụng của các yếu tố miêu tả, biểu cảm, các biện pháp tu từ trong văn bản.
4. Tác giả đã trình bày quan điểm về mối quan hệ giữa con người và thực tại từ góc nhìn nào, với một thái độ như thế nào?
5. Tác giả nghĩ gì về khả năng nhận thức thế giới của con người?
6. "Tự nhiên là nhà của chúng ta, và sống trong tự nhiên nghĩa là chúng ta đang ở nhà của mình". Bạn nghĩ gì về nhận định của tác giả?

Kết nối đọc – viết

Nhận thức nào từ văn bản *Về chính chúng ta* mà bạn muốn mang theo trong hành trang cuộc sống của mình? Hãy viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) để chia sẻ về điều này.

VĂN BẢN 2

Con đường không chọn

Rô-bớt Phờ-rót (Robert Frost)

- *Bạn đã bao giờ cảm thấy khó khăn khi phải đứng trước nhiều khả năng lựa chọn?*
- *Điều gì đã khiến bạn đưa ra quyết định lựa chọn của mình khi ấy? Bạn thấy may mắn hay tiếc nuối vì lựa chọn đó của bản thân?*

Bản dịch 1

Con đường rẽ làm đôi giữa rừng lá vàng,
Biết làm sao, tôi chỉ có thể chọn một mà thôi
Thân phận lữ hành, tôi đứng mãi
Nhìn theo một lối rẽ bên này
Đến tận nơi vệt đường khuất dạng sau bụi cây;

Nhân vật trữ tình trong bài thơ là ai và đang đứng trước tình huống nào?

Thế rồi tôi lại bước vào lối rẽ bên kia,
Có khác gì đâu, mà có khi lại có lí hơn kìa,
Vì cỏ rậm trên mặt đường như thèm muốn người đi;
Nhưng thật ra có đôi chỗ đây kia
Cũng đã thấy dấu mòn như con đường nọ,

Trong ba khổ đầu của bài thơ, hai lối rẽ được miêu tả như thế nào?

Và thế là buổi mai hôm đó
Trước hai con đường lá rơi đầy chưa đen vết chân ai.
Tôi đành hẹn sẽ quay lại con đường không đi một ngày nào đó!
Nhưng lòng thừa hiểu nào biết đến bao giờ,
Đường lại đưa đường làm sao biết trước.

Tôi sẽ kể chuyện này trong một tiếng thở dài
Rằng đâu đó ngày xưa đã lâu lắm rồi:
Con đường rẽ làm đôi giữa một khu rừng, và tôi –
Tôi đã chọn lối mòn ít có ai đi,
Và điều đó đã làm đổi thay tất cả.

Nhân vật trữ tình đã lựa chọn lối rẽ nào?

(Trịnh Lữ dịch, *http://thivien.net*)

Bản dịch 2

Hai lối rẽ trong rừng vàng rực lá,
Buồn thay biết làm sao chọn cả
Là kẻ lữ hành, tôi đứng đó hồi lâu
Dõi mút tầm lối nọ về đâu
Tới tận khúc quanh giữa bụi bờ chìm khuất;

Rồi tôi chọn lối này, như chẳng khác,
Nhưng xem chừng theo thôi thúc mạnh hơn,
Vì cỏ rậm muốn mời chân bước;
Dù qua đây đi về phía trước
Hai lối như nhau đều có vệt mòn,

Hai nẻo đường sáng ấy trải ra
Trên thảm lá chưa chân ai hằn dấu thẫm.
Sẽ đi lối đầu tiên, một ngày nào, muốn lắm!
Nhưng đường nối đường, lòng thao thức mai đây,
Chắc gì tôi được trở lại chốn này.

Rồi với tiếng thở dài tôi sẽ nói
Ngày nào kia trong tháng năm vời vợi:
Hai lối xuyên rừng, đứng đó một tôi –
Tôi đã chọn lối đi ít dấu chân người,
Và điều đó làm nên bao khác biệt.

(Phan Huy Dũng dịch, tạp chí *Sông Lam*,
số 11, tháng 3/2021, tr. 96)

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Rô-bớt Phờ-rót (1874 – 1963) là nhà thơ Mỹ có tầm ảnh hưởng lớn trong văn học hiện đại. Cho đến nay, ông là nhà thơ duy nhất từng được bốn lần nhận giải thưởng Pu-lít-dơ (Pulitzer) – giải thưởng thường niên uy tín của Mỹ trao cho các lĩnh vực như báo chí, văn chương, âm nhạc,...

Con đường không chọn là một trong những bài thơ được đọc nhiều nhất của Rô-bớt Phờ-rót. Tác phẩm được sáng tác vào năm 1915, lấy cảm hứng từ những cuộc đi dạo trong rừng với người bạn của ông – nhà thơ Ét-uốt Thô-mớt-xơ (Edward Thomas, 1878 – 1917). Theo lời của Phờ-rót, trong những cuộc đi dạo ấy, Thô-mớt-xơ thường băn khoăn không biết nên chọn lối nào để đi, rồi sau khi đã lựa chọn, ông lại nuối tiếc, đáng lẽ nên chọn một lối khác.

Bài thơ của Phờ-rót ra đời vào thời điểm nhiều người hoài nghi về lựa chọn của bản thân và thường nghĩ rằng họ nên quay lại con đường mình từng từ bỏ. Không lâu sau khi nhận được bài thơ của Phờ-rót trong một lá thư, Thô-mớt-xơ tham gia vào Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918) và đã tử trận tại A-rát-xơ (Arras)[1] vào năm 1917.

Trả lời câu hỏi

1. "Con đường" và "lối rẽ" trong bài thơ có thể xem là những ẩn dụ. Những ẩn dụ đó gợi cho bạn nghĩ đến điều gì?
2. Theo bạn, tại sao Rô-bớt Phờ-rót lại đặt nhan đề bài thơ là *Con đường không chọn* mà không phải là *Con đường tôi chọn* hay *Con đường ít người đi*?
3. Hai lối rẽ trong rừng khác nhau hay giống nhau nhiều hơn? Phải chăng vì điều ấy mà nhân vật trữ tình trong bài thơ cảm thấy khó khăn khi phải chọn lựa một trong hai lối rẽ?
4. Nếu như nhân vật trữ tình không thể chọn cả hai lối rẽ cùng lúc thì anh ta có thể không lựa chọn bất cứ lối rẽ nào được chăng? Vì sao?
5. Trong bài thơ, cuối cùng nhân vật trữ tình cũng vẫn phải đưa ra lựa chọn của mình. Theo bạn, anh ta có thật sự tin rằng lối rẽ mình chọn là con đường tốt hơn?
6. Bạn có đồng cảm với trạng thái do dự, phân vân của nhân vật trữ tình xuyên suốt bài thơ không? Vì sao?
7. Hãy nêu một thông điệp từ bài thơ có ý nghĩa đối với cá nhân bạn.

Kết nối đọc – viết

Từ bài thơ này, theo bạn, làm thế nào để chúng ta can đảm hơn trong những lựa chọn của mình trên hành trình trưởng thành? Hãy viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) để trả lời câu hỏi trên.

[1] *A-rát-xơ*: tên một thành phố của nước Pháp, nơi diễn ra trận tấn công của quân đội Anh nhằm vào quân đội Đức, từ ngày 9/4/1917 đến ngày 16/5/1917.

VĂN BẢN 3

Một đời như kẻ tìm đường

(Trích)

Phan Văn Trường

Mỗi lựa chọn của chúng ta ngày hôm nay có ảnh hưởng như thế nào tới cuộc sống của chúng ta trong tương lai? Làm thế nào để đưa ra những lựa chọn đúng trong cuộc đời?

Năm mười bốn tuổi là năm đầu tiên tôi phải suy nghĩ để đưa ra những lựa chọn cho cuộc đời mình. Trước đó, chưa bao giờ tôi phải làm việc này. Thuở ấy, nhà trường viết thư gửi cho các phụ huynh với đôi lời nhắn nhủ về việc chọn một trong hai ngoại ngữ, và nhất là chọn giữa hai chương trình học – cổ điển hay hiện đại. Đó là giai đoạn những năm 50 – 60 của thế kỉ trước.

Dự đoán về nội dung sẽ được trình bày trong văn bản.

Vào thời đó, ngay cả cha mẹ tôi cũng bối rối, bởi lẽ không ai trong gia đình tôi có ý niệm gì về ngôn ngữ thịnh hành trên thế giới. Còn về chương trình cổ điển thì nghe khá lạ tai, vì sẽ đặt trọng tâm vào tiếng La tinh, tiếng Hy Lạp cổ. Ông hiệu trưởng thì hết lời khuyến khích học sinh đi theo lộ trình cổ điển. Ông giải thích rằng các Kinh Thánh cần được hiểu tận gốc, các nền văn hoá Tây Âu cần được thấu triệt qua việc tham khảo và nghiên cứu các bài viết của những tác giả ngàn xưa, như Xô-cờ-rát (Socrates)[1] hay Pla-tông (Platon)[2], được cho là những tiền đề của nền triết học nhân loại.

Người viết đã nêu lên những tình huống lựa chọn nào?

Cha mẹ tôi vừa nghe thấy "hiểu tận gốc nền triết lí của nhân loại" thì thích lắm. Nhưng may mà cả hai đều không có tư duy áp đặt. Tôi thì không hiểu sao cứ nghe chữ "cổ" thì lại thấy chối tai. Ngoài ra, còn có một yếu tố giúp tôi lấy định hướng cho đời mình. Đó là tôi có ba người bạn thân học cùng lớp cứ rủ tôi nghe nhạc Mỹ của En-vít-xờ Prét-xờ-li (Elvis Presley)[3] và Pôn An-ka (Paul Anka)[4]. Ba anh nghe loại nhạc này vừa nháy mắt

---

(1), (2) *Xô-cờ-rát* (470 – 399 trước Công nguyên), *Pla-tông* (427 – 347 trước Công nguyên): hai triết gia nổi tiếng thời Hy Lạp cổ đại, được coi là những người đặt nền móng cho triết học phương Tây.

(3) *En-vít-xờ Prét-xờ-li* (1935 – 1977): ca sĩ nhạc rốc (rock) nổi tiếng người Mỹ, được coi là một trong những biểu tượng âm nhạc của thế kỉ XX.

(4) *Pôn An-ka*: sinh năm 1941, là ca sĩ, diễn viên nổi tiếng người Ca-na-đa (Canada).

thưởng thức, vừa đứng ngồi không yên. Chỉ có chút ngôn ngữ cơ thể thế thôi đã làm trái tim của tôi nghiêng hẳn sang phía hiện đại. Nhiều khi chuyện đời nào cũng nghiêng sang một bên do ảnh hưởng của những yếu tố kì lạ, nhẹ nhõm và khó giải thích. Và đó là trường hợp của tôi, thời thiếu niên.

Trong cuộc thương thuyết với cha mẹ, đề tài chọn nghề cũng xuất hiện đột ngột vào đúng lúc tôi chưa được cầm một xu tiền mặt nào. Hơn nữa, tôi cũng chưa có ý niệm sau này phải đi làm để có tiền trang trải cuộc sống, nói chi đến chọn nghề. Cha tôi thì thích ngành kiến trúc. Mẹ tôi thì thích nghề bác sĩ. Và cuối cùng hai người đã hướng ý thích của tôi vào lộ trình công chức, một hướng đi quá an toàn cho tôi, và cả cho mẹ tôi, bởi vì bà nghĩ như thế thì con trai bà sẽ không bao giờ ra khỏi vòng tay mình. Còn đối với cha tôi, chữ "công chức" có lẽ còn hàm nghĩa, con trai ông sẽ tham gia vào các hoạt động xã hội nhiều hơn.

[...] Đó là những lựa chọn đầu tiên trong cuộc đời tôi. Nó khởi đầu cho một chuỗi dài những quyết định sau này, đôi khi còn khó đưa ra hơn rất nhiều.

[...] Cuộc đời của mỗi chúng ta có thể ví như một con đường với hàng ngàn khúc quanh, đến khúc quanh nào chúng ta cũng bắt buộc phải có những lựa chọn. Chọn hướng đi, chọn phương án, chọn kẻ đồng hành, chọn những trang bị, chọn thời điểm hành động. Rất nhiều khi chúng ta không có quyền lựa chọn, hoặc không biết lựa chọn. Nhưng rồi cuối cùng chúng ta cũng bắt buộc phải bước tiếp. Đôi khi không biết đi đâu nhưng cũng vẫn đi, giấc mơ tiến tới tương lai mạnh đến mức trở thành ám ảnh, cho dù tương lai còn mù mờ. Cuộc đời dù là tiến hay lùi, vẫn phải tiếp tục bước đi.

Chú ý những suy ngẫm, đúc rút của người viết.

* * *

Cá nhân tôi trong suốt bấy nhiêu năm toàn gặp những tình huống lạ kì. Nhiều lần như thế, lần nào cũng vậy: phải đưa ra một quyết định, phải lựa chọn, và sau đó mọi việc tiếp diễn như không cần tới mình. Mỗi lần mình tìm giải pháp, tìm hướng đi là một lần số mệnh đẩy mình đi vào một lộ trình không muốn, mà mình chẳng biết trước tốt hay xấu.

Tôi sang Pháp năm mười bảy tuổi, chẳng chọn đi, mà cũng chẳng chọn Pháp. Tôi tốt nghiệp kĩ sư, mà nghĩ lại cho cùng thì mình chưa bao giờ mơ làm kĩ sư, hoạ may làm bác sĩ hay kiến trúc sư như bố mẹ tôi từng mong mỏi. [...] Tôi cũng chưa bao giờ mơ đến quyền lực, nhưng rồi cuộc đời nghề nghiệp đã đưa tôi vào những vị trí quyền lực trên cả năm châu. Một chuyện lạ khác, tuy tôi là kĩ sư cầu đường, nhưng chưa bao giờ tôi thiết kế cây cầu hay xây dựng một con đường nào cho ai đi. Tôi đã làm tư vấn về kinh tế và đã dạy kinh tế trong trường đại học nhưng

Chú ý cách lí giải về mối quan hệ giữa lựa chọn và số phận.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

chưa bao giờ học kinh tế. Tôi đã làm chuyên gia quy hoạch vùng và chỉnh trang lãnh thổ, một môn hoàn toàn xa lạ. Tôi đã làm nghề buôn bán những nhà máy điện khổng lồ tuy chưa bao giờ học về điện lực. Tôi đã lãnh đạo doanh nghiệp đường sắt, mê-trô và cao tốc trong khi trước đó tôi chưa có chút ý niệm gì về kĩ nghệ giao thông. Tôi đã chủ trì một tập đoàn làm nghề lọc nước và phân phối nước lọc cho các đô thị từ nước sông, trong khi tôi chưa bao giờ bước chân vào môn hoá. Chưa hết, tôi sinh ra làm người Việt nhưng suốt cuộc đời nghề nghiệp lại tại vị ở nước ngoài. Nắm vững tiếng Pháp thì cuộc đời lại đưa đẩy tôi sang làm việc ở xứ nói tiếng Anh, thậm chí tiếng Bồ Đào Nha.

*

* *

Chú ý những đúc rút, suy ngẫm của người viết.

[...] Vào mỗi khúc quanh của cuộc đời mình, tôi đã tìm đường để rồi chẳng thấy. Suốt cuộc đời tôi đã mày mò, giống như người khiếm thị lại phải đi trong cảnh sương mù. Nhưng rồi mãi tới lúc cao tuổi, tôi mới hiểu được rằng chẳng bao giờ mình sẽ tới, vì cuộc đời, trên bản chất, phải là một hành trình dài vô tận. Đi đường nào rồi cũng có thể thành công, chọn lối nào rồi cũng có khả năng đạt hạnh phúc, vì hạnh phúc và thành công không tuỳ thuộc vào con đường chúng ta đi, mà vào tâm trạng tự tại của chúng ta, cũng như vào những giá trị mà chúng ta gieo ngay trên những nẻo đường đã đi qua.

*

* *

[...] Cả cuộc đời tìm đường để rồi mãi tới lúc xế chiều tôi mới khám phá ra chẳng có đường để tìm. Làm việc gì cũng được, đi đâu cũng đặng nếu mỗi chúng ta không quên mình là một thành phần của xã hội, đóng góp nhiều thì xã hội sẽ cho lại chúng ta nhiều. Và "nhiều" không có nghĩa là số lượng, mà là tình cảm đậm đà, giá trị bền vững. Hạnh phúc ở đâu, nay tôi đã biết. Những hạnh phúc nhỏ thì nằm trên mỗi bước đi, nhưng hạnh phúc bền vững là thứ hạnh phúc lấy gốc từ sự trải nghiệm, từ sự từ bi chấp nhận, từ tinh thần tích cực mà mình luôn luôn có.

Chú ý giọng điệu của người viết.

Suốt cuộc đời tìm đường, tôi đã tìm thấy sức mạnh của mình trong những thử thách vô cùng gian nan. Tôi đã tìm thấy tình yêu khi trao trọn trái tim. Tôi đã tìm được quyền thế bằng cách sống mẫu mực, khiêm tốn. Tôi đã tìm thấy hạnh phúc khi tạo ra hạnh phúc cho mỗi người xung quanh. Tôi đã tìm được sự no ấm khi miệt mài tạo ra giá trị cho xã hội. Và may mắn thay, tôi đã tìm được chính mình bằng cách tặng trọn bản thân cho xã hội. Cứ cho đi thì mới thấy được thứ mình đi tìm.

(Theo Phan Văn Trường, *Một đời như kẻ tìm đường*,
NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2020, tr. 19 – 23, 34, 406)

Phan Văn Trường sinh năm 1946, quê ở tỉnh Hải Dương (nay thuộc thành phố Hải Phòng), từng là lãnh đạo cao cấp của nhiều tập đoàn hàng đầu thế giới, cố vấn thường trực của Chính phủ Pháp về thương mại quốc tế, hai lần được Tổng thống Pháp phong tước Hiệp sĩ. Năm 2009, ông được Chủ tịch nước Việt Nam trao tặng kỉ niệm chương *Vì sự nghiệp giáo dục*. Các cuốn sách đã xuất bản của ông gồm có: *Một đời thương thuyết* (2014), *Một đời quản trị* (2017), *Một đời như kẻ tìm đường* (2019).

Một đời như kẻ tìm đường được trích trong cuốn sách cùng tên của tác giả Phan Văn Trường. Cuốn sách là sự đúc kết những trải nghiệm phong phú của một người đã đi khắp thế giới, kinh qua rất nhiều vị trí nghề nghiệp, am hiểu cả văn hoá phương Đông và phương Tây và đặc biệt luôn có tinh thần tận hiến. Cuốn sách cũng là lời nhắn nhủ tha thiết và đầy tin yêu của ông dành cho thế hệ trẻ Việt Nam.

Trả lời câu hỏi

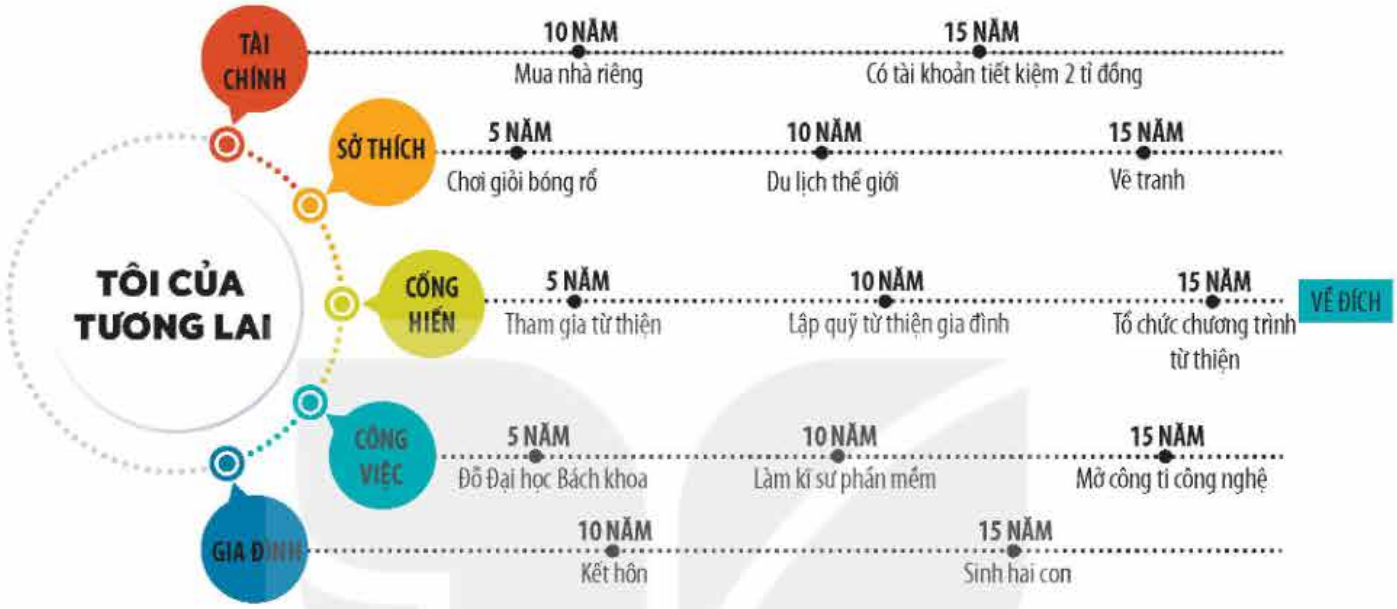
1. Theo bạn, mục đích của bài viết này là gì?
2. Xác định quan điểm chính của tác giả trong bài viết này. Quan điểm ấy đã được triển khai qua hệ thống lí lẽ và bằng chứng như thế nào?
3. Chỉ ra các yếu tố tự sự, biểu cảm và phân tích tác dụng của chúng trong văn bản.
4. Nhan đề của bài viết là *Một đời như kẻ tìm đường*. Nhưng trong bài viết, tác giả lại nói: "Cả cuộc đời tìm đường để rồi mãi tới lúc xế chiều tôi mới khám phá ra chẳng có đường để tìm". Liệu tác giả có tự mâu thuẫn với chính mình hay không? Phải chăng việc tìm đường là một việc không có nhiều ý nghĩa?
5. Hãy nêu một luận điểm trong bài viết trên mà bạn thấy tâm đắc hoặc còn băn khoăn. Lí do nào khiến bạn thấy luận điểm ấy thuyết phục mình hay làm bạn muốn đối thoại với tác giả?
6. Từ bài thơ *Con đường không chọn* và bài viết *Một đời như kẻ tìm đường*, bạn suy nghĩ gì về những lựa chọn của mỗi người trong cuộc sống?

Kết nối đọc – viết

Theo bạn, thành công và hạnh phúc phụ thuộc vào lựa chọn của chúng ta hay vào những may rủi ngẫu nhiên trong cuộc đời? Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) thể hiện quan điểm của bạn về vấn đề này.

Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ (tiếp theo)

1. Quan sát sơ đồ sau và chỉ ra tác dụng của các phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng trong sơ đồ:



2. Tưởng tượng về cuộc sống của bạn trong 30 – 40 năm tới và trực quan hoá những tưởng tượng đó bằng các phương tiện phi ngôn ngữ.

Gợi ý:

– Xác định các thông tin cần trình bày (mục đích của bạn trong cuộc đời, những thời điểm quan trọng và những điều bạn đạt được ở mỗi thời điểm, những lựa chọn và ngã rẽ,...).

– Xác định loại biểu đồ, sơ đồ phù hợp để biểu đạt thông tin.

– Sử dụng các hình ảnh, màu sắc, đường nét, số liệu,... để cụ thể hoá, trực quan hoá các thông tin.

3. Thiết kế một biểu đồ hoặc sơ đồ dựa trên các thông tin trong đoạn trích sau:

Một giọt mưa chứa thông tin về sự hiện diện của một đám mây trên trời; một tia sáng chứa thông tin về màu sắc của chất đã gửi nó đến mắt ta; một cái đồng hồ có thông tin về thời gian trong ngày; gió mang thông tin về một trận bão đang ập đến; virus cảm lạnh có thông tin về tính dễ tổn thương của cái mũi tôi; DNA trong tế bào chúng ta chứa tất cả thông tin về mã di truyền của chúng ta (về cái đã làm cho tôi giống với cha của mình); và não của tôi tràn ngập những thông tin được tích luỹ từ trải nghiệm của tôi.

(Các-lô Rô-ve-li, *Về chính chúng ta*)

Gợi ý:

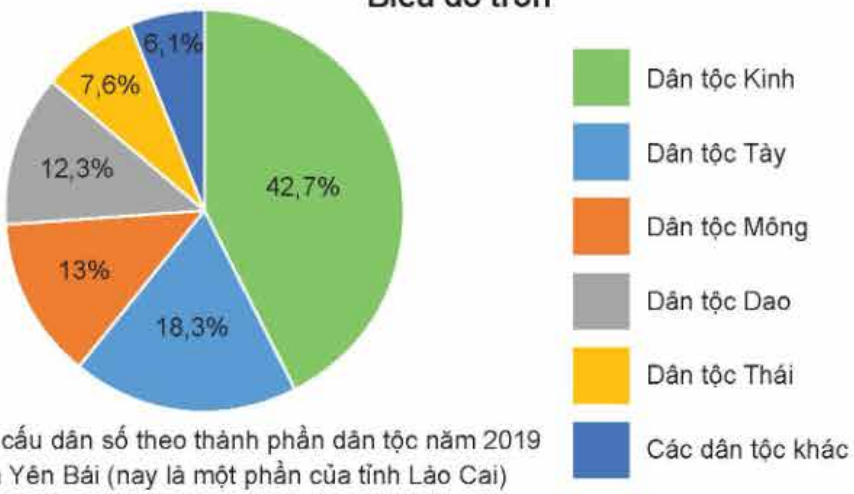
– Xác định mục đích giao tiếp.

– Lựa chọn các thông tin cần trực quan hoá thành biểu đồ, sơ đồ.

– Lựa chọn loại biểu đồ, sơ đồ phù hợp.

Một số loại biểu đồ, sơ đồ

Biểu đồ tròn

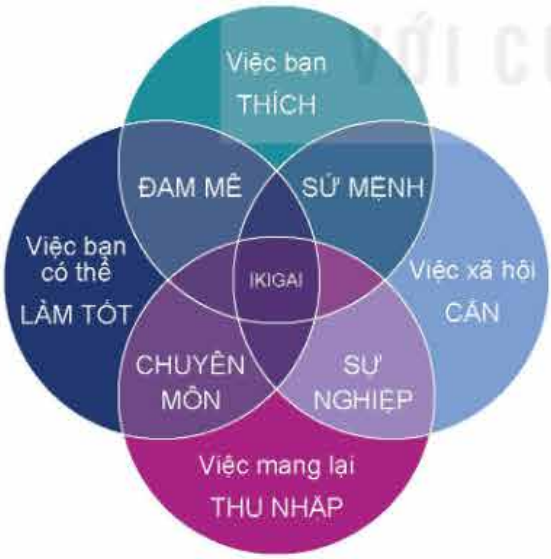


Biểu đồ cơ cấu dân số theo thành phần dân tộc năm 2019 ở tỉnh Yên Bái (nay là một phần của tỉnh Lào Cai)
(Theo *Niên giám thống kê tỉnh Yên Bái 2019*)



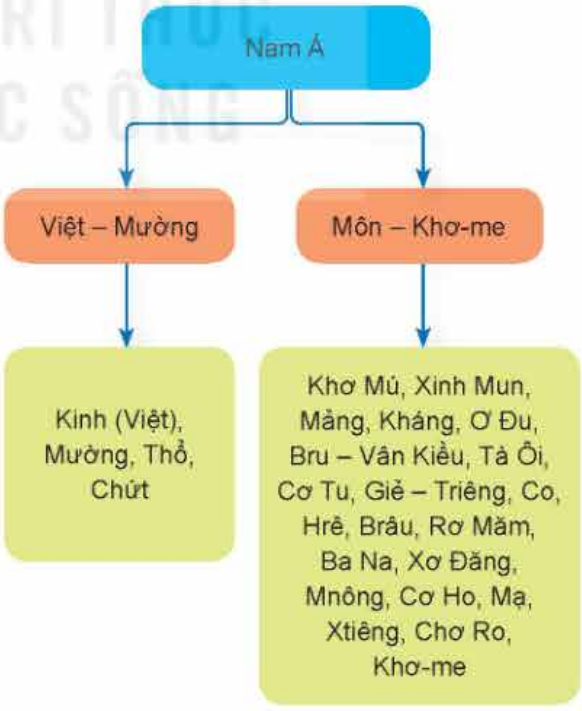
Sơ đồ cách tính thời gian theo Công lịch

Sơ đồ Venn



Sơ đồ *Ikigai*

Sơ đồ cây



Sơ đồ *Ngữ hệ Nam Á*

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

VIẾT

Viết bài luận về bản thân

Trong cuộc sống, có những tình huống bạn phải viết một bài luận về bản thân để chia sẻ trải nghiệm và thể hiện quan niệm của mình về cuộc sống. Một bài viết như vậy có thể chỉ để thoả mãn nhu cầu nhìn lại chính mình và giãi bày với người khác, nhưng cũng có thể được đưa vào hồ sơ để xin học bổng hay dự tuyển vào một trường đại học;... Ngoài ra, khi xin việc hay ứng cử vào một vị trí trong câu lạc bộ, bạn cũng cần viết văn bản để tự giới thiệu về mình và thuyết phục người đọc theo cách gần với viết bài luận về bản thân.

Yêu cầu

- Xác định rõ luận đề của bài viết.
- Thể hiện được cá tính, thiên hướng, lựa chọn, niềm tin, quan điểm riêng của bản thân.
- Sử dụng bằng chứng là những sự kiện, kinh nghiệm mà người viết đã trải qua.
- Có giọng điệu riêng nhưng phù hợp với đối tượng tiếp nhận, thể hiện cảm xúc chân thành của người viết; thuyết phục, truyền cảm hứng và gợi suy ngẫm cho người đọc.

Bài viết tham khảo

Hãy đam mê, hãy dại khờ

(Trích)

Sti-vơ Giốp (Steve Jobs)[1]

Khi tôi mười bảy tuổi, tôi đọc một trích dẫn như thế này: "Nếu bạn sống mỗi ngày như thể đó là ngày cuối cùng của bạn, một ngày nào đó bạn sẽ đúng". Câu nói đó gây ấn tượng với tôi, và từ đó, trong suốt ba mươi ba năm qua, mỗi sáng tôi đều soi gương và tự hỏi: "Nếu hôm nay là ngày cuối cùng của cuộc đời mình, liệu tôi có muốn làm điều mà hôm nay tôi sắp làm không?". Và bất cứ khi nào câu trả lời là "Không" trong nhiều ngày liên tiếp, tôi biết là tôi cần thay đổi.

Mở đầu bằng một trích dẫn để thu hút sự chú ý của người đọc.

Thể hiện quan điểm riêng của người viết.

[1] *Sti-vơ Giốp* (1955 – 2011): doanh nhân, nhà sáng chế người Mỹ – một trong những nhân vật có ảnh hưởng lớn nhất trong lĩnh vực công nghiệp máy tính.

Nhớ rằng tôi sẽ sớm chết là công cụ quan trọng nhất mà tôi từng biết để giúp tôi đưa ra những lựa chọn lớn trong cuộc đời. Bởi vì hầu hết mọi thứ – tất cả những kì vọng, tự hào, nỗi sợ hãi, xấu hổ hay thất bại – tất cả sẽ biến mất khi bạn đối diện với cái chết, chỉ còn lại những gì thực sự quan trọng. Nhớ rằng mình sẽ chết là cách tốt nhất để tránh rơi vào cạm bẫy của suy nghĩ rằng bạn sẽ mất cái gì đó. Khi chẳng còn gì trong tay, chẳng có lí do gì để không nghe theo sự mách bảo của trái tim.

Trình bày thông điệp chính của văn bản.

Khoảng một năm trước, tôi được chẩn đoán mắc bệnh ung thư. Tôi đã chụp cắt lớp vào 7 giờ 30 sáng, thấy rõ có một khối u ở tuyến tuỵ. Tôi thậm chí còn không biết tuyến tuỵ là gì. Bác sĩ nói với tôi đây một loại ung thư không thể chữa khỏi, và rằng tôi chỉ có thể sống thêm ba đến sáu tháng nữa. Ông khuyên tôi về nhà và thu xếp công việc của mình, theo ngôn ngữ của các bác sĩ thì có nghĩa là chuẩn bị cho cái chết. Điều đó có nghĩa là hãy cố gắng để nói với bọn trẻ, trong vòng một vài tháng, tất cả những gì mà bạn muốn nói với chúng trong vòng mười năm. Điều đó có nghĩa là phải đảm bảo mọi thứ được chuẩn bị sẵn sàng sao cho gia đình bạn có thể dễ dàng chấp nhận. Điều đó có nghĩa là bạn sẽ nói lời tạm biệt.

Sử dụng yếu tố tự sự để nói về một trải nghiệm của bản thân.

Chẩn đoán đó ám ảnh tôi cả ngày. Cuối buổi tối hôm đó, tôi được làm sinh thiết. Họ đưa một ống nội soi xuống cổ họng, xuyên qua dạ dày và vào ruột tôi, đưa một cây kim vào tuyến tuỵ của tôi và lấy mẫu tế bào từ khối u. Tôi đã được dùng thuốc an thần, nhưng vợ tôi, người có mặt ở đó, thì nói rằng khi họ quan sát các tế bào dưới kính hiển vi, các bác sĩ đã bật khóc vì hoá ra đây là một dạng ung thư tuyến tuỵ có thể chữa khỏi bằng phẫu thuật. Tôi đã phẫu thuật, và may sao, hiện giờ tôi đang ổn.

Thể hiện tình cảm, cảm xúc của người viết về trải nghiệm.

Đây là lần gần nhất tôi đối diện với cái chết, và tôi hi vọng lần kế tiếp sẽ là vài thập kỉ nữa. Sống qua những thời khắc đó, giờ đây tôi có thể nói điều này với bạn, một cách chắc chắn hơn là khi cái chết chỉ là một khái niệm thuần tuý lí thuyết.

Suy ngẫm, bàn luận về trải nghiệm.

Không ai muốn chết. Ngay cả những người mong được lên thiên đường cũng không muốn chết để lên trên đó. Thế nhưng cái chết lại là điểm đến của tất cả chúng ta. Không ai có thể thoát khỏi nó. Cái chết chính là phát minh vĩ đại nhất của Sự sống. Đó là một tác nhân thay đổi của Sự sống. Nó xoá bỏ cái cũ để dọn đường cho cái mới. Giờ đây, bạn chính là lớp trẻ, nhưng một ngày nào đó bạn sẽ già đi và rời bỏ cuộc sống. Xin lỗi vì điều này có thể làm cho bạn cảm thấy hoang mang, nhưng đó hoàn toàn là sự thật.

Thời gian của bạn là hữu hạn, vì vậy đừng lãng phí nó để sống cuộc đời của người khác. Đừng bị mắc kẹt bởi giáo điều, đừng dựa dẫm vào suy nghĩ của kẻ khác. Đừng để tiếng ồn ào của kẻ khác lấn át đi tiếng nói bên trong của chính bạn. Và quan trọng nhất, hãy can đảm đi theo sự mách bảo của trái tim và trực giác. Bằng cách nào đó, chúng biết bạn thật sự muốn trở thành cái gì. Mọi thứ khác chỉ là thứ yếu.

Thể hiện quan điểm về cuộc sống và kêu gọi hành động.

Khi tôi còn trẻ, có một ấn phẩm tuyệt vời có tên là *Cẩm nang về Trái Đất* của tác giả Stiu-uốt Bren-đờ (Stewart Brand)[1]. Đó là một trong những cuốn sách gối đầu giường của thế hệ chúng tôi, ra đời vào thập niên 60, trước khi có máy tính. Ở bìa sau của cuốn sách có một bức ảnh chụp con đường trong ánh bình minh, bên dưới là dòng chữ: "Hãy đam mê. Hãy dại khờ". Tôi luôn chúc điều đó cho chính mình. Và giờ đây, khi các bạn sắp bắt đầu một hành trình mới, tôi cũng chúc điều đó cho các bạn.

Hãy đam mê, hãy dại khờ.

(Ngọc Minh dịch,
Diễn văn của Sti-vơ Giốp trong lễ tốt nghiệp của Đại học Sten-phớt (Stanford),
http://news.stanford.edu)

1. Thông điệp của bài viết là gì?
2. Những yếu tố nào tạo nên sức thuyết phục của bài viết?
3. Những lời kể về các trải nghiệm cá nhân của tác giả đóng vai trò gì trong bài viết?

Thực hành viết

Chuẩn bị viết

Để viết bài luận về bản thân, bạn cần:

– Huy động trải nghiệm: Trải nghiệm nào trong cuộc sống là đáng nhớ và có ý nghĩa đối với bạn? Trải nghiệm đó giúp bạn nhận ra điều gì về bản thân và cuộc sống? Bạn đã thay đổi như thế nào sau trải nghiệm đó? (Có thể bài luận không kể lại cụ thể những trải nghiệm nhưng những câu hỏi này sẽ gợi ý cho bạn cách lựa chọn giọng điệu và hướng triển khai thích hợp.)

– Suy nghĩ về bản thân: Quan niệm sống của bạn là gì, đâu là giá trị mà bạn muốn theo đuổi, thế mạnh và điểm yếu của bạn là gì? Hãy tóm tắt những thông tin đó dưới dạng các từ khoá.

[1] *Stiu-uốt Bren-đờ*: nhà văn người Mỹ, sinh năm 1938.

– Từ những ý tưởng đã phác thảo, hãy chọn một ý tưởng mà bạn tâm đắc và hứng thú nhất làm chủ đề cho bài viết của mình. Chủ đề bài viết thường được cô đọng thành một thông điệp ngắn, thể hiện rõ quan điểm, góc nhìn, phát hiện của riêng người viết về bản thân và cuộc sống, ví dụ: *Lựa chọn để trở thành chính mình* (Dương Thụ), *Triết lí của tôi về một cuộc sống hạnh phúc* (Sam Bơn – Sam Berns),...

Khi bạn muốn viết một văn bản tự giới thiệu mình để xin việc làm hoặc ứng cử vào một vị trí trong câu lạc bộ,... thì việc tìm ý có thể theo hướng khác. Cụ thể, bạn cần:

– Xác định người đọc duyệt hồ sơ (trong đó có bài luận) là ai và nguyện vọng của bạn là gì khi viết bài luận này.

– Suy nghĩ về những phẩm chất, năng lực mà bạn có để xứng đáng được người đọc duyệt đáp ứng nguyện vọng của bạn.

Lưu ý: Cần tập trung vào những phẩm chất, năng lực quan yếu đối với công việc, vị trí mà bạn đang muốn nhắm đến. Bạn có thể nêu một số điểm yếu mà bạn cần khắc phục và có thể khắc phục.

– Có thể có những cam kết mà bạn muốn gửi đến người đọc duyệt hồ sơ nếu nguyện vọng của bạn được đáp ứng.

Tìm ý, lập dàn ý

Từ những gợi ý ở phần Chuẩn bị viết, hãy xác định những ý cơ bản sẽ sử dụng. Mặc dù bài luận về bản thân có một kết cấu uyển chuyển và linh hoạt, song bạn vẫn cần sắp xếp các nội dung theo một trật tự nhất định để giúp người đọc dễ dàng nắm bắt những ý tưởng, thông điệp chính. Một bài luận về bản thân thường có ba phần với cấu trúc phổ biến như sau:

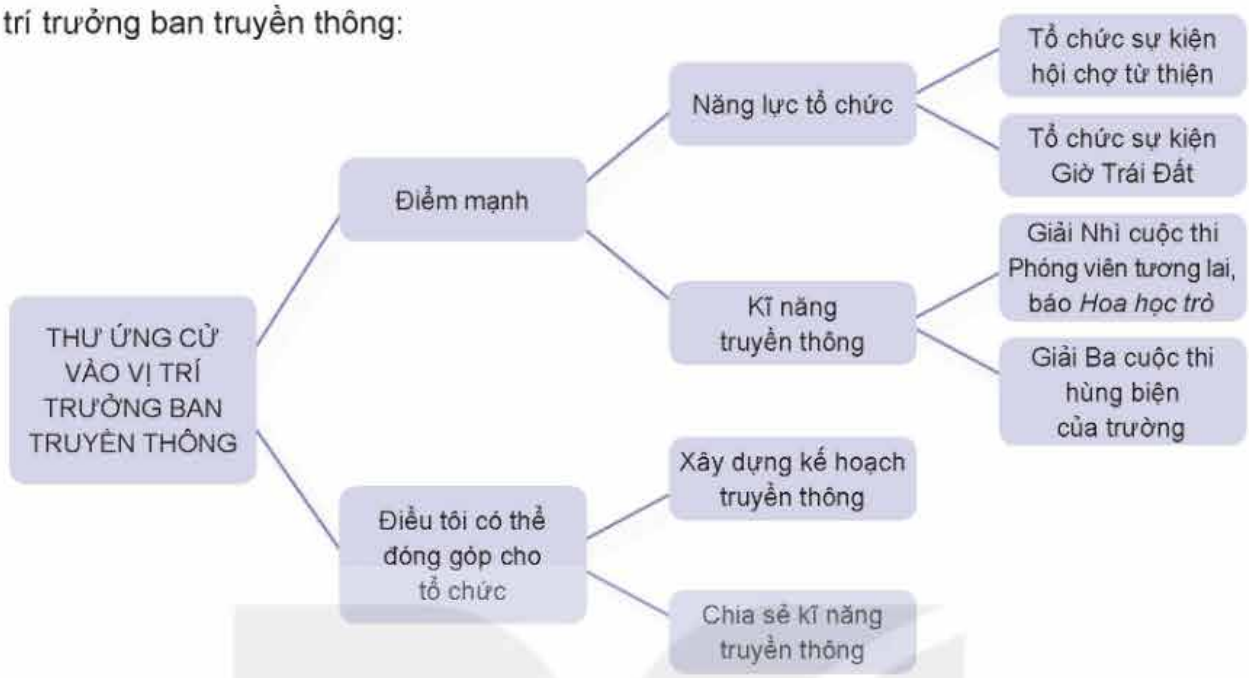
Mở bài: Trình bày trực tiếp mục đích của bài luận hoặc nêu thông điệp chính của bản thân.

Thân bài: Tuỳ vào mục đích của bài luận về bản thân, bạn có thể triển khai phần thân bài theo nhiều cách khác nhau. Ví dụ:

– Thể hiện suy nghĩ, đúc rút về cuộc sống từ những sự kiện có thực mà mình đã trải qua: Bạn có thể sắp xếp các sự kiện theo trật tự thời gian hoặc theo mạch suy ngẫm. (Trong đoạn trích *Hãy đam mê, hãy dại khờ*, Sti-vơ Giốp đã sắp xếp các sự kiện theo trật tự thời gian; trong *Một đời như kẻ tìm đường*, tác giả Phan Văn Trường đã chọn lọc, tổ chức các sự kiện xoay quanh mạch suy ngẫm về hành trình lựa chọn của mình trong cuộc sống.)

– Làm rõ những điểm mạnh, điểm yếu cần nói đến nhất của bản thân dựa trên những bằng chứng xác thực, đáng tin cậy. Bạn có thể sắp xếp các ý theo trình tự logic và

trình bày dàn ý dưới dạng một sơ đồ. Có thể tham khảo dàn ý sau cho thư ứng cử vào vị trí trưởng ban truyền thông:



Kết bài: Nhắc lại những điểm chính trong bài viết, nêu lên suy ngẫm, bài học từ những trải nghiệm của bản thân, kêu gọi hành động, gợi mở suy nghĩ cho người đọc.

Viết

– Lựa chọn văn phong: Một bài luận về bản thân cần phải thể hiện rõ nét cá tính của người viết và gây ấn tượng với người đọc. Vì thế, hãy hình dung bạn đang đối thoại với độc giả, suy nghĩ về cảm xúc bạn muốn truyền tải để lựa chọn văn phong cho phù hợp (bay bổng hay giản dị, nghiêm trang hay hài hước, chú trọng tính logic hay ưu tiên cho tình cảm,...). Ví dụ: Trong đoạn trích *Hãy đam mê, hãy dại khờ*, Sti-vơ Giốp đã sử dụng văn phong dí dỏm, hài hước, trong khi đó ở bài viết *Một đời như kẻ tìm đường*, Phan Văn Trường lại lựa chọn giọng điệu tâm tình, thân mật. Bài luận của bạn cần có giọng điệu phù hợp với mục đích viết nhưng vẫn phải chứng tỏ được phong cách và cá tính riêng của bạn.

– Sử dụng các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm để tác động mạnh mẽ đến tưởng tượng, cảm xúc của người đọc.

– Có thể sử dụng linh hoạt các biện pháp tu từ như so sánh, ẩn dụ, điệp ngữ,... để gia tăng sức hấp dẫn của bài viết.

Chỉnh sửa, hoàn thiện

Đọc lại bài viết, đối chiếu với yêu cầu của kiểu bài và dàn ý đã lập để chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết theo các tiêu chí sau:

– Bài viết thể hiện rõ quan điểm, phát hiện riêng của bạn về cuộc sống.

– Qua bài viết, người đọc có thể hình dung ra cụ thể câu chuyện của bạn, những quan điểm, giá trị riêng của bạn.

– Bài viết đã được tổ chức một cách chặt chẽ, mạch lạc.

– Bài viết đảm bảo tuân thủ các quy định về chính tả, không mắc lỗi dùng từ và đặt câu.

NÓI VÀ NGHE

Thuyết trình về một vấn đề xã hội có sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ

Yêu cầu

- Xác định rõ vấn đề xã hội cần thuyết trình.
- Nêu được lí do lựa chọn vấn đề xã hội để thuyết trình (từ phía cá nhân người nói và nhu cầu thực sự của người nghe).
- Làm sáng tỏ các phương diện (khía cạnh) chủ yếu của vấn đề xã hội được thuyết trình với lí lẽ và bằng chứng đầy đủ, thể hiện được quan điểm riêng của người nói.
- Chọn được ngôn ngữ và giọng điệu thích hợp (sinh động, giàu sắc thái biểu cảm, có điểm nhấn,...), kết hợp hài hoà với việc sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ (điệu bộ, cử chỉ, hình ảnh minh hoạ,...).

Chuẩn bị nói và nghe

Chuẩn bị nói

Lựa chọn đề tài

– Với đề tài đã được lớp hoặc nhóm học tập xác định trước thì người nói chỉ cần tìm tư liệu phù hợp để tổ chức bài nói của mình. Cái riêng của bài nói cũng như cách thực hiện bài nói lúc đó thể hiện ở những phát hiện và kiến giải mang tính cá nhân về vấn đề, cùng với khả năng diễn đạt và thu hút sự chú ý của người nghe.

– Với đề tài được tuỳ ý lựa chọn, người nói có thể tham khảo các đề tài xã hội đã được đề cập trong phần Đọc của bài học này. Ngoài ra, người nói nên chú ý đến đặc điểm nhận thức, tâm lí, thị hiếu,... của người nghe để từ đó lựa chọn những đề tài xã hội gần gũi hoặc đang được quan tâm, gợi cảm hứng (đối với người nghe).

Gợi ý: Người nói có thể sử dụng hình thức khảo sát người nghe trước khi lựa chọn đề tài để có thêm căn cứ cho việc lựa chọn của mình.

Tìm ý và sắp xếp ý

– Nên dựa vào việc giải đáp cụ thể đối với các câu hỏi sau để tìm ý, xây dựng luận điểm: Vấn đề xã hội sẽ được trình bày ở đây là gì? Vì sao tôi muốn nói về vấn đề này? Vấn đề xã hội được trình bày có những khía cạnh nào cần đặc biệt lưu ý? Có điều gì cần điều chỉnh trong nhận thức của chúng ta về vấn đề xã hội đang được nói tới? Chúng ta nên có thái độ và hành động như thế nào trước vấn đề xã hội đó?...

– Bài thuyết trình cần trình bày được vấn đề xã hội đã lựa chọn, đồng thời nêu lên quan điểm của người thuyết trình; quan điểm sẽ được cụ thể hoá bằng các luận điểm.

Hai nội dung cơ bản trên có thể được trình bày lần lượt hoặc xen kẽ nhau tuỳ theo lựa chọn của người thuyết trình.

Xác định từ ngữ then chốt

Với dạng bài nghị luận thuyết trình về một vấn đề xã hội, các từ ngữ then chốt một mặt có tính khách quan (liên quan đến việc trình bày các thông tin về vấn đề xã hội), một mặt có tính chủ quan (liên quan đến việc thể hiện và bảo vệ quan điểm của người thuyết trình về vấn đề xã hội). Các từ ngữ có tính khách quan: theo... thì..., căn cứ vào..., theo tường thuật của...; các từ ngữ có tính chủ quan: tôi cho rằng..., tôi khám phá ra rằng..., điều tôi thấy đáng chú ý là..., từ góc nhìn của tôi..., theo quan điểm của tôi...;...

Phương tiện hỗ trợ

Chuẩn bị các phương tiện như PowerPoint (nếu có) kết hợp tranh ảnh, sơ đồ, bảng biểu, video,... Với bài thiên về khái quát, cần có những sơ đồ, bảng biểu tổng hợp; với bài thiên về cung cấp dẫn chứng cụ thể, xác thực thì việc sử dụng các hình ảnh trực quan, video,... nên được ưu tiên lựa chọn.

Chuẩn bị nghe

Tìm hiểu trước về đề tài thuyết trình. Nếu đó là đề tài được lớp hoặc nhóm học tập xác định sẵn, bạn cần tìm kiếm các tư liệu bàn về vấn đề xã hội đó, đồng thời phác thảo sơ lược những kiến giải của mình để trao đổi với người nói. Nếu người nói có sử dụng hình thức khảo sát trước buổi thuyết trình, bạn nên hưởng ứng việc khảo sát đó một cách nghiêm túc, cẩn thận, góp phần giúp người nói lựa chọn đúng vấn đề xã hội mà mọi người cùng quan tâm hoặc muốn tìm hiểu.

Thực hành nói và nghe

Người nói	Người nghe
– *Mở đầu*: Nêu vấn đề xã hội và lí do lựa chọn. – *Triển khai*: Trình bày các luận điểm trong bài thuyết trình theo trình tự đã chuẩn bị, kết hợp hài hoà với việc trình chiếu PowerPoint (nếu có) và các phương tiện hỗ trợ khác. – *Kết luận*: Khái quát lại những luận điểm chính, gợi ra hướng suy nghĩ tiếp về vấn đề; bày tỏ mong muốn nhận được sự trao đổi từ người nghe. Lưu ý: – Người nói cần kết hợp các phương tiện phi ngôn ngữ đã chuẩn bị với các phần nội dung cụ thể của bài nói (nhất là các phần cần nhấn mạnh hay thể hiện quan điểm riêng). – Sử dụng ngữ điệu (lên giọng, ngừng, nghỉ,...) và ngôn ngữ cơ thể (ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ,...) một cách linh hoạt để gia tăng sức biểu đạt của bài nói, tạo ra sự tương tác tốt nhất với người nghe.	– Theo dõi phần trình bày mà người nói thể hiện bằng ngôn ngữ và bằng các phương tiện phi ngôn ngữ. – Nghe trên tinh thần cởi mở, sẵn sàng tiếp nhận quan điểm của người nói và chuẩn bị thể hiện quan điểm của mình ở hoạt động Trao đổi.

Trao đổi

– Người nghe phát huy vai trò chủ động bằng cách nêu vấn đề để trao đổi, tranh luận,...

– Người nói cần tự tin thể hiện quan điểm của mình, có thái độ tiếp nhận và phản hồi thích hợp trước những nhận xét, trao đổi của người nghe để phát triển và hoàn chỉnh ý tưởng, quan điểm của mình.

– Việc tự đánh giá và đánh giá về bài thuyết trình cần được thực hiện dựa theo các gợi ý trong bảng sau:

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Chọn được vấn đề xã hội có ý nghĩa, đang được quan tâm rộng rãi, khơi gợi được hứng thú của người nghe.		
2	Có đủ ba phần: *Mở đầu, Triển khai, Kết luận.*		
3	Thông tin về vấn đề xã hội và quan điểm về vấn đề đó được trình bày rõ ràng, sinh động.		
4	Các phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng một cách hiệu quả: kết hợp hài hoà với phương tiện ngôn ngữ, phù hợp với tính chất của bài trình bày.		
5	Có phong thái tự tin, có sự tương tác khi trình bày.		
6	Có tinh thần cầu thị, cởi mở, sẵn sàng tiếp nhận và đối thoại với các quan điểm khác nhau về vấn đề được trình bày.		

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG

1. Các văn bản *Về chính chúng ta, Con đường không chọn, Một đời như kẻ tìm đường* gợi cho bạn suy nghĩ gì về cuộc sống?

2. So sánh đặc trưng của bài luận về bản thân và văn bản nghị luận thông thường dựa theo gợi ý sau:

Tác phẩm	Bài luận về bản thân	Văn bản nghị luận thông thường
Nội dung		
Cấu trúc		
Ngôn ngữ		

3. Tìm đọc thêm các văn bản về những nhân vật, sự kiện có ảnh hưởng lớn trong cuộc sống đương đại. Tổng hợp lại những thông tin đó dưới dạng biểu đồ, sơ đồ.

4. Thuyết trình về một vấn đề xã hội trong các văn bản đã đọc mà bạn thấy hứng thú, trong đó có sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ.

5. Viết bài văn về một sự lựa chọn có ý nghĩa mà bạn đã trải qua.
6. Phỏng vấn một người thân hoặc một người bạn về lựa chọn của họ trong cuộc sống (Tình huống họ phải lựa chọn là gì? Họ đã lựa chọn như thế nào? Vì sao họ lại có lựa chọn đó? Lựa chọn đó ảnh hưởng như thế nào đến cuộc đời của họ?...). Ghi chép lại nội dung cuộc phỏng vấn đó.

THỰC HÀNH ĐỌC

Một số điều cần lưu ý khi đọc văn bản:

- Hình dung về hoàn cảnh ra đời của văn bản (tình hình đất nước, cuộc sống và sự lựa chọn của tác giả, điều kiện viết – sáng tác,...).
- Tìm hiểu quan điểm nhìn nhận đời sống, cảm xúc, tâm trạng của người viết.
- Phân tích giọng điệu trần thuật và mạch liên kết các sự kiện, cảm xúc, liên tưởng,... trong văn bản.
- Nhận ra thông điệp từ văn bản và nêu được tác động của nó đối với những lựa chọn của bản thân.

Mãi mãi tuổi hai mươi(*)

(Trích)

Nguyễn Văn Thạc

2/10/1971

Nhiều lúc mình cũng không ngờ nổi rằng mình đã đến đây. Không ngờ rằng trên mũ là một ngôi sao. Trên cổ áo là quân hàm đỏ. Cuộc đời bộ đội đến với mình tự nhiên quá, bình thản quá và cũng đột ngột quá.

Thế là thế nào? Cách đây ít lâu, mình còn là sinh viên. Bây giờ thì xa vời lắm rồi những ngày cắp sách lên giảng đường, nghe thầy Đường, thầy Đạo,... Không biết bao giờ mình sẽ trở lại những ngày như thế. Hay chẳng còn bao giờ nữa! Có thể lắm. Mình đã lớn rồi. Học bao lâu mà đã làm được gì đâu, đã sống được gì đâu? Chỉ còm cõi vì trang sách, gầy xác đi vì mộng mị hão huyền.

(*) Cuốn sách được tổ chức từ những trang nhật kí của liệt sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam Nguyễn Văn Thạc (1952 – 1972), do NXB Thanh niên ấn hành năm 2005. *Mãi mãi tuổi hai mươi* cùng *Nhật kí Đặng Thuỳ Trâm* được xếp vào một trong mười sự kiện văn hoá tiêu biểu năm 2005, được tái bản nhiều lần với số lượng phát hành lớn.

Hai mươi tám ngày trong quân ngũ mình hiểu được nhiều điều có ích. Sống được nhiều ngày có ý nghĩa. Dọc đường hành quân, có dịp xem lại lòng mình, soát lại lòng mình.

Mình bắt đầu sống có trách nhiệm từ đâu, từ lúc nào? Có lẽ từ 9/3/1971, tháng Ba của hoa nhãn ban trưa, của hoa sấu và hoa bằng lăng nước.

Những người bạn thân yêu của mình đã lần lượt đi học xa hết cả rồi. Mỗi người một phương. Các bạn đã đi lên phương Bắc. Còn mình, sẽ đi về phương Nam…

Đêm Hà Bắc thật thanh bình. Thèm quá, nghe một tiếng thì thào của cánh gió trên đồi bạch đàn… Mình đã sống trên hai mươi ngày bên hồ cá Yên Duyên, Yên Sở. Ở đó có những đường cây đẹp tuyệt. Mình đã chụp tấm ảnh bộ đội đầu tiên dưới một gốc dừa, sau lưng là hồ cá. Hoàng hôn thong thả thay màu nước. Và ngôi sao Hôm trầm tư, kiêu hãnh đã mọc trên trời. Cuộc đời bộ đội đâu dễ dàng như thế. Mình đã khóc, nước mắt giàn giụa, khi các bạn tiễn mình đi, khi buổi lễ kết thúc, khi bài *Quốc ca* rung bầu không khí trong lành trên Trường Tổng hợp[1]. Bản nhạc này đây, bao lần mình đã nghe, đã cúi đầu suy nghĩ. Nhưng hôm nay mới thực hiểu, thực cảm một điều giản dị: Bài *Quốc ca* của ta, của ta!

Khóc, không phải vì hèn yếu, không phải vì buồn bã, mà vì xúc động. Vì buổi chia tay này thiêng liêng quá. Những người bạn thân yêu nhất của mình không thể tiễn mình đi được. Và bàn tay ấy, và đôi mắt ấy, giọng nói ấy,… Lên xe rồi, xe nổ máy. Xe Việt Nam sản xuất, tiếng động cơ như tiếng tim mình vậy. Nghẹn thắt vì một cảm giác khó tả, mình ngước nhìn lần cuối cùng cánh cửa sổ, nơi hằng ngày mình bò ra, nhìn xuống lòng đường. Khoảng trời nhỏ của riêng mình đó. Một hôm nào, những hôm nào mình mong chờ nhìn thấy bạn của mình đạp xe qua, để mình gọi… Bây giờ, là chia tay, xe lăn bánh, êm ru, xe đi êm, mà bọn mình xô vào nhau, chen nhau thò tay ra cửa. Ngoài kia, là những khuôn mặt gần gũi, tuy có người chẳng bao giờ mình trò chuyện, chẳng bao giờ mình nghĩ rằng có họ sống trên đời… ở đâu, khuôn mặt thân yêu ấy? Bạn đi, mình không gặp được.

Đêm 26/7 chỉ là những gương mặt xa lạ, đầy vẻ háo hức và tự mãn. Rối loạn, và thoảng một thứ mùi khó chịu. Mình không dám đứng lâu và đành chịu một nỗi ân hận giày vò… Mình đi, khi bạn đang bước vào năm học mới. Bước lên giảng đường, bạn có nhớ tới mình không?… Đừng, hãy để tâm hồn trọn vẹn thanh thản, mà đón một mùa xuân của lòng mình. Trang đầu của cuộc đời sinh viên, đừng để rơi một giọt mực, đừng để loang lổ một vết ố vàng…

Xe ơi, lao nhanh hơn, cho ta chóng tới gia đình lớn. Nơi ta gửi gắm cả thời thanh xuân của mình…

Hơn cả khi trên tay phập phồng tờ quyết định. Vui sướng, tự hào, cảm động làm sao khi trên người ta là bộ quân phục xanh màu lá. Anh sinh viên quen màu trắng áo của

---

(1) *Trường Tổng hợp*: Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, nay là Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên – Đại học Quốc gia Hà Nội.

cánh cò, quen màu xanh da trời tháng nắng… Mình trút bỏ không thương tiếc, và trìu mến khoác lên mình màu xanh ấy. Màu xanh của núi đồi và thảo nguyên, của ước mơ và hi vọng. Màu xanh bất diệt của sự sống.

Trên mũ là ngôi sao. Ta lặng ngắm ngôi sao, như hồi nào ta chỉ cho bạn: Kia là sao Hôm yêu dấu… Nhưng khác hơn một chút. Bây giờ, ta đọc trong ngôi sao ấy, ánh lửa cầu vồng của trận công đồn, màu đỏ của lửa, của máu,…

Ta như thấy trong màu kì diệu ấy, có cả hồng cầu của trái tim ta…

Ai ra đi cũng với lòng say lí tưởng, và nhẹ nhẹ bên trong là chút ước mơ. Buổi gác đầu tiên là đêm trăng sáng, là bài thơ, là một trang nhật kí,… Sung sướng và hãnh diện biết bao, ơi xóm làng yêu quý, ngủ yên, ngủ yên, có anh bộ đội thức canh trời. Những mái nhà nghiêng như mí mắt thân thương, nhắm ngủ ngon lành… Ta bước nhẹ, lâng lâng một mùi hương quen thuộc. Bưởi đã cuối mùa, ổi đã cuối mùa,… Cây lá đang dồn nhựa để trổ ra một mùa quả chín…

[...] Hành quân từ 5 giờ chiều đến 9 giờ đêm, đẹp lắm. Trăng đầu tháng còn đỏ quạch, cứ gợi cho ta nhớ một cánh buồm. Đấy, cánh buồm đỏ thắm, đựng đầy gió, gió cuốn những ngôi sao đêm, ùa vào lòng thuyền và đẩy thuyền trôi trong tâm tưởng… Ngủ bên bờ một dòng sông, có những đường dừa thật đẹp.

Trời trong quá, dây điện chăng như những dòng kẻ của một trang vở học trò. Đừng bấm đèn trêu họ, cứ để họ nói chuyện với nhau. Anh con trai sắp xa người bạn của mình. Cô ta lại về trường học tiếp. Chỉ còn vài tiếng nữa thôi là còi tàu, là chuyến bánh. Anh dặn gì cô ấy, có lẽ chẳng dặn gì đâu, và chỉ mỉm cười… Cậu nào đã cất tiếng hò:

Tiếng ai như tiếng chuông vàng
Tiếng ai như tiếng cô nàng của anh…

Còn tiếng này thì đúng là giọng anh Châu rồi, anh "Mộng Châu":

Anh yêu em lắm em ơi,
Nhưng anh chẳng dám ngỏ lời với em…

Lính khoái, cười khúc khích… Những vì sao dưới sông cũng va vào nhau… Những cành dừa cũng nắm tay nhau tinh nghịch bay qua bầu trời thanh bình. Tiếng động cơ như xay lúa.

Đêm đẹp vô cùng, ta lắng nghe đất thở. Anh bạn nằm bên rọi đèn pin tìm gì, có phải anh tìm con dế đang cần cù dạo bản nhạc đêm của Mi-khai-in Pri-sơ-vin (Mikhail Prishvin)[1]? Không cưỡng nổi, ta lấy giấy và viết thư cho Như Anh…

(Nguyễn Văn Thạc, *Mãi mãi tuổi hai mươi*, NXB Thanh niên, 2005, tr. 30 – 36)

---

[1] *Mi-khai-in Pri-sơ-vin* (1873 – 1954): nhà văn Nga nổi tiếng với những tác phẩm viết về đề tài thiên nhiên bằng bút pháp thơ mộng, trữ tình: *Bốn mùa, Lịch thiên nhiên* (1935); *Giọt rừng* (1940);…

ÔN TẬP HỌC KÌ II

Yêu cầu cần đạt

- Hệ thống hoá kiến thức đã học trong sách giáo khoa *Ngữ văn 10*, tập hai.
- Phát triển kĩ năng đọc, viết, nói và nghe thông qua việc thực hiện những nhiệm vụ đặt ra trong các bài tập.
- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học và rèn luyện vào việc giải quyết những bài tập mang tính tổng hợp.

I. HỆ THỐNG HOÁ KIẾN THỨC ĐÃ HỌC

1. Loại văn bản và thể loại văn bản nào đã được học trong học kì II? Nêu nhan đề những văn bản cụ thể thuộc về các loại, thể loại đó.
2. Bài 6 (*Nguyễn Trãi – "Dành còn để trợ dân này"*) có những điểm gì đặc biệt so với các bài học khác?
3. Qua những văn bản được đọc và phân tích ở Bài 7, những kiến thức nào về thể loại truyện được chú ý bổ sung, nhấn mạnh (so với những bài học về truyện trước đó)?
4. Hãy thống kê các nội dung thực hành tiếng Việt trong sách giáo khoa *Ngữ văn 10*, tập hai. Những hiểu biết về phương tiện phi ngôn ngữ đã giúp bạn những gì trong việc đọc các văn bản thông tin và viết bản nội quy hay bản hướng dẫn nơi công cộng?
5. Sách giáo khoa *Ngữ văn 10*, tập hai gồm những kiểu bài viết nào? Hãy nhắc lại tên các kiểu bài viết và yêu cầu chung của từng kiểu bài.
6. Những nội dung nói và nghe nào đã được thực hiện với các bài học trong sách giáo khoa *Ngữ văn 10*, tập hai? Nội dung nói và nghe nào khiến bạn hứng thú nhất? Vì sao?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

II. LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

1. ĐỌC

Đọc hai văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

VĂN BẢN 1

Vật liệu thông minh

(Trích)

An-na Plô-xgiai-xki (Anna Ploszajski)

Hãy tưởng tượng cuộc sống sẽ thế nào nếu các vật dụng của bạn có thể cảm nhận, phản ứng, di chuyển, thích nghi, biến đổi và hoàn toàn tự sửa chữa. Trong tương lai, điều này sẽ trở thành hiện thực; các vật thể rắn sẽ tự hoạt động mà không cần sự tương tác của con người, không phải nhờ rô-bốt hay điện tử, mà nhờ việc được chế tạo từ "vật liệu thông minh". Đây là những chất rắn có tính chất – như màu sắc, hình dạng hoặc từ tính – có thể thay đổi một cách độc lập để thích ứng với các kích thích như ánh sáng, nhiệt độ, áp lực hoặc độ ẩm. Phạm vi của chủ đề này rất rộng. Trong cuộc sống của mình, chúng ta sẽ thấy các vật liệu thông minh ở khắp mọi nơi: trên các mái nhà thay đổi màu sắc để điều chỉnh nhiệt độ của các toà nhà, trong các thiết bị đeo tay, trong cấu tạo của những rô-bốt giống người, hay thậm chí là những lon bắp rang tự biết mở.

[…] Ngày nay, có hàng triệu các nghiên cứu được cấp bằng sáng chế sử dụng những vật liệu này. Nhìn chung, chức năng của chúng chia làm sáu loại – thay đổi màu sắc, cảm nhận, di chuyển, sưởi ấm/làm mát, tự khắc phục và thay đổi trạng thái (đóng băng và tan chảy). Và vật liệu thông minh không bị giới hạn trong địa hạt khoa học viễn tưởng hay phòng thí nghiệm – hầu hết mọi người đã quen thuộc với một vài thứ như kính râm đổi màu, tự động tối lại khi gặp ánh sáng mặt trời, hoặc cốc tri nhiệt biến sắc, tự động thay đổi màu sắc khi đổ cà phê nóng vào bên trong.

[…] Đây là tương lai của thế giới vật chất – và đó sẽ là một nơi thú vị.

(Nhiều tác giả, Gim Eo-Kha-lơ-li (Jim Al-Khalili) biên tập,
Nguyễn Kim Phụng dịch, *Thế giới sẽ ra sao?*, NXB Dân trí –
Công ti cổ phần Văn hoá và Truyền thông Nhã Nam, Hà Nội, 2020, tr. 211 – 213)

VĂN BẢN 2

80 năm nhìn lại...

(Trích)

Nguyễn Khắc Viện

[...] Lớn lên trong gia đình nhà Nho, tôi nhận thức được rằng mình được học hành đầy đủ là mang một món nợ đối với nước, với dân, với anh em mang súng gươm lăn lộn trên chiến trường. Vũ khí của tôi là lời nói, là cây bút. Với bà con Việt kiều yêu nước, ai thắc mắc hiểu lầm thì phải đứng lên thuyết phục, ở đâu xuyên tạc chính nghĩa của dân tộc ta thì đấu khẩu, đấu bút trên báo chí, trong hội nghị, trên đài phát thanh.

Ở Pa-ri, Thuỵ Điển, Rô-ma (Roma), Thái Lan,... may mắn được biết bao bạn bè vừa chân tình, vừa thông thái hết lòng giúp đỡ, đăng lên báo, in thành sách, chuyển từ tiếng Pháp sang tiếng Anh, tiếng Ý, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Ả Rập,... Không thể quên người bạn đời của tôi từng chia sẻ ngọt bùi đắng cay để cùng gánh vác sự nghiệp. Có lần khai lí lịch tên bạn bè ở nước ngoài, tôi quả lúng túng. Cả kiều bào lẫn người nước ngoài đến mấy trăm người ghi sao hết được! Bao nhiêu người chắp cánh cho tôi xông vào nhiều trận địa khác nhau: chính trị, quân sự, kinh tế, lịch sử, văn hoá, xã hội,... tả xung hữu đột hơn ba mươi năm trời như anh chàng Đông Ki-sốt (Don Quijote) thuở nào, tạo điều kiện cho tôi hoàn thành nghĩa vụ người công dân. [...]

(Nguyễn Khắc Viện, *Tự truyện*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2007, tr. 193 – 194)

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Hai văn bản *Vật liệu thông minh* và *80 năm nhìn lại*... nhắc bạn nhớ tới những văn bản nào đã được đọc, tham khảo hay thực hành viết trong học kì II? Dựa vào đâu mà bạn có liên hệ như vậy?
2. Yếu tố tự sự, biểu cảm thể hiện đậm nét trong văn bản nào? Hãy phân tích lí do xuất hiện và ý nghĩa của yếu tố tự sự, biểu cảm ở văn bản đó.
3. Trong văn bản 1, những câu nào có sử dụng biện pháp chêm xen?
4. Trong văn bản *Vật liệu thông minh* có câu: "Phạm vi của chủ đề này rất rộng". Dựa vào hiểu biết của mình, bạn có thể nói thêm điều gì về chủ đề đã được tác giả gợi lên?
5. Cả hai văn bản, theo những cách khác nhau, đều chứa đựng những gợi ý bổ ích về bước đường tương lai của chính chúng ta. Bạn có đồng tình với ý kiến này không? Vì sao?

2. VIẾT

Chọn một trong các đề sau:

Đề 1.

Viết một bài văn nghị luận thể hiện những điều bạn cảm nhận được qua việc tìm hiểu về cuộc đời và sự nghiệp thơ văn của danh nhân Nguyễn Trãi.

Đề 2.

Tình thế lựa chọn khó khăn nhưng đầy ý nghĩa mà bạn đã trải qua trong hành trình rèn luyện – trưởng thành của mình.

Hãy viết về chủ đề trên.

Đề 3.

Trong số những tác phẩm văn học mà bạn đã tìm đọc được theo gợi ý ở các bài học trong sách giáo khoa *Ngữ văn 10*, tập hai, tác phẩm nào đã để lại cho bạn nhiều ấn tượng và suy nghĩ nhất? Hãy viết một bài văn nghị luận bàn về tác phẩm đó theo các vấn đề nội dung và nghệ thuật tự chọn.

Đề 4.

Theo quan sát và trải nghiệm của bạn, ở không gian sinh hoạt cộng đồng nào còn thiếu những quy định, hướng dẫn về hành vi ứng xử cần có cho mọi người? Trong vai người được một cơ quan, tổ chức có thẩm quyền uỷ nhiệm, bạn hãy hoàn thành một bản nội quy hay hướng dẫn nơi công cộng góp phần xây dựng môi trường sống lành mạnh, có văn hoá.

3. NÓI VÀ NGHE

Chọn thực hiện theo nhóm học tập một trong các nội dung sau:

Nội dung 1.

Thảo luận về vấn đề: Cần xử lí như thế nào mối quan hệ giữa việc tuân phục ý chí của người khác và việc thuận theo mách bảo của nội tâm trên vấn đề chọn đường đi trong cuộc sống?

Nội dung 2.

Cái hay của tác phẩm nằm ở đâu? Hãy cùng thảo luận vấn đề này trong một tác phẩm văn học được nhóm chọn đọc chung.

Nội dung 3.

Tự hiểu mình có dễ không và làm thế nào để hiểu? Hãy thực hiện bài thuyết trình về vấn đề trên.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

BẢNG TRA CỨU THUẬT NGỮ

STT	THUẬT NGỮ	BÀI	TRANG
1	bài luận về bản thân	9	99, 100, 113
2	bản hướng dẫn nơi công cộng	8	73, 74, 124,...
3	bản nội quy	8	93, 94, 95,...
4	bản tin	8	73, 74, 88
5	bằng chứng	6, 7, 8, 9	4, 27, 30,...
6	biền văn	6	20, 21
7	biểu đồ	6, 8, 9	32, 73, 74,...
8	bối cảnh lịch sử – văn hoá	6	4
9	bút pháp	6, 9	21, 23, 123
10	cách đưa tin (trong văn bản thông tin)	8	73, 74
11	cảm hứng chủ đạo	7	37, 38, 58
12	cảm xúc	6, 7, 9	5, 21, 60,...
13	cáo	6	5, 6, 7,...
14	câu thơ lục ngôn (trong bài thất ngôn bát cú)	6	9
15	(biện pháp tu từ) chêm xen	7, Ôn tập học kì II	37, 38, 59
16	chi tiết	7, 8	25, 65, 66,...
17	chủ đề	7, 8, 9	37, 61, 63,...
18	điểm nhìn	6, 7, 8	30, 69, 96,...
19	giá trị đạo đức, văn hoá (của tác phẩm)	7	37
20	hình ảnh	6, 7, 9	5, 21, 52,...
21	không gian (trong tác phẩm văn học)	7	38
22	lí lẽ	6, 7, 9	4, 9, 27,...
23	(biện pháp tu từ) liệt kê	7	37, 38, 59,...
24	lời người kể chuyện	7	37, 38, 58
25	lời nhân vật	7	37, 38, 69
26	luận đề	6	21, 113
27	luận điểm	6, 9	27, 29, 31,...
28	miêu tả	6, 7, 8, 9	23, 25, 38,...
29	người đọc	6, 7, 8, 9	5, 58, 66,...
30	người kể chuyện ngôi thứ ba	7	37, 38, 69

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

STT	THUẬT NGỮ	BÀI	TRANG
31	người kể chuyện ngôi thứ nhất	7	37, 69
32	nhan đề	6, 7, 8	34, 52, 57,...
33	nhân vật trữ tình	6, 9	23, 34, 106
34	nhân vật văn học	7	37, 38, 39,...
35	phương tiện ngôn ngữ	8, 9	73, 89, 118,...
36	phương tiện phi ngôn ngữ	6, 8, 9	33, 73, 120,...
37	quan điểm (của người viết, người nói)	6, 7, 8, 9	4, 27, 99,...
38	sơ đồ	6, 7, 8, 9	68, 74, 77,...
39	suy luận	8	73
40	sự kiện	6, 7, 8, 9	21, 38, 74,...
41	tác gia	6	4, 6, 10, 33
42	tác phẩm văn học	6, 7, 8, Ôn tập học kì II	38, 61, 79,...
43	thông điệp	8, 9	77, 96, 106
44	thông tin chính của văn bản	8	83, 88, 96
45	thơ Nôm Đường luật	6	23
46	thơ quốc âm	6	9
47	thời gian (trong tác phẩm văn học)	7	38, 58
48	thuyết minh	8	73, 91, 94
49	tình cảm (trong sáng tác văn học)	7	37, 38, 52,...
50	từ Hán Việt	6	23, 26
51	văn bản thông tin tổng hợp	8	73
52	văn chính luận	6	9, 10
53	văn học trung đại Việt Nam	6	4, 5, 6, 9,...
54	văn tứ lục	6	21
55	yếu tố biểu cảm	6	4, 5, 27

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

BẢNG GIẢI THÍCH MỘT SỐ THUẬT NGỮ

STT	THUẬT NGỮ	GIẢI THÍCH
1	bản hướng dẫn nơi công cộng	một loại văn bản thông tin xuất hiện ở không gian sinh hoạt chung của cộng đồng, chứa đựng những chỉ dẫn, quy định cần thiết, đảm bảo cho hoạt động trong không gian ấy diễn ra trật tự, lành mạnh, phục vụ cho lợi ích chung
2	bản nội quy	một loại văn bản thông tin có đòi hỏi riêng về thể thức, nêu những yêu cầu, quy định của một đơn vị, cơ quan nhằm đảm bảo an ninh hoặc sự hoạt động thông suốt của đơn vị, cơ quan đó
3	bản tin	một loại văn bản thông tin có chức năng cung cấp thông tin cập nhật về một sự việc, sự kiện, đối tượng nào đó được nhiều người quan tâm
4	biền văn	một thể văn quen thuộc trong văn học trung đại Trung Quốc và Việt Nam, lấy đối làm nguyên tắc cơ bản, tạo nên sự nhịp nhàng, cân đối cho lời văn; phân biệt với vận văn (văn vần), tản văn (văn xuôi) trong bảng thể loại văn học xưa
5	biểu đồ	một loại phương tiện thông tin, dữ liệu mang tính trực quan, dễ nắm bắt, dễ nhớ, gồm có nhiều hình thức đa dạng (hình cột, hình tròn, hình khuyên, hình phễu, nét, khối,...) cho thấy mối tương quan giữa các đối tượng, đại lượng cần so sánh với nhau
6	bút pháp	nét riêng trong cách vận dụng tổng hợp các phương tiện nghệ thuật để sáng tạo tác phẩm, giúp phân biệt các kiểu sáng tác, các phong cách nghệ thuật khác nhau
7	cảm hứng chủ đạo	tình cảm xuyên suốt quyện hoà quan niệm và cách đánh giá tồn tại trong một tác phẩm văn học, chi phối việc lựa chọn hình thức thể hiện của tác phẩm và có khả năng tác động mạnh vào cảm xúc của người tiếp nhận
8	cáo	một thể văn hành chính cổ có nguồn gốc từ Trung Quốc, có thể được viết bằng văn xuôi, văn vần hay biền văn, có nội dung tuyên bố về một sự kiện trọng đại của quốc gia, được vua hay chủ tướng ban bố rộng rãi cho mọi người cùng biết
9	câu thơ lục ngôn (trong bài thất ngôn bát cú)	câu thơ chỉ có 6 tiếng xen vào giữa những câu thơ 7 tiếng của bài thất ngôn bát cú, là nét đặc thù về mặt hình thức của thơ Nôm Đường luật thời kì đầu, thể hiện nỗ lực Việt hoá một thể thơ có nguồn gốc từ Trung Quốc
10	(biện pháp) chêm xen	xen một từ hoặc một cụm từ vào câu nhằm giải thích, thêm ý cho câu hoặc hướng tới mục đích tu từ
11	điểm nhìn	vị trí do người kể chuyện xác lập để miêu tả đối tượng và kể về diễn biến sự việc
12	(biện pháp) liệt kê	nêu liên tiếp các yếu tố cùng loại trong câu nhằm cung cấp thông tin đầy đủ hơn về đối tượng cần được nhấn mạnh trong câu, trong đoạn của văn bản hoặc hướng tới mục đích tu từ
13	người đọc	người tiếp nhận, thưởng thức, đánh giá văn bản, phát hiện các giá trị và sáng tạo ra ý nghĩa của văn bản, góp phần làm nên đời sống phong phú của văn bản
14	người kể chuyện ngôi thứ ba	loại hình tượng người kể chuyện xuất hiện từ rất sớm trong những hình thức tự sự cổ xưa; tuy ẩn danh, nấu mình, không trực tiếp tham gia vào câu chuyện nhưng nhiều khi có vẻ như biết rõ mọi điều, kể cả nội tâm sâu kín hay những điều bí mật của mọi nhân vật

STT	THUẬT NGỮ	GIẢI THÍCH
15	người kể chuyện ngôi thứ nhất	loại hình tượng người kể chuyện phổ biến trong sáng tác văn học, xưng "tôi" hoặc sử dụng một đại từ nào đó có ý nghĩa tương đương để kể (với tầm bao quát có giới hạn) về câu chuyện mà mình tham gia trong tư cách là nhân vật hành động hoặc chứng kiến hay để kể lại câu chuyện được nghe từ người khác
16	nhân vật văn học	hình tượng con người được xây dựng, miêu tả trong tác phẩm văn học theo nguyên tắc hư cấu, thường có những đặc điểm riêng về diện mạo, ngôn ngữ, hành động, tính cách; là phương tiện quan trọng bậc nhất giúp nhà văn thể hiện quan niệm và những khám phá nghệ thuật của mình về con người, cuộc sống
17	sơ đồ	một loại văn bản thông tin hoặc một bộ phận của văn bản thông tin, hiển thị bằng các hình vẽ quy ước, có tính chất sơ lược, để miêu tả những đặc trưng nhất định của một sự vật, một quá trình nào đó
18	tác gia	tác giả có những đóng góp lớn cho nền văn hoá, văn học dân tộc
19	tác phẩm văn học	sản phẩm nghệ thuật bằng ngôn từ do cá nhân hoặc tập thể sáng tạo, có thể tồn tại trong hình thức truyền miệng hoặc văn bản viết, làm thành đối tượng để người đọc thưởng thức, sáng tạo ý nghĩa và đánh giá
20	thơ Nôm Đường luật	loại thơ tiếng Việt được sáng tác theo thể Đường luật, viết bằng chữ Nôm, hình thành vào khoảng thế kỉ XIII, thể hiện nỗ lực Việt hoá một thể thơ ngoại lai của nhiều nhà thơ có tinh thần dân tộc
21	thơ quốc âm	thơ tiếng Việt được viết bằng chữ Nôm
22	văn bản thông tin tổng hợp	loại văn bản thông tin lồng ghép thông tin với một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận; có sự phối hợp các phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ
23	văn chính luận	thuộc văn nghị luận, có nội dung bàn về một vấn đề chính trị xã hội nóng hổi nào đó nhằm gây hiệu quả tức thì đến người đọc, người nghe
24	văn học trung đại Việt Nam	bộ phận văn học viết phát triển trong khoảng thời gian từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX, được sáng tác bằng chữ Hán và chữ Nôm, kết tinh nhiều giá trị tiêu biểu của lịch sử, văn hoá Việt Nam
25	văn tứ lục	một thể biền văn, mỗi câu 10 chữ được chia làm 2 phần, một phần 4 chữ (tứ), một phần 6 chữ (lục); cứ hai câu đi liền nhau, đối với nhau thì tạo thành một vế trong bài có nhiều vế
26	yếu tố biểu cảm	một yếu tố đặc trưng của văn bản văn học xuất hiện trong một loại văn bản khác như nghị luận, thông tin, thể hiện cảm xúc của người viết về vấn đề, đối tượng được nói tới

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

BẢNG TRA CỨU
MỘT SỐ YẾU TỐ HÁN VIỆT

STT	YẾU TỐ HÁN VIỆT	NGHĨA YẾU TỐ HÁN VIỆT
1	ái	– yêu, thích, mến mộ, ưa chuộng: *ái mộ, ái hữu, ưu ái,...* – tình cảm thân mật, lòng quý mến, yêu thương: *ái dân, ái quốc, bác ái, thân ái,...*
2	ánh	ánh sáng, phản chiếu, chiếu sáng: *ánh xạ, phản ánh,...*
3	ảnh	– bóng, bóng dáng của vật: *hình ảnh, nhiếp ảnh,...* – có liên quan tới: *ảnh hưởng,...*
4	cảm	– trạng thái tâm lí, tinh thần: *cảm hứng, cảm xúc,...* – làm cho xúc động trong lòng: *cảm động, biểu cảm, truyền cảm,...* – ảnh hưởng lẫn nhau: *cảm hoá, cảm ứng, đồng cảm, giao cảm,...* – nhận biết trong lòng: *cảm giác, cảm nhận,...* – biểu thị sự mang ơn: *cảm kích, cảm niệm,...*
5	cảnh (1)	– biên giới, ranh giới: *biên cảnh, nhập cảnh, xuất cảnh,...* – cõi, nơi chốn, khu vực: *cảnh giới, tiên cảnh, thắng cảnh,...* – tình huống, tình trạng: *cảnh huống, cảnh tượng, bối cảnh, hoàn cảnh,...*
6	cảnh (2)	– vẻ đẹp của hình ảnh, màu sắc: *cảnh sắc, phong cảnh,...* – phần, đoạn trong kịch, tuồng: *phân cảnh,...*
7	chính (1)	– liên quan đến pháp lệnh, sách lược quản lí của nhà nước; có tính chất quan phương: *chính luận, chính quyền, chính sách, chính sự, chính thể, chính trị,...* – trị vì, cai quản, làm chính trị: *chính khách, tham chính, vi chính,...*
8	chính (2)	– ở giữa: *chính diện, chính đáng, chính phương, chính thống,...* – ngay thẳng, đúng, lẽ phải, đúng với quy định, hợp với chuẩn mực: *chính đáng, chính đại, chính khí, chính nghĩa, chính thức, chính trực, chân chính,...* – sửa lại cho đúng: *cải chính, tu chính,...*
9	hiện	– tồn tại, lộ rõ ra, có sẵn: *hiện diện, hiện tồn, thể hiện,...* – trước mắt, bây giờ: *hiện đại, hiện tại, hiện thời,...*
10	hình	– thân thể, thực thể, cái bày ra ngoài: *hình ảnh, hình dạng, hình hài, hình thức, hình tượng, hữu hình, vô hình,...* – tình trạng, trạng huống, dáng vẻ: *hình thái, hình trạng, tình hình,...* – miêu tả, diễn tả: *hình dung,...*
11	hoa	– phần tinh tuý của sự vật: *tài hoa, tinh hoa,...* – vẻ đẹp, lộng lẫy, rực rỡ, tươi tốt: *hoa lệ, hoa mĩ, phồn hoa,...*
12	hoàng	màu vàng, sắc vàng: *hoàng giáp, hoàng hoa, hoàng hôn,...*
13	hùng	dũng cảm, mạnh mẽ, to lớn, kiệt xuất: *hùng biện, hùng dũng, hùng hậu, hùng hồn, hùng tâm, hùng vĩ, anh hùng, hào hùng,...*
14	khả	– có thể: *khả đĩ, khả dụng, khả năng, bất khả,...* – đáng, nên: *khả ái, khả kính, khả nghi, khả quan,...*
15	không	trống rỗng, khoảng không, bầu trời: *không gian, không khí, hư không,...*

STT	YẾU TỐ HÁN VIỆT	NGHĨA YẾU TỐ HÁN VIỆT
16	lí	– lí lẽ, lẽ đúng, việc nên theo: *chân lí, đạo lí, hợp lí, triết lí,...* – sắp xếp, xếp đặt: *chỉnh lí, quản lí, xử lí,...*
17	luận	bàn bạc, xem xét, phân tích: *luận điểm, luận thuyết, bình luận, chính luận, nghị luận, thảo luận,...*
18	niệm	– nghĩ, nhớ, mong: *kỉ niệm, hoài niệm,...* – đọc thầm: *cầu niệm, tụng niệm,...*
19	nội	trong, bên trong, ở trong một phạm vi nhất định: *nội bộ, nội quy, quốc nội,...*
20	nghĩa	– hợp với đạo lí, đúng với lẽ phải, điều nên làm: *nghĩa cử, nghĩa hiệp, nghĩa khí, nghĩa lí, nghĩa sĩ, nghĩa tình, nghĩa vụ, nhân nghĩa, trượng nghĩa,...* – ý tứ, nội dung của ngôn ngữ, văn tự: *đồng nghĩa, ý nghĩa,...*
21	nhân	lòng thương yêu, đức khoan dung: *nhân ái, nhân chính, nhân hậu, nhân nghĩa,...*
22	sản	– sinh ra, tạo ra, làm ra: *sản phụ, sản xuất, sinh sản,...* – của cải, phẩm vật: *sản phẩm, sản nghiệp, sản vật, di sản, đặc sản, khoáng sản, tài sản, thổ sản,...*
23	sự	– việc, làm việc, công việc: *sự cố, sự kiện, sự nghiệp, sự tình, sự tích, sự thực, sự vật, dân sự, quân sự,...* – phụng thờ, tôn thờ, tôn kính: *sự quân, sự phụ, phụng sự,...*
24	thảo	– nghiên cứu, bàn định, xem xét vấn đề: *thảo luận, hội thảo,...* – đánh dẹp, trừ bỏ: *thảo phạt, thảo trừ,...*
25	thành	thật thà, chân thực, không dối trá: *thành khẩn, thành tâm, thành thực, chân thành,...*
26	thiếu/ thiểu	– kém, không đủ; tuổi trẻ: *thiếu nữ, thiếu niên, thiếu phụ, thiếu thời, niên thiếu,...* – một âm đọc khác là *thiểu*, ít – số ít: *thiểu số, thiểu năng,...*
27	tư	– nghĩ, suy nghĩ: *tư duy, tư lự, tư tưởng, tâm tư, suy tư,...* – nhớ tưởng, mến thương: *tư niệm, tư vọng, tương tư,...*
28	tự	của mình, tự mình, chính mình: *tự ái, tự chủ, tự cường, tự giác, tự hào, tự nguyện, tự tôn, tự trọng,...*
29	văn	– đường vằn, nét vằn; hiện tượng: *hoa văn, thiên văn, thuỷ văn,...* – chữ viết, liên quan đến ngôn ngữ – chữ viết: *văn bản, văn chương, văn học, văn tự,...* – vẻ đẹp biểu lộ rõ, có tính chuẩn mực: *văn hoá, văn minh, văn hiến, văn vật, nhân văn,...*
30	vật	– chỉ chung các loài có mặt trong thế giới tự nhiên: *vật chất, động vật, khoáng vật, sinh vật,...* – vật, đồ vật, của cải: *báu vật, phẩm vật, sản vật, sự vật,...*
31	viện	– dẫn ra, viện ra, đưa ra: *viện dẫn, kinh viện,...* – cứu giúp, cứu trợ, giúp đỡ: *viện binh, viện trợ, chi viện, cứu viện,...*
32	vọng	– mong muốn, tâm nguyện, ngóng trông; danh dự, tiếng tăm: *vọng cổ, vọng phu, danh vọng, khát vọng, kì vọng, nguyện vọng, tuyệt vọng, tham vọng, thất vọng, ước vọng,...* – nhìn xa, nhìn cao: *cao vọng, viễn vọng,...*
33	vô	(phủ định từ) không, chẳng, chớ, đừng; không có, hư không: *vô biên, vô cùng, vô hạn, vô tận, hư vô,...*
34	y	dựa, tựa, nương tựa; theo cách có sẵn, theo cái đã định trước: *y cứu, y nguyên, chuẩn y,...*
35	yếu/ yêu	– quan trọng, cần thiết, cơ bản, nhất thiết phải: *yếu điểm, yếu lược, yếu nhân, yếu tố, cốt yếu, chủ yếu, nhu yếu, thiết yếu, trọng yếu,...* – một âm là *yêu* – đòi hỏi, mong muốn: *yêu cầu, yêu sách,...*

BẢNG TRA CỨU
TÊN RIÊNG NƯỚC NGOÀI

STT	PHIÊN ÂM	TÊN RIÊNG NƯỚC NGOÀI	BÀI	TRANG
1	A-hơ	Ahr	8	96
2	A-rát-xơ	Arras	9	106
3	An-na Plô-xgiai-xki	Anna Ploszajski	Ôn tập học kì II	125
4	An-tôn Sê-khốp	Anton Chekhov	7	53, 57
5	Ăng-giôn-rát	Enjolras	7	44
6	Bích Beng	Big Bang	8	76
7	Ca-na-đa	Canada	9	107
8	Các-lô Rô-ve-li	Carlo Rovelli	9	100, 103, 111
9	Cô-dét	Cosette	7	41, 44
10	Đôn Ki-sốt	Don Quijote	Ôn tập học kì II	126
11	Éc-na-ni	Hernani	7	43
12	En-vít-xờ Prét-xờ-li	Elvis Presley	9	107
13	Ét-uốt Thô-mớt-xơ	Edward Thomas	9	106
14	Giăng Van-giăng	Jean Valjean	7	39, 40, 41,...
15	Gia-ve	Javert	7	39, 40, 41,...
16	Giéc-ve	Gervais	7	43
17	Giê-su	Jesus	8, 9	82, 112
18	Gim Eo-Kha-lơ-li	Jim Al-Khalili	Ôn tập học kì II	125
19	Giô-dép Pha-mơn	Joseph Farman	8	85, 87
20	Hum-men	Hummel	8	96
21	I-ta-li-a	Italia	9	103
22	Lê-ô-pôn Mi-sen Ca-đi-e-rơ	Léopold Michel Cadiere	8	78
23	Lép Tôn-xtôi	Lev Tolstoy	7	58
24	Ma-đơ-len	Madeleine	7	39, 41, 44
25	Ma-ri-ô Mô-li-nơ	Mario Molina	8	85, 87
26	Ma-ri-uýt	Marius	7	44
27	Mát-xcơ-va	Moskva	7	57
28	Mi-khai-in Pri-sơ-vin	Mikhail Prishvin	9	123
29	Mi-ri-en	Myriel	7	43
30	Mông-tơ-rê-an	Montreal	8	84, 86, 87
31	Mông-tơ-rơi	Montreuil	7	39, 44
32	Na-đi-a	Nadia	7	53, 54, 56,...

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

STT	PHIÊN ÂM	TÊN RIÊNG NƯỚC NGOÀI	BÀI	TRANG
33	Na-đe-giơ-đa Pê-tơ-rốp-na	Nadezhda Petrovna	7	53
34	Nô-ben	Nobel	8	87
35	Pa-ri	Paris	7, 8, Ôn tập học kì II	43, 44, 82,...
36	Péc-mi	Permi	8	76
37	Pê-téc-bua	Petersburg	7	56
38	Pê-tơ Vô-lơ-lê-ben	Peter Wohlleben	8	96, 98
39	Phăng-tin	Fantine	7	39, 40, 41,...
40	Phô-sơ-lơ-văng	Fauchelevent	7	44
41	Phu-gi-ta	Foujita	7	70, 72
42	Pla-tông	Platon	9	107
43	Pôn An-ka	Paul Anka	9	107
44	Pôn Cờ-rốt-dân	Paul Crutzen	8	87
45	Pu-lít-dơ	Pulitzer	9	106
46	Rô-bớt Phờ-rốt	Robert Frost	9	104, 106
47	Rô-ma	Roma	Ôn tập học kì II	126
48	Sam Bơn	Sam Berns	9	116
49	Se-ri Rao-lân	Sherry Rowland	8	85, 87
50	Sten-phớt	Stanford	9	115
51	Stiu-uốt Bren-đờ	Stewart Brand	9	115
52	Sti-vơ Giốp	Steve Jobs	9	115, 116, 117
53	Ta-gan-rốc	Taganrog	7	57
54	Tê-nác-đi-ê	Thenardier	7	44
55	Tu-lông	Toulon	7	44
56	Va-xi-li Can-đin-xki	Wassily Kandinsky		136
57	Vích-to Huy-gô	Victor Hugo	7	39, 43, 45,...
58	Vơ-gin-ni-a	Virginia	8	77
59	Xem-pơ-lít	Simplice	7	42
60	Xô-cờ-rát	Socrates	9	107
61	Xoóc-bon	Sorbonne	8	82
62	Xti-phần An-đơ-sơn	Stephen Andersen	8	87
63	Xu-dăn Xô-lơ-mơn	Susan Solomon	8	85, 87

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Chủ tịch Hội đồng thành viên – Tổng Giám đốc NGUYỄN TIẾN THANH

Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập lần đầu: NGUYỄN THỊ KIM HẰNG – VŨ THỊ VÂN
Biên tập tái bản: NGUYỄN THỊ SÁNG
Biên tập mĩ thuật: NGUYỄN BÍCH LA
Thiết kế sách: PHẠM THỊ MINH THU
Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA
Minh hoạ: NGUYỄN BÍCH LA
Sửa bản in: NGUYỄN DUY LONG – VŨ THỊ THANH TÂM
Chế bản: CTCP MĨ THUẬT VÀ TRUYỀN THÔNG

Bản quyền © (2022) thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Xuất bản phẩm đã đăng kí quyền tác giả. Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tranh bìa: Va-xi-li Can-đin-xki (Wassily Kandinsky), *Composition VIII* (*Bố cục VIII*), 1923, tranh sơn dầu, 140 x 201 cm

NGỮ VĂN 10 – Tập hai
Mã số: G1HHXV002h26
In ..... bản, (QĐ .....) khổ 19 x 26,5 cm.
Đơn vị in:.....
Cơ sở in:.....
Số ĐKXB: 7-2026/CXBIPH/127-09/GD
Số QĐXB: .../..... ngày ... tháng ... năm .....
In xong và nộp lưu chiểu quý ..... năm .....
Mã số ISBN: Tập một: 978-604-0-31112-2
Tập hai: 978-604-0-31113-9



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH

BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 10 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Ngữ văn 10, tập một
2. Ngữ văn 10, tập hai
3. Chuyên đề học tập Ngữ văn 10
4. Toán 10, tập một
5. Toán 10, tập hai
6. Chuyên đề học tập Toán 10
7. Lịch sử 10
8. Chuyên đề học tập Lịch sử 10
9. Địa lí 10
10. Chuyên đề học tập Địa lí 10
11. Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10
12. Chuyên đề học tập Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10
13. Vật lí 10
14. Chuyên đề học tập Vật lí 10
15. Hoá học 10
16. Chuyên đề học tập Hoá học 10
17. Sinh học 10
18. Chuyên đề học tập Sinh học 10
19. Công nghệ 10 – Thiết kế và Công nghệ
20. Chuyên đề học tập Công nghệ 10 – Thiết kế và Công nghệ
21. Công nghệ 10 – Công nghệ trồng trọt
22. Chuyên đề học tập Công nghệ 10 – Công nghệ trồng trọt
23. Tin học 10
24. Chuyên đề học tập Tin học 10 – Định hướng Tin học ứng dụng
25. Chuyên đề học tập Tin học 10 – Định hướng Khoa học máy tính
26. Mĩ thuật 10 – Thiết kế mĩ thuật đa phương tiện
27. Mĩ thuật 10 – Thiết kế đồ hoạ
28. Mĩ thuật 10 – Thiết kế thời trang
29. Mĩ thuật 10 – Thiết kế mĩ thuật sân khấu, điện ảnh
30. Mĩ thuật 10 – Lí luận và lịch sử mĩ thuật
31. Mĩ thuật 10 – Điêu khắc
32. Mĩ thuật 10 – Kiến trúc
33. Mĩ thuật 10 – Hội hoạ
34. Mĩ thuật 10 – Đồ hoạ (tranh in)
35. Mĩ thuật 10 – Thiết kế công nghiệp
36. Chuyên đề học tập Mĩ thuật 10
37. Âm nhạc 10
38. Chuyên đề học tập Âm nhạc 10
39. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 10
40. Giáo dục thể chất 10 – Bóng chuyền
41. Giáo dục thể chất 10 – Bóng đá
42. Giáo dục thể chất 10 – Cầu lông
43. Giáo dục thể chất 10 – Bóng rổ
44. Giáo dục quốc phòng và an ninh 10
45. Tiếng Anh 10 – Global Success – Sách học sinh

Website: https://www.nxbgd.vn

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

ISBN 978-604-0-31113-9

9 786040 311139

Giá: 16.500 đ